

CHÚA NHẬT 4 THƯỜNG NIÊN A

Lời Chúa: Xp 2,3 – 3,12-13; 1Cr 1,26-31; Mt 5,1-12a

LỄ DÂNG CHÚA GIÊSU TRONG ĐỀN THÁNH

Lời Chúa: Ml 3,1-4; Dt 2,14-18; Lc 2,22-40 hay Lc 2,22-32

MỤC LỤC

CHÚA NHẬT 4 THƯỜNG NIÊN A.....	3
1. Khó nghèo.....	3
2. Hãy vui mừng.....	6
3. Nẻo về hạnh phúc – Lm. Ignatiô Trần Ngà.....	9
4. Hạnh phúc khi trao ban – Lm. Jos. Tạ Duy Tuyền.....	12
5. Mỗi phúc thật – ĐTGM. Ngô Quang Kiệt.....	15
6. Sống cuộc đời thành tựu – Achille Degeest.....	18
7. Mỗi phúc thứ nhất.....	20
8. Đi tìm hạnh phúc.....	24
9. Nỗi khao khát.....	27
10. Chín lần hạnh phúc.....	30
11. Phúc cho người sống những mỗi phúc.....	33
12. Đường hẹp – Radio Veritas Asia.....	36
13. Phúc thay.....	38
14. Suy niệm của Lm. Thiện Cẩm.....	41
15. Hạnh phúc – Lm. Nguyễn Ngọc Long.....	44
16. Tám Mỗi Phúc.....	47
17. Phúc Tám Mỗi.....	49
LỄ DÂNG CHÚA GIÊSU TRONG ĐỀN THÁNH.....	52
1. Tiến dâng cho Chúa.....	52
2. Tiến dâng Đức Giêsu cho Thiên Chúa - JKN.....	55
3. Thắp lên một ngọn nến.....	61
4. Mẫu gương của bậc cha mẹ - Lm. Gioan Trần Khả.....	64
5. Lễ Đức Mẹ dâng Con trong đền thờ.....	67
6. Dâng Chúa Giêsu trong đền thánh.....	69
7. Dâng Chúa trong đền thờ.....	72

8. Dâng Chúa Giêsu trong đền thánh.....	74
9. Dâng Con trong đền thờ.....	84
10. Các con là ánh sáng thế gian.....	86
11. Bảo vệ ánh sáng – Lc 2, 22-40.....	89
12. Lễ dâng Chúa Giêsu vào đền thờ.....	91
13. Dâng Chúa Giêsu vào đền thánh.....	96
14. Lễ Nến – Lm. Nguyễn Ngọc Long.....	103

CHÚA NHẬT 4 THƯỜNG NIÊN A

1. Khó nghèo.

Phật Thích Ca đã xác quyết trong bài thuyết pháp đầu tiên tại Bénarét bằng câu: Vạn sự vô thường, vạn sự khổ. Nghĩa là mọi sự đổi thay không ngừng, nên mọi sự chỉ là khổ đau. Sinh, bệnh, lão, tử. Con người sinh ra để rồi ốm yếu, già lão và cuối cùng là chết chóc. Rõ thật đời là bể khổ mà mỗi người là một cánh bèo trôi dạt trên đó.

Năm trăm năm sau, Đức Kitô xuất hiện trên đất Palestin, đã tuyên bố trong bài giảng đầu tiên: Phúc cho ai có tâm hồn khó nghèo, vì Nước Trời là của họ.

Một người bị mang tiếng là bị quan yếm thế, còn người kia thì lại bị coi là không tưởng, lạc quan thái quá. Một bên coi đời là bể khổ, còn một bên lại nhìn thấy màu hồng trong cái thanh bạch trống trơn. Người ta đã tốn khá nhiều giấy mực và thời giờ cũng như sức lực để nghiên cứu, suy tư và bàn cãi về hai bài giảng đầu tiên của Đức Phật và của Chúa Giêsu. Đã có cả những luận án trình bày và so sánh về hai bài giảng đó. Tuy nhiên, chẳng mấy ai hiểu được chính xác nội dung ý nghĩa của hai bài giảng có tính cách tiên tri ấy. Vì thật ra, cả Đức Phật lẫn Chúa Giêsu, đều không chủ ý đề ra một lý thuyết về vấn đề hạnh phúc và đau khổ, mà chỉ chia sẻ cho anh em nhân loại của các Ngài chính kinh nghiệm sống của mình.

Kinh nghiệm của Đức Phật là kinh nghiệm của một người đã đạt tới chân như, vượt ra ngoài thế giới vô thường của những đam mê mù quáng, của sự phân chia đối kháng. Còn kinh nghiệm của Chúa Giêsu là kinh nghiệm của một người thấy được sự tồn tại trong cái mất và sự sống trong cái chết. Đức Phật chỉ nói lên cái lý do, cái nguyên nhân làm cho người ta khổ, nhưng Ngài không bao giờ lên án cuộc đời, cho

nó chỉ là bề khổ. Chúa Giêsu cũng không bảo rằng muốn hạnh phúc thì phải là kẻ khổ rách áo ôm. Do đó, thánh Matthêu đã có lý khi thêm ba chữ "có tâm hồn" vào trong câu nói của Chúa, để xác định cho rõ cái nghèo nào mới thực sự đem lại hạnh phúc cho con người. Trong cuộc đời, xưa cũng như nay, vào thời con người còn ăn lông ở lỗ cũng như trong thời ở khách sạn năm sao, vẫn luôn diễn ra những cảnh trái khoáy và ngược đời: nhiều người có đủ điều kiện để hạnh phúc mà thực tế lại đau khổ khôn lường. Còn những kẻ xem ra bần cùng tăm tối, lại tràn trề hạnh phúc.

Thực ra, ai cũng biết rằng nghèo không đương nhiên là khổ, đã đành rằng nghèo và khổ thường đi đôi với nhau. Trái lại, giàu có cũng không tất nhiên đem lại hạnh phúc. Vấn đề hạnh phúc chủ yếu ở tại cái Tâm. Bởi thế các bậc thánh nhân, bằng những ngôn ngữ khác nhau, nhưng hầu như đều nhất trí trong việc đề cao đời sống tâm linh. Đó chính là lý do tại sao Chúa Giêsu đề cao tâm hồn nghèo khó, hiền hậu, dám chấp nhận đau khổ, yêu thích sự chính trực, thương xót anh em đồng loại, trong sạch và xây dựng hoà bình.

Thực vậy, những đức tính trên đây là những đức tính người nghèo của Thiên Chúa, theo truyền thống Kinh Thánh. Người nghèo của Thiên Chúa không phải là người có đời sống vật chất khó khăn túng quẫn, mà là kẻ luôn tin tưởng phó thác nơi Chúa, biết sống cho Ngài và cho anh em đồng loại. Lấy Chúa làm gia nghiệp và luôn sống trong tình liên đới với anh em. Thực thi điều răn quan trọng nhất là mến Chúa và yêu người.

Nói theo tư tưởng Đông phương, thì hạnh phúc chủ yếu ở chỗ thực hiện được sự hoà điệu giữa lòng mình với lòng trời, giữa lòng mình với lòng người, nghĩa là sống cho hợp lòng người và lấy lòng trăm họ làm lòng mình.

Trong tám mối phúc thật, Chúa Giêsu cho thấy hạnh phúc của chúng ta tùy thuộc vào mối tương quan ba chiều giữa chúng ta với Thiên Chúa, và giữa chúng ta với anh em đồng loại.

2. Hãy vui mừng.

(Trích trong ‘Manna’)

Suy Niệm

Đời sống mỗi người đều có những chỗ khuyết, chỗ hụt, những mất mát, yếu kém không thể bù đắp, nên ở đời có vẻ chẳng ai được hạnh phúc trọn vẹn. Ngay giữa lúc hạnh phúc nhất, cũng có điều làm bận lòng.

Trong bài giảng đầu tiên trên một ngọn núi, Đức Giêsu đã chỉ cho ta bí quyết để có hạnh phúc.

Hạnh phúc thực sự là quà tặng của Thiên Chúa, nhưng con người cần sống tích cực để đón nhận.

Được Nước Trời, được Đất Hứa, được thấy Thiên Chúa, được Ngài ủi an, thương xót, và làm cho no thỏa: những điều đó có nghĩa là sống thân tình với Ngài, được vui hưởng hạnh phúc viên mãn của chính Thiên Chúa.

Chỉ nơi Ngài mới có hạnh phúc trọn vẹn, vững bền.

Con người chỉ có hạnh phúc khi gắn bó với Nguồn cội, với Đấng đã, đang và sẽ ban cho mình tất cả.

Nói cho cùng, người hạnh phúc là người biết mở ra, mở ra với Thiên Chúa và mở ra với tha nhân.

Người có tâm hồn nghèo khó là người thật sự nghèo, chẳng có nhiều của cải hay chỗ đứng trong xã hội. Khi cảm nghiệm nỗi bất lực của mình, họ khiêm tốn mở ra và phó thác cho duy Thiên Chúa. Chính lúc đó họ thấy mình bình an, vững vàng.

Người khao khát trở nên công chính là người mong nên thánh. Nên thánh là sống theo tinh thần của cả Bài Giảng trên Núi. Nỗi khao khát không nguôi làm cho con người lớn lên. Nỗi khao khát đào sâu, để con người chứa được nhiều.

Người sầu khổ về mọi mặt sẽ được hạnh phúc, khi trong cơn đau, họ biết quay về với Thiên Chúa. Phúc cho ai thấy đau khổ của mình có ý nghĩa: đau khổ để đền tội, để phục vụ,

để triển nở thiêng liêng. Ngay cả đau khổ vô lý cũng làm ta gần Đấng trên thập giá.

Người bị bách hại, lãnh nhục, vu khống là người có phúc. Ngay giữa ngặt nghèo họ vẫn cảm được niềm vui (Cv 5,41), vì họ dám sống và dám chết cho Thầy Giêsu.

Người hiền lành là người có lòng nhân đối với người khác. Họ học gương hiền lành của Thầy Giêsu (Mt 11,29), không lấy oán báo oán khi mình bị xúc phạm (Mt 21,5).

Người có lòng thương xót là người biết mở ra để cảm thông, đau nỗi đau người khác và chia sẻ những gì mình có.

Người có tâm hồn trong sạch là người ngay thẳng, thật thà, không giả hình, nhưng làm với ý hướng trong sáng. Chính sự trong sáng của thân xác và tâm hồn sẽ làm người ấy dễ gặp được khuôn mặt Thiên Chúa.

Người xây dựng hoà bình là người gieo an hoà khắp nơi, trong gia đình, ngoài xã hội và giữa các dân tộc. Họ giải toả những bất đồng, tháo gỡ những tranh chấp. Họ coi mọi người là anh em, con cùng một Cha.

Thời nào con người cũng lao đao đi tìm hạnh phúc.

Phúc cho ai không khép lại để tìm hạnh phúc cho mình, nhưng biết mở ra để sống cho Chúa và tha nhân.

Gợi Ý Chia Sẻ

Có lần bạn đã sống một trong những mối phúc, và bạn đã có một kinh nghiệm không quên. Xin chia sẻ kinh nghiệm đó.

Bạn nghĩ gì về bạn? Nói chung bạn có phải là một người hạnh phúc không? Điều gì làm bạn đau khổ?

Câu Nguyện

Lạy Chúa, xin cho con luôn vui tươi. Dù có phải lo âu và thống khổ, xin cho con đừng bao giờ khép lại với chính mình; nhưng biết nghĩ đến những người quanh con, những người - cũng như con - đang cần một người bạn.

Nếu như con nên yếu đuối, thì xin cho con biết yêu thương và sáng suốt hơn, thông cảm và nhân từ hơn.

Nếu bàn tay con run rẩy, thì xin giúp con luôn biết mở ra và cho đi.

Khi lâm tử, xin cho con biết đón nhận khổ đau và bệnh tật như một lời kinh.

Ước chi con sẽ chết trong khiêm hạ và tín thác, như một lời xin vâng cuối cùng.

*Và con về nhà Chúa, để dự tiệc yêu thương muôn đời.
Amen.*

3. Nẻo về hạnh phúc – Lm. Ignatiô Trần Ngà

(Trích từ ‘Cùng Đọc Tin Mừng’)

Thi đàn Trung Quốc từ cổ chí kim nổi lên một tên tuổi lớn, đó là nhà thơ Lý Bạch, thời Thịnh Đường (701 - 762). Ông tự xem mình như tiên ông bị lưu đày xuống thế. Ông ưa sống kiếp lãng du, say mê vẻ đẹp đất trời, vẻ đẹp sông núi, trăng sao...

Theo truyền tụng nhân gian, vào một đêm trăng tỏ, Lý Bạch buông thuyền xuôi theo giòng sông Thái Trạch lấp lánh ánh trăng đêm. Ông đàn hát ngâm vịnh và uống rượu thưởng thức trăng.

Càng về khuya, men rượu nồng bốc lên càng làm ngây ngất lòng thi sĩ. Sông nước, cảnh vật lúc ấy càng huyền ảo nên thơ. Thi nhân cảm thấy mình như đang lạc vào cõi lai tiên cảnh. Mảnh trăng diệu huyền in hình dưới làn nước lung linh như đang gọi mời ông tao ngộ.

Trong hơi men chính choáng, ông nhào mình qua mạn thuyền, cúi thật sâu xuống nước để ôm lấy vàng trăng mà ông say đắm lâu nay.

Than ôi! Ông đã bỏ hình bắt bóng và giòng sông oan nghiệt đã kết liễu đời ông.

Trên cao, vàng trăng thật như đang mỉm cười chế giễu ông.

Câu chuyện của nhà thơ họ Lý cũng là câu chuyện thời sự của thế kỷ chúng ta. Nhân loại hôm nay đang kêu gào hạnh phúc, đang khao khát kiếm tìm hạnh phúc. Nhưng họ đâu biết rằng Thiên Chúa là Cội Nguồn của hạnh phúc.

Một vàng trăng thật in thành hàng tỷ bóng trăng trên các ao hồ khe suối.

Một Cội Nguồn Hạnh Phúc (là Thiên Chúa) tỏa xuống vô vàn mảnh vụn hạnh phúc trong các sự vật phù du ở đời.

Thay vì tìm về Cội Nguồn hạnh phúc là Thiên Chúa, người ta đại dột đâm đầu vào những chiếc bóng của hạnh phúc nơi những tạo vật chóng tàn.

Quả thế, người ta tưởng hạnh phúc nằm nơi bạc tiền, của cải, nơi lạc thú vật chất... rồi người ta đâm đầu vào đó như những những con thiêu thân lao vào lửa, như Lý Bạch nhào xuống nước tìm trăng.

Thiên Chúa là Cội Nguồn hạnh phúc, Thiên Chúa là nguồn mạch của hoan lạc và an bình, Thiên Chúa là Tình Yêu.

Tất cả những ai đang khao khát tình yêu, an bình, hạnh phúc là đang khao khát Chúa.

Nhưng tiếc thay, người ta đã bỏ hình bắt bóng. Người ta săn đuổi ảo ảnh của hạnh phúc mà không chịu tìm đến cội nguồn hạnh phúc là Chúa Cả trên trời.

Thời thanh xuân, Augustino là con người khao khát hạnh phúc cách mãnh liệt. Anh bôn ba kiếm tìm hạnh phúc trong văn chương và triết lý, trong dục vọng và lạc thú trần gian... nhưng Anh đã thất vọng ê chề và cảm thấy tâm hồn chất đầy sầu đau khắc khoải. Mãi đến năm ba mươi tuổi, Augustino mới cảm thấy tất cả những gì Anh đạt được chỉ là ảo ảnh của hạnh phúc, chẳng khác chi bóng trăng in hình đáy nước và chỉ có Thiên Chúa mới là 'Vàng Trắng' thật, là Hạnh Phúc thật mà thôi. Bây giờ, với tâm hồn tràn đầy hoan lạc, Augustino thưa với Chúa: "Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên con cho Ngài nên hồn con thôn thục khôn nguôi cho đến khi được an nghỉ trong Ngài".

Thiên Chúa mới là nguồn Hạnh Phúc đích thật mà loài người luôn vươn tới, luôn khát khao. Chính Thiên Chúa đã đặt vào cõi lòng mỗi người chúng ta một khát vọng vô biên hướng về hạnh phúc mà không gì trên đời này có thể khoa lấp được và để lòng khao khát đó luôn thôi thúc chúng ta

kiếm tìm, kiếm tìm không mệt mỏi cho đến khi gặp được Ngài là Hạnh Phúc đích thật.

Qua trích đoạn Tin Mừng hôm nay, Chúa Giêsu chỉ cho chúng ta tám nẻo đường đưa nhân loại về cội nguồn hạnh phúc mà ta quen gọi là tám mối phúc thật. Ai bước theo tám nẻo đường này chắc chắn sẽ đi đến Cội Nguồn Hạnh Phúc là Thiên Chúa, là Nước Trời, là Đất hứa:

* Tinh thần nghèo khó: biết nhận ra sự nghèo nàn của nội tâm mình, nhận biết rằng mình không là gì cả, tất cả những gì ta có là của Chúa ban...

* Cư xử hiền lành, biết nhường biết nhịn và mềm mỏng với mọi người...

* Chấp nhận sâu khổ hơn là gây khổ đau cho người khác...

* Khao khát trở nên người công chính,

* Đầy lòng xót thương, đối xử nhân ái với mọi người...

* Tâm hồn trong sạch, không chất chứa điều tà, điều gian ác, điều bất công...

* Chung tay xây dựng hoà bình, sống hoà thuận với mọi người cũng như làm cho mọi người hoà thuận với nhau...

* Sẵn lòng chịu bách hại vì sống công chính thanh liêm...

Nẻo về Hạnh Phúc đã rộng mở.

Bí quyết vào Nước Trời đã được giải bày.

Vấn đề còn lại là chúng ta hôm nay có đủ khôn ngoan và bản lĩnh để chọn cho mình con đường mà Chúa đã đề nghị với chúng ta hay không.

4. Hạnh phúc khi trao ban – Lm. Jos. Tạ Duy Tuyền

Khi nhìn về kiếp nhân sinh, với những thăng trầm nổi trôi của đời người, đầy những đau khổ, bất hạnh làm than, đại văn hào Nguyễn Du đã nói rằng:

*"Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng"
Có người còn bi quan bảo rằng:
"Đời vui sao chẳng thấy cười -
Sinh ra chẳng cười lại khóc oe oe".*

Phần nhiều trong văn học, thơ ca hay kịch nghệ, người ta đã thành công khi khai thác chủ đề bất hạnh của đời người: cái đói, cái nghèo, cái khổ đau của bệnh tật, cái khổ đau của bất công và áp bức đã gây nên biết bao nỗi oan khiên, bất trắc cho thân phận con người. Những bất hạnh mà ta thường gặp không chỉ đổ xuống trên những thân phận nghèo đói, túng thiếu mà còn đổ xuống trên những kẻ có tiền, có của, có địa vị nhưng lại không tìm được hạnh phúc ở trong cuộc sống của mình. Dang vọng, tiền tài xem ra cũng không quý bằng hạnh phúc ở trong đời sống hằng ngày. Cuộc đời không có hạnh phúc là cuộc đời bất hạnh tựa như cây xanh thiếu lá nên trơ trụi và cần khô. Vì "Cây xanh thiếu lá nó cũng trơ trơ - Biết mình thế này thà đừng sinh ra". Vì sống là đi tìm hạnh phúc. Sống mà không có hạnh phúc thì cuộc đời như đã mất. Hạnh phúc là nỗi khao khát, là niềm ước mơ của mọi người. Từ những em bé bán vé số, đánh giày, thu lượm ve chai cho đến những em sinh ra trong một gia đình giàu sang vẫn mang trong mình một khao khát được hạnh phúc. Từ những người quyền thế, giàu có lắm kẻ đón người đưa đến những con người xấu số bị bỏ rơi, khinh bỉ bên lề đường vẫn ao ước một khung trời hạnh phúc cho riêng mình.

Tựa như cuộc đời có nhiều nẻo đường khác nhau thì hạnh phúc cũng có nhiều cách khác nhau. Có hạnh phúc của người mẹ vừa sinh con, dù rằng bà phải chịu nhiều đau đớn thể xác. Có hạnh phúc của những người làm cha làm mẹ khi nhìn thấy những đứa con lớn khôn từng ngày, dù phải cơ cực làm than, hay mưa nắng dãi dầu nơi nương rẫy, phố chợ. Có hạnh phúc của những con người đang quên mình vì tha nhân, vì bạn bè, dù rằng phải mang tiếng nợ đời "Ăn cơm nhà đi vác tù và hàng tổng". Có hạnh phúc của những đôi vợ chồng trẻ đang yêu nhau nơi túp lều tranh, dù rằng phải chịu cảnh đói khổ cơ hàn nhưng vẫn tha thiết yêu nhau: "Tay bưng bát muối chấm gừng - Gừng cay muối mặn xin đừng xa nhau". Thực vậy, có nhiều người vẫn chủ trương rằng: sống có ích cho tha nhân mới là cuộc đời đáng yêu, đáng sống. Có lẽ ở đời, chẳng ai thích đau khổ nhưng nhiều người vẫn chấp nhận bước vào khổ đau, vì đó chính là phương thế để đem lại hạnh phúc cho người mình yêu.

Hôm nay, Chúa Giêsu giới thiệu cho chúng ta một phương thức để đạt được hạnh phúc. Con đường hạnh phúc của người môn đệ Chúa không phải là con đường trải thảm rộng thênh thang mà là con đường hẹp của sự hy sinh, của quảng đại dấn thân vì lợi ích của tha nhân. Vì phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, có tấm lòng hiền hậu, dám chấp nhận khổ đau, yêu thích sự chính trực, thương xót đồng loại, giữ lòng trong sạch, và biết xây dựng hoà bình.

Như vậy, hạnh phúc của người môn đệ không hề tại ở những cái mình có mà ở những cái mình dám từ bỏ vì Chúa và vì tha nhân. Vì Chúa mà ta từ bỏ mọi thứ tham lam, ích kỷ và bất chính để ta sống thanh thoát khỏi những đam mê của cải và lạc thú. Vì Chúa mà ta bỏ đi cái tôi ghen tương, nóng giận, để gìn giữ sự hoà thuận với những người mà chúng ta đang sống. Vì Chúa mà chúng ta dấn thân cho công lý được

triển nở, cho hoa bác ái được toả hương, cho an bình được ngự trị. Vì Chúa mà chúng ta xả thân giúp người giúp đời mà không cần so đo tính toán thiệt hơn. Từ bỏ chính mình để ta hướng tới tha nhân. Có từ bỏ chính mình thì ta mới nghĩ tới thiện ích của tha nhân. Từ bỏ những quyền lợi, những nhu cầu của bản thân để chúng ta trao hiến những điều tốt đẹp nhất cho tha nhân.

Người ta bảo rằng ở bên Palestina có hai biển hồ là Biển Chết và biển hồ Galilêa, cả hai biển hồ này đều đón nhận nguồn nước từ sông Jordan. Thế nhưng, nơi Biển Chết thì không có một sự sống nào có thể tồn tại. Vì Biển chết đón nhận nhưng không trao ban, nó giữ lại cho riêng mình, nên nguồn nước trở thành mặn chát và độc hại. Ngược lại, tại biển hồ Galilêa cũng đón nhận nguồn nước từ sông Jordan rồi từ đó tràn qua các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong biển hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muôn thú và con người.

Đời người cũng tựa như biển hồ, nếu chỉ biết giữ riêng cho mình tất cả mọi sự nhận được từ Thiên Chúa. Sự sống trong họ rồi cũng chết dần chết mòn như nước trong lòng Biển chết. Thật hạnh phúc cho ai biết trao ban. Cuộc sống sẽ mãi lan toả và dồi dào sức sống như biển hồ Galilêa. Vì ai có thì được cho thêm, và vì chính lúc chết đi là khi vui sống muôn đời. Amen.

5. **Mối phúc thật – ĐTGM. Ngô Quang Kiệt.**

Khi nghe bài “Phúc Thật Tám Mối” trên đây, nhiều người ngạc nhiên sững sốt. Những hạnh phúc Chúa hứa ban sao quá khác với những quan niệm về hạnh phúc mà ta thường có. Người ta ai cũng mong có nhiều của cải, làm ăn phát tài. Thế mà Chúa lại nói: “Phúc cho người nghèo”. Người ta ai cũng mong được khôn ngoan, được có uy quyền, được người khác nể phục. Thế mà Chúa lại nói: “Phúc cho người hiền lành”. Người ta ai cũng mong được an bình, sống thoải mái, vô lo. Thế mà Chúa lại nói: “Phúc cho các con khi các con bị bắt bớ”.

Chúng ta ngạc nhiên, không hiểu Lời Chúa, vì chúng ta có quan niệm sai lầm về hạnh phúc và về đạo.

1) Về hạnh phúc, chúng ta thường tưởng lầm rằng cứ có tiền bạc, có địa vị, có tình yêu là có hạnh phúc. Nhưng không phải như vậy. Không thiếu những người giàu tiền bạc, có địa vị cao, nhưng luôn bất hạnh.

Marilyn Monroe, nữ minh tinh thần thoại của thế giới phim ảnh là người có sắc đẹp mê hồn, được mọi người tôn thờ, và chắc chắn không thiếu tiền bạc. Thế mà nàng phải sống cuộc đời cô đơn buồn thảm. Sau cùng phải tự kết liễu đời mình trong buồn tủi, lo âu. Giờ nhắm mắt không có một người yêu bên cạnh.

Ngày nay xuất hiện nhiều “Tây ba lô”, những người nước ngoài ăn mặc thô sơ, vai đeo ba lô, đi gặp gì cũng ăn, ngủ bờ ngủ bụi. Tại sao họ không chọn ăn mặc chải chuốt, ngủ nghỉ trên chăn êm nệm ấm trong những khách sạn sang trọng? Thưa vì họ thích đơn sơ, thích khổ cực, thích phấn đấu, thích sống với thiên nhiên. Đó là hạnh phúc của họ.

Tiền bạc, tiện nghi, danh vọng, địa vị, tình yêu chắc chắn làm cho đời sống dễ chịu hơn. Nhưng vẫn chưa phải là hạnh phúc đích thực.

2) Về đạo, chúng ta lầm tưởng rằng điều cốt yếu của đạo là giáo lý. Thưa không phải như thế. Đi đạo không phải là đi theo một giáo lý. *Đi đạo là đi theo một người*. Điều cốt yếu của đạo là gặp được Chúa. Giáo lý chỉ là phương tiện giúp ta gặp được Chúa. Chúa mới là đích của đời ta. Chúa chính là hạnh phúc đích thực. Gặp được Chúa rồi, linh hồn ta sẽ toại nguyện, không còn mơ ước điều gì khác.

Thánh Augustinô khi còn tuổi trẻ đã chạy theo dục vọng, đi tìm lạc thú trong những buổi ăn chơi trác táng, những cuộc tình đắm mê. Ngài đã bỏ đạo, đi theo bè rối, nhưng chẳng thấy mãn nguyện. Một hôm nghe thánh Ambrôsiô giảng, Ngài đã được ơn thống hối ăn năn. Ngài trở về với Chúa, cảm nghiệm được tình yêu của Chúa rồi, ngài đã thốt lên một lời bất hủ: “Lạy Chúa, Chúa dựng nên con cho Chúa, nên lòng con mãi khắc khoải băn khoăn, cho đến khi được nghỉ yên trong Chúa”.

Hiểu như thế rồi ta sẽ thấy Tám Mối Phúc Thật không có gì bí ẩn. Đó chính là tám nét vẽ nên chân dung Chúa Giêsu.

Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa vô cùng giàu sang đã tự nguyện sống cuộc sống của một người nghèo. Sinh ra không nhà. Sống không nhà. Chết cũng không nhà.

Chúa Giêsu đầy quyền năng. Người đã chế ngự được sóng gió, xua đuổi ma quỷ, lại sống rất hiền lành khiêm nhường. Bị kết án oan ức, bị hành hạ, bị sỉ nhục, bị giết chết, Người vẫn im lặng chấp nhận.

Chúa Giêsu có một trái tim xót thương, sẵn sàng tha thứ cho kẻ tội lỗi, sẵn sàng giúp đỡ người hoạn nạn, cứu chữa người tật nguyền.

Chúa Giêsu đem đến cho ta niềm bình an, hoà giải ta với Thiên Chúa và với nhau.

Chúa Giêsu đã bị bắt bớ, giết chết vì rao giảng Tin Mừng.

Tám mối phúc chính là con đường Chúa đã đi qua. Là hình ảnh trung thực của Chúa Giêsu. Đi vào con đường ấy, ta chắc chắn gặp được Người. Sống theo con đường ấy, ta trở nên giống như Người. Hoà tan mình vào con đường ấy, ta sẽ trở nên một với Người. Khi ta từ bỏ hoàn toàn ý riêng, để Người hoàn toàn chiếm đoạt, ta sẽ đạt tới hạnh phúc, hạnh phúc đích thực, hạnh phúc viên mãn, hạnh phúc vĩnh cửu.

Lạy Chúa Giêsu, xin hướng dẫn con theo đường lối của Chúa. Amen.

KIỂM ĐIỂM ĐỜI SỐNG

- 1) Đối với bạn, hạnh phúc là gì?
- 2) Có bao giờ bạn cảm được niềm vui khi sống trong những mối phúc mà Chúa Giêsu loan báo chưa? Nếu có, xin chia sẻ với anh chị em.
- 3) Những đau khổ của bạn thường do những nguyên nhân nào?

6. Sống cuộc đời thành tựu – Achille Degeest

(Trích từ ‘Luong Thục Ngày Chúa Nhật’)

Danh từ “hạnh phúc” (dùng trong Phúc Âm hôm nay) phải hiểu là sự thành công cuối cùng của con người khi nó được đặt trong tình nghĩa với Chúa. Nói thành công, không những là nói về bình diện những khát vọng tự nhiên của trí khôn và cõi lòng, song còn về bình diện những khả năng mới mẻ mà con người nhận được khi được nâng lên trạng thái siêu nhiên. Sống bất diệt là một ước vọng tự nhiên; thấy Thiên Chúa là một ân huệ siêu nhiên. Đừng quên cái viễn tượng hạnh phúc cuối cùng trong Chúa, khi đọc Bài Giảng Trên Núi, bài Tám Mối Phúc Thật. Nếu các ‘mối phúc’ bị giản lược vào bình diện tự nhiên (chiều ngang ta sẽ không thể hiểu nổi nữa).

Nếu hướng về *Nước Trời*, chúng trở thành tuyệt diệu. Trong các bản văn của Cựu Ước nói về Đấng Cứu Thế, những kẻ xấu số đều được ưu ái, vì nỗi nghèo khổ và hèn mọn của họ khiến họ cởi mở đón nhận Thiên Chúa. Trong Tám Mối Phúc Thật, Chúa Giêsu mô tả một thái độ nội tâm và một hoàn cảnh bên ngoài, tự nó đã làm cho Chúa thương tình, ta hãy ghi lại một vài nhận xét về tuyệt tác này.

1) Các ‘mối phúc’ bắt nguồn từ Thiên Chúa song chúng không bao hàm sự thiếu tin tưởng ở con người, mà là vượt khỏi con người. Có nghĩa là Chúa xem con người có khả năng sống tốt lành, công chính, trong sạch và an hòa. Người chỉ vẽ cho biết phải dùng phương tiện nào và đâu là chỗ chúng được hoàn thành. Phương tiện nằm ở điếm này là người môn đệ Đức Kitô sống trong mối liên lạc với Chúa mình. Đó là ý nghĩa của mấy tiếng ‘vì Ta’. Sự thành tựu được thực hiện đầy đủ ‘trên trời’. Vậy các mối phúc là một niềm hạnh phúc bắt đầu dưới trần gian trong nỗ lực đau đớn và hoàn thành trên trời trong sự chiếm hữu trọn vẹn. Ngay trên thế gian này trong mối liên lạc với Đức Kitô, con người

phải khởi sự dùng các phương tiện để xây dựng niềm vui bất diệt của mình.

2) Trong các mối phúc, thì sứ điệp nào đang cần thiết nhất cho thời đại ta? Các mối phúc làm thành một toàn thể, không thể coi thường một mối nào mà không làm hại đến tất cả. Ngược lại, tha thiết với một mối là tha thiết với tất cả.

Có lẽ trước não trạng hiện đại, ta có quyền lưu tâm cách riêng đến lòng trong sạch. Đây không phải là sự ‘vắng mặt’ của tội lỗi mà thôi nhưng còn là một phẩm chất của trí tuệ, linh hồn và con tim. Đây nói đến sự ngay thẳng, sự thành thực ở trình độ trí tuệ. Trí khôn trong trắng thì không tự xây dựng nên một hệ thống tư tưởng nào để rồi đặt nó vào giữa mình và thực tại. Các hệ thống duy tâm đều không tinh ròng. Ví dụ thuyết duy khoa học, thuyết mác-xít.

Tâm lòng trong sạch chỉ sự trong sáng của cái nhìn nội tâm, cái nhìn làm cho ta khám phá ra Thiên Chúa trong mình và trong các tạo vật. Muốn thế, phải nỗ lực xây dựng sự trong trắng luân lý và nhất là phải có ý chí hiến thân mình cho Chúa trong sự đơn sơ của đức tin và tình yêu. Cõi lòng trong trắng gặp thấy khắp nơi và trong mọi sự chính Đấng mà tình yêu nó tìm kiếm. Ta nên biết nhìn Chúa khắp nơi, trong các biến cố và ngay trong một thế giới mà ta tuyên bố là hư hỏng, nhưng được Thiên Chúa cứu vớt.

7. Môi phúc thứ nhất.

(Trích trong ‘Niềm Vui Chia Sẻ’)

Người đàn ông chán đời đứng nhìn xuống giòng nước từ một chiếc cầu cao. Ông ta đốt một điếu thuốc cuối cùng trước khi kết liễu cuộc đời bất hạnh không còn lối thoát nào nữa. Ông ta đã làm đủ mọi cách để lấp đầy nỗi chán chường. Ông đã đi đây đi đó, đã tìm lạc thú trong những cuộc vui chơi, đã chạy đến với mọi thứ hơi men và khói thuốc. Nhưng nỗi chán chường càng thêm chất ngất.

Ông ta thử thời vận lần cuối bằng một cuộc hôn nhân. Nhưng không có người đàn bà nào ở với ông được vài tháng. Ông ta đòi hỏi quá nhiều, mà lại chẳng biết nghĩ đến ai cả. Ông ta nhận ra rằng ông đã chán chường và chẳng ai được hạnh phúc bên cạnh ông. Chỉ có giòng sông may ra mới đem lại cho ông sự thanh thoát.

Ông ta chưa kịp hút xong điếu thuốc thì thấy có người hành khất đi qua cầu. Con người rách rưới đó đứng nhìn ông và đưa tay xin giúp đỡ. Người đàn ông chán đời không ngần ngại rút cả ví tiền trao cho người hành khất và bảo:

- Thôi, ông cầm lấy cả đi. Tôi đâu cần tiền làm chi nữa.

Người hành khất cầm lấy chiếc ví, nhìn thẳng vào mắt kẻ chán đời và nói với giọng vừa ôn tồn vừa nghiêm nghị:

- Thưa ông, tôi không cần một số tiền lớn như thế này. Tuy là một người đi xin ăn, nhưng tôi không phải là kẻ hèn nhát. Tôi cũng không muốn nhận tiền của một kẻ hèn nhát. Ông hãy giữ ví tiền mà đem qua thế giới bên kia với ông.

Nói xong, người hành khất ném cái ví xuống giòng nước rồi lặng lẽ bỏ đi, để mặc kẻ chán đời với nỗi đắng cay chua xót đang gặm nhấm cõi lòng.

Đã hút xong điếu thuốc, nhưng kẻ chán đời vẫn chưa muốn kết liễu đời mình. Ông ta nhìn theo người hành khất đang từ từ mất dạng. Tự nhiên, ông ta không muốn chết nữa,

mà chỉ muốn nhặt ví tiền trao tặng lại cho người hành khất. Chưa một lần trong đời, ông ta biết trao tặng cho ai bất cứ điều gì. Giờ phút này, ông ta muốn mở rộng tâm hồn, giang rộng đôi tay để trao tặng và muốn tiếp tục sống.

Anh chị em thân mến,

Không gì buồn chán cho bằng một cuộc đời không định hướng. Không gì bất hạnh cho bằng một tâm hồn ích kỷ, chỉ biết lo lắng tích góp cho riêng mình. Niềm vui sống chỉ có được khi ta hướng đời mình tới một cùng đích cao cả: Nước Trời hay Thiên Chúa.

Chúa Giêsu đến để đem lại cho con người hạnh phúc và hạnh phúc ngay ở trên đời này. Dĩ nhiên, hạnh phúc không có nghĩa là không có đau khổ. Cho dầu có đau khổ, nhưng cuộc sống vẫn có ý nghĩa và đáng sống nhờ niềm tin của con người vào tình yêu Thiên Chúa. Hơn ai hết, Chúa Giêsu đã trải qua rất nhiều đau khổ. Ngài bị chống đỡ, bị khước từ, và cuối cùng bị treo trên thập giá. Thế nhưng, Ngài hẳn là một con người hạnh phúc thực sự mới có thể tuyên bố: “Phúc cho ai có tâm hồn nghèo khó... Phúc cho những ai đau khổ, bị ngược đãi...”.

Trong cuộc đời, xưa cũng như nay, vào thời con người ăn lông ở lỗ, cũng như trong thời khách sạn năm sao, vẫn luôn luôn diễn ra những cảnh trái khoáy: nhiều người có đủ mọi điều kiện để hạnh phúc, mà thực tế lại đau khổ khôn lường, còn những kẻ xem ra bần cùng tối tăm, lại tràn trề hạnh phúc.

Thật ra ai cũng biết rằng nghèo khó không đương nhiên là khổ. Đã đành rằng nghèo và khổ thường đi đôi với nhau. Trái lại, giàu có cũng không tất nhiên đem lại hạnh phúc cho con người. Vấn đề hạnh phúc chủ yếu ở cái tâm, ở tâm hồn. Bởi vậy, mỗi phúc thứ nhất, theo Thánh Matthêu, bao gồm các môi phúc khác là “Phúc cho ai có tâm hồn nghèo khó”. Các bậc thánh hiền, bằng những ngôn ngữ khác nhau, nhưng hầu

như đều luôn nhất trí trong việc đề cao đời sống tâm linh. Chính đó là lý do tại sao Chúa Giêsu đề cao tâm hồn nghèo khó, hiền lành, dám chấp nhận khổ đau, yêu thích sự chính trực, thương xót người đồng loại, trong sạch và biết xây dựng hoà bình. Thật ra tất cả những đức tính đó là đức tính của “người nghèo của Thiên Chúa” (Giavê), của một “Anawim” theo truyền thống Kinh Thánh. “Người nghèo của Thiên Chúa” (Giavê) không phải là người có đời sống vật chất khó khăn túng quẫn, mà là kẻ trước hết hoàn toàn tin tưởng phó thác cậy trông nơi Chúa, lấy Chúa làm gia nghiệp, và luôn luôn sống trong tình liên đới với anh em đồng loại, thực thi điều răn trọng nhất là mến Chúa yêu người.

Như thế, Chúa Giêsu xác nhận “Người nghèo của Thiên Chúa” (Giavê) như ngôn sứ Sôphônia rao giảng (Bđ. 1) mới thật là người có phúc, là người may mắn, vì chính (Giavê) Thiên Chúa sẽ là hạnh phúc của họ. Nói chung, tám mối phúc thật xét theo nội dung cũng chỉ là mối phúc duy nhất: “Phúc cho những người sống tinh thần nghèo khó”.

Thưa anh chị em,

Ai trong chúng ta cũng khao khát tiền của, danh vọng, quyền thế. Chúng ta chạy theo những thứ ấy như một chiếc bóng, vì chúng không bao giờ thoả mãn được nỗi khao khát hạnh phúc vô biên trong tâm hồn chúng ta. Chúa Giêsu đến cho chúng ta biết ai là kẻ hạnh phúc đích thực trên trần gian. Đó không phải là những người giàu sang, tỹ phú, siêu sao nổi tiếng, những nhà lãnh tụ chinh phục thế giới, những đại thiên tài... Nhưng là các kẻ nghèo khó, khiêm nhu, chính trực, nhân ái, xây dựng hoà bình và chịu bách hại vì đức tin. Tiêu chuẩn của người đời. Nói cho cùng, tám mối phúc thật đều quy về một mối: Phúc cho ai sống như Chúa Giêsu. Chính Chúa Giêsu là người trước tiên đã sống tám mối phúc này trong cuộc đời của Ngài: chẳng ai từ bỏ bản thân bằng Ngài,

hiểu rõ nỗi khôn cùng của loài người, rộng lòng thương xót, thực thi thánh ý Thiên Chúa, ngay thẳng và đơn sơ, xây dựng hoà bình và cam chịu bách hại cho bằng Ngài. Vì thế, Ngài có thể nói vào lúc cuối đời: “Lạy Cha, chớ gì niềm vui của con được tràn đầy nơi chúng, để niềm vui của chúng nên trọn vẹn” (Ga 17,13). Và kết thúc bài giảng tám mối phúc, Ngài nói: “Anh em hãy hân hoan vui mừng, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời rất lớn lao”.

Vậy, anh chị em thân mến,

Ngay từ cuộc sống này, người tín hữu chúng ta phải tự nhận mình là những người hạnh phúc nhất. Mặc dù đang phải vất vả vì chén cơm manh áo từng ngày, đang cố gắng để tha thứ cho những người bách hại mình, chúng ta hãy vui sướng để nhận ra mình là người có phúc, chúng ta hãy vui mừng, vì chúng ta đang đi lại từng bước của Chúa Giêsu Kitô. Và như thế thì chắc chắn “Nước Trời sẽ thuộc về chúng ta”.

8. Đi tìm hạnh phúc

Trong dịp đầu năm, chúng ta thường cầu chúc cho nhau 365 ngày hạnh phúc. Trong những bức thư, chúng ta thường nguyện ước cho nhau gặp nhiều may mắn, thế nhưng trái chín hạnh phúc vẫn ở ngoài tầm tay của chúng ta, vì cả chúng ta lẫn những người chung quanh không ai có đủ yêu thương và đủ quyền phép để thực hiện những điều mong ước. Bởi đó đau khổ vẫn chông chát trong cuộc sống, đau khổ vì nghèo đói, vì bệnh tật, vì chết chóc. Đau khổ vì thất bại, vì chia ly, vì những cám dỗ đè nặng. Và hạnh phúc mãi mãi vẫn là một khát vọng chưa một lần nguôi ngoai.

Tôi còn nhớ trong cuốn giới luật yêu thương, Đức cha Bùi Tuần đã viết: Cuộc đời chúng ta là một chuyến đi, đi từ khát vọng này sang khát vọng khác. Chẳng lúc nào mà chúng ta không ước mơ, nhưng cũng chẳng có sự gì làm cho chúng ta được no thỏa. Trong mọi ước muốn to nhỏ, hình như chúng ta vẫn tìm hoài một hạnh phúc vô biên. Niềm hạnh phúc vô biên ấy là gì để rồi chúng ta lên đường tìm kiếm và đầu tư cuộc đời chúng ta vào đó?

Có người cho rằng: hạnh phúc trong cuộc sống đó là sắc đẹp và vẻ quyến rũ, để rồi suốt ngày họ lo trau chuốt cho thân xác của họ. Nhưng sắc đẹp ấy tồn tại được bao lâu? Mười hay mười lăm năm là cùng, để rồi chúng ta cũng phải già nua với tuổi đời chông chát.

Có người cho rằng: Tiền bạc sẽ đem lại hạnh phúc. Nhưng thực sự có phải là như vậy hay không? Paul Getty là chủ một hãng dầu lớn nhất tại Anh Quốc. Tài sản của ông lên tới hàng tỷ mỹ kim. Tuy nhiên cũng vì thế mà hàng ngày ông nhận được cả trăm bức thư tố tụng tiền và hăm dọa sẽ ám sát ông, để rồi ông đã phải sống trong cảnh cô đơn, như chính ông đã thú nhận: Tôi chưa bao giờ được hạnh phúc. Tôi là một kẻ bất hạnh nhất.

Có người cho rằng: Địa vị và danh tiếng chính là mục đích của cuộc đời. Vậy thử hỏi những người đã có một thời vàng son, nắm giữ uy quyền tuyệt đối, như các vua chúa thời xưa, vậy bây giờ họ ở đâu? Hay thân xác họ cũng đã phải trở về với bụi đất và chìm vào quên lãng, như Nguyễn Du đã từng than thở:

- Bất tri tam bách dư niên hậu.

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.

- Biết rồi ba trăm năm sau,

Nào ai còn khóc một câu thương mình.

Và sau cùng, có người đi tìm hạnh phúc trong tình yêu, thế nhưng liệu họ có được thỏa lòng ước mơ hay lại như kinh nghiệm đã diễn tả: Yêu nhau trong ba ngày, ghét nhau trong ba tháng và chịu đựng nhau suốt ba mươi ba năm... Hạnh phúc của tình yêu thì chỉ thoáng qua, những đau khổ của nó lại kéo dài trong suốt cả cuộc đời.

Vậy đối với chúng ta, niềm hạnh phúc đích thực là gì? Tôi xin thưa niềm hạnh phúc đích thực của chúng ta là chính Thiên Chúa và được sống với Ngài mãi mãi trên quê trời, vì chỉ mình Ngài mới có đủ tình yêu và khả năng thực hiện mọi điều chúng ta mơ ước mà thôi. Đối với chúng ta, chỉ có một sự cần thiết, đó là tìm kiếm Chúa và cứu rỗi linh hồn, như lời Chúa đã phán: Được lời lãi cả thế gian, mà mất linh hồn thì nào có ích lợi chi.

Bởi đó đời sống chúng ta phải là một cuộc phiêu lưu đi tìm kiếm Chúa, phải là một hành trình đi về với Chúa. Đã là một cuộc hành trình thì phải có một hướng đi, một con đường nhất định. Con đường ấy chính là cái đạo mà Chúa Giêsu đã truyền dạy cho chúng ta, bởi vì đạo chính là đường. Cái đạo ấy, con đường ấy được gồm tóm trong giới luật yêu thương, và cụ thể hơn được diễn tả qua tám mối phúc thật mà chúng ta vừa nghe.

Chúa Giêsu đã thổi vào tâm hồn chúng ta một luồng gió mới, đã gieo vào cõi lòng chúng ta một tinh thần mới, hoàn toàn khác biệt với tinh thần thế gian. Phúc thật tám mối là như bản hiến chương Nước Trời, gồm tóm những điều căn bản và cần thiết nhất, phải được coi như là những tiêu chuẩn hướng dẫn cho đời sống chúng ta.

Hãy thực thi tinh thần của bài giảng trên núi về tám mối phúc thật, để chúng ta tìm thấy cho mình niềm hạnh phúc đích thực ở đời này và nhất là ở đời sau.

9. Nội khao khát

Bill Gates, nhà tỷ phú trẻ tuổi người Mỹ, chuyên kinh doanh về máy điện toán, nhiều năm liên tiếp đạt danh hiệu “người giàu nhất thế giới”. Theo tạp chí Forbes bình chọn mỗi năm, tài sản cá nhân của Gates hiện đã lên đến 36,4 tỉ USD (1997) và đang sinh sôi nảy nở rất nhanh. Mỗi ngày, ông chủ công ty Microsoft này thu nhập 42,5 triệu USD.

Nhiều người ao ước được giàu có và danh tiếng như ông vua phần mềm máy tính này, thậm chí chỉ xin được bằng cái số lẻ của ông thì đã vô cùng hạnh phúc. Bởi vì “Có tiền mua tiên cũng được!” Hay như thời nay người ta thường nói:

“Đồng tiền là Tiên là Phật
Là sức bật của tuổi trẻ,
Là sức khỏe của tuổi già,
Là cái đà của danh vọng,
Là cái lọng che thân,
Là cán cân công lý,
Đồng tiền là hết ý”.

Nhưng Tin Mừng hôm nay, Đức Giêsu lại tuyên bố: “Hạnh phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó” (Mt 5,3). Hơn nữa, Người còn cho là hạnh phúc những ai hiền lành, sầu khổ, bị bách hại...

Giáo Hội gọi đó là Hiến Chương Nước Trời, nghĩa là chỉ những ai sống và thực thi những điều ấy mới được làm công dân của Nước Trời.

Với người không có niềm tin thì đó là một điều hết sức nghịch lý. Nghèo khó, hiền lành, sầu khổ, bị bách hại... không thể mang lại hạnh phúc mà chỉ đem đến những bất hạnh thiệt thòi, khinh bỉ mà thôi.

Như vậy phải chăng Đức Giêsu ngăn cản nền văn minh tiến bộ của nhân loại đang vươn tới hùng cường, thịnh vượng sao? Phải chăng Người ủng hộ cho hành động bóc lột và đàn

áp? Hoàn toàn trái lại. Người đã nói: “Phần tôi, tôi đến để cho chiên được sống và sống dồi dào” (Ga 10,10). Vì thế, làm môn đệ Đức Giêsu là phải xua đuổi nghèo nàn và lạc hậu khỏi thế giới này, là phải đẩy lui đau khổ và bất công xa rời con người. Đó là những vị khách không mời mà đến, và chúng ta phải có nhiệm vụ tống khứ chúng ra khỏi mái nhà của nhân loại. Đây là mục tiêu giải quyết của Kitô giáo, và cũng là trách nhiệm của mỗi người tín hữu chúng ta.

Đức Hồng Y Tonini tuyên bố: “Giáo Hội trở nên nghèo bởi vì Giáo hội tràn đầy Thiên Chúa. Giáo Hội nghèo bởi vì Giáo Hội có nhiều thứ vĩ đại hơn”. Nếu Chúa đã nói: “Phúc cho những ai có tâm hồn nghèo khổ”, “Phúc cho những ai hiền lành”, “Phúc cho những ai sầu khổ”, “Phúc cho những ai bị bách hại”, là bởi vì họ đã khiêm tốn nhận mình thiếu thốn, bất lực, nên đặt trọn niềm tin cậy và phó thác nơi Người.

Nếu Chúa đã dạy: “Phúc cho những ai có tâm hồn trong sạch” “Phúc cho những ai khao khát công chính, “Phúc cho những ai xây dựng hòa bình”, “Phúc cho những ai xót thương người”, là bởi vì họ đã quyết tâm sống trọn vẹn cho Thiên Chúa và nhiệt tâm phục vụ anh em.

Tận tẩm sâu của tâm hồn, ai cũng có nỗi khao khát cháy bỏng được sống hạnh phúc, ai cũng muốn người khác đem lại phúc lộc cho mình. Nhưng hạnh phúc đích thực chỉ đến với những người biết đem lại hạnh phúc cho kẻ khác, và hết lòng quảng đại với tha nhân. Đức Giêsu đã dạy: “Cho thì có phúc hơn là nhận” (Cv 20,35). Nhà truyền giáo Albert Schweitzer quả quyết: “Người hạnh phúc nhất trong anh em là người đã tìm thấy con đường hiến thân phục vụ”.

Hạnh phúc đích thực không đo bằng của cải con người thu tích được, không tùy thuộc nơi những thành đạt mà họ có,

cũng không đến từ danh vọng mà con người chiếm hữu, nhưng chính là do nơi họ biết hoàn toàn tín thác vào Chúa mà thôi. Sự giàu có đích thực là sự giàu có ở trái tim, không phải ở túi tiền.

10. Chín lần hạnh phúc

Người ta có thể làm cho lễ Các thánh trở nên lễ của hạnh phúc hay không? Dầu sao Tin Mừng ngày hôm nay cũng nói lên điều đó! Chín lần “hạnh phúc”. Và đầu tiên là: “Các ngươi hãy vui mừng hoan hỉ, phần thưởng của các ngươi sẽ lớn lao ở trên Trời”.

Đám mây đầu tiên trên ngày lễ này đó là thì tương lai “Các ngươi sẽ là... Các ngươi sẽ được... Các ngươi sẽ thấy...”. Chính với những thì tương lai kiểu này mà người ta đã giễu cợt những người bất hạnh. Người ta dễ dàng tìm thấy trên đó những bài thuyết giáo khó chịu và những bản văn hoang tưởng của Nã phá Luân!: Khi một người chết đói bên cạnh một người khác no đầy, không thể nào làm cho người đó chấp nhận sự khác biệt này nếu không có một người có uy tín nói với họ: Thiên Chúa muốn như thế, phải có người nghèo và người giàu trên thế gian này, nhưng sau đó và trong vĩnh cửu sự chia sẻ sẽ được thực hiện theo cách khác”.

Các mối phúc chính là hạnh phúc trong tương lai và những sự đảo ngược đầy ấn tượng, những người đầu tiên sẽ là những người cuối cùng. Nhưng không như Nã phá Luân nghĩ, theo nghĩa đó đơn giản là một sự phân phối lại và chỉ có trong tương lai mà thôi. Hạnh phúc được ban tặng ngay từ bây giờ cho tất cả mọi người dưới hai hình thức một cuộc hành trình tiến về niềm vui hoàn toàn và một cuộc hành trình đã có hạnh phúc. Giá như mỗi năm họ làm cho lễ Các thánh trở nên một ngày suy niệm về sự hy vọng.

Chúng ta là những người của hy vọng, những người của Tin Mừng. Một ngày kia, tại Palestin, một người đã cất tiếng nói: “Nước Trời kia rồi! Nước Trời đây là ơn cứu độ Chúa ban cho tất cả mọi người. Từ đây bất cứ người nào cũng có thể hướng tới hạnh phúc được mô tả nơi trang cuối cùng của Thánh Kinh: “Tôi thấy trời mới và đất mới. Tôi nghe có tiếng

nói: Kia nhà tạm Chúa ở giữa nhân loại. Họ sẽ là dân tộc của Ngài và Ngài sẽ là Thiên Chúa ở giữa nhân loại. Thiên Chúa sẽ lau khô mọi giọt lệ, sẽ không còn chết nữa, hết tang chế, hết kêu than, đau đớn, vì những cái trước kia qua đi rồi” (Kh 21, 1-4).

Chính điều này mà chúng ta mừng vào lễ Các thánh: tất cả chúng ta được mời gọi đi vào trong thế giới mới của sự vui mừng lớn lao. Nhưng phải nói đi nói lại rằng ngay từ bây giờ chúng ta là những người của cái tương lai này. Sự liên tục giữa đất và trời không phải luôn luôn được nhận thức một cách rõ ràng. Chúng ta sẽ không nhận lãnh một phần bánh Trời được đo lường và trả giá bằng cuộc sống mà chúng ta đang sống, khó nhọc, lo âu và đau khổ. Chúng ta sẽ mãi mãi là khả năng của niềm vui mà chúng ta tìm kiếm nơi chúng ta trên thế gian này. Chúng ta sẽ là con người của niềm vui mà chúng ta đang tạo nên. Người ta không chinh phục nước trời mà là trở thành nước trời.

Với những mối phúc. Những mối phúc này là một tinh thần và là một hình ảnh. Tinh thần của Nước trời, bầu không khí và những tập tục của Nước trời. Còn hình ảnh là hình ảnh của vị sáng lập, vị vua mẫu mực: đó là Chúa Giêsu, Ngài đã là người nghèo hèn, khiêm nhu, ôn hoà, trong trắng và bị bách hại. Khi nói “Phúc cho”, Ngài biết Ngài nói về điều gì, về sự trộn lẫn giữa hiện tại và tương lai. Điều này làm cho chúng ta hạnh phúc như Ngài đã từng hạnh phúc. Chúa Giêsu hạnh phúc vì đã là một con người. Điều kỳ lạ là người ta rất ít nói về điều này.

Chúng ta có thể ngay lập tức trở thành một “chân phước” khi chúng ta sống trong niềm hy vọng, nếu tôi dám nói như thế. Niềm hy vọng đặc biệt này được gọi là “vì Chúa” bởi vì nó nối kết chúng ta với Chúa trong khi đảm bảo rằng Chúa muốn cho chúng ta hoan hỉ và sẽ làm tất cả để cho chúng ta

hạnh phúc: “Thầy nói cùng các con những điều này để các con được vui mừng và sự vui mừng đó được đầy đủ” (Ga 15,11). Cho nên trước hết các mối phúc này khẳng định với chúng ta rằng Chúa ở với chúng ta. Nhưng chúng cũng cho chúng ta biết những sở thích của Ngài và ở đây lọt vào một điều phiền nhiễu: Thiên Chúa có thích sự đau khổ hay không? Tại sao Ngài ưa thích người nghèo, người khiêm hạ, người bị bách hại?

Tôi tin rằng câu trả lời nằm ở phía tấm lòng của những kẻ đáng thương này. Thiên Chúa tìm kiếm những người con và đặc biệt là Ngài tìm ra họ trong các hoàn cảnh khó khăn đó. Đây không phải là lý thuyết mà là thực tế. Khi lặp đi lặp lại chín lần “Phúc thay”, Chúa Giêsu nói đến kinh nghiệm riêng của Ngài. Rất muốn làm vui lòng Cha Ngài, Chúa Giêsu đã kinh nghiệm rằng con người chỉ thực sự là con của Chúa khi ở trong một tình trạng nghèo khổ đáng thương nào đó.

Đến lượt chúng ta hãy thử kinh nghiệm về các mối phúc này. Chúng chỉ làm cho người ta mỉm cười hoặc nghiêng răng nếu nhìn từ xa. Nhưng những người cố gắng thử nghiệm thì nhận thấy kinh nghiệm và nói lên kinh nghiệm đó: họ cảm thấy hạnh phúc... vì được hạnh phúc như Chúa Kitô.

11. Phúc cho người sống những mối phúc.

(Trích trong ‘Mở Ra Những Kho Tàng’ của Charles E. Miller)

Tự nhiên ai cũng muốn hạnh phúc, nhưng hạnh phúc rất khó tìm thấy. Nó thường trượt khỏi tay chúng ta giống như bánh xà phòng ướt nơi phòng tắm. Tất cả chúng ta đều cố gắng để được hạnh phúc, nhưng chúng ta lại không luôn luôn đồng ý với những gì mà sự hạnh phúc có. Điều đó giống như những cảm hưởng khác nhau trong âm nhạc và thực phẩm vậy. Chúng ta khác nhau cho dù bây giờ chúng ta có phung phí tiền bạc vào những gì sẽ làm cho chúng ta được hạnh phúc, hoặc chúng ta sẽ để dành cho “những ngày mưa gió” trong tương lai.

Tất cả những gì mà người ta nghĩ là hạnh phúc thì Chúa Giêsu lại không nghĩ vậy, giáo huấn của Người hoàn toàn biệt lập về sự hạnh phúc là gì, làm thế nào và khi nào chúng ta đạt được hạnh phúc. Tất cả chúng ta đều đã nghe lời giáo huấn của Người nhưng có lẽ chúng ta hoàn toàn thất bại trong việc nắm bắt cho dù là một đặc tính duy nhất mà Chúa Giêsu đã tuyên bố.

Chúng ta gọi giáo huấn này của Người là những mối phúc, từ “beatius” theo nghĩa Latinh có nghĩa là hạnh phúc. Đầu tiên chúng ta nhận thấy rằng những mối phúc không phải là những điều luật, cũng không phải là những lời khuyên. Chúng là những lời tuyên bố. Chỉ một điều duy nhất mà hôm nay Chúa Giêsu đã nói chúng ta phải làm, đó là “hãy sung sướng và vui mừng”. Những điều khác, Người muốn trình bày những gì mà hạnh phúc phải gồm có, Người nói rằng những người hạnh phúc là những người nghèo, người khóc lóc, người đau buồn và người đói khát. Ngài cũng nhấn mạnh những người hạnh phúc là những người bày tỏ sự thương xót, người kiến tạo hoà bình và người chịu đau khổ, bắt bớ. Đó

không phải là danh sách mà chúng ta sẽ chọn lựa cho chính mình. Nếu chúng ta phải nhận lấy sự nghèo khổ, khốc lóc, đói khát như những món quà Giáng sinh, chúng ta sẽ nghĩ rằng ông già Noel phải trở thành ông già keo kiệt mới đúng.

Nhưng Chúa Giêsu không phải là ông già keo kiệt dù người nói những điều mà nhiều người nghĩ là “bịp bợm” chứ làm sao hạnh phúc với những thứ ấy được, chìa khoá bài giáo huấn của Chúa Giêsu được tìm thấy trong mỗi phúc thứ sáu. Mỗi phúc ấy nói: ***“Phúc cho ai có lòng trong sạch, vì họ sẽ xem thấy Thiên Chúa”***.

Người có lòng trong sạch là những người giống như những vị thánh, trung tâm toàn bộ đời sống của họ là Thiên Chúa. Trong sự nghèo khổ, họ nhận ra sự giàu có thật chỉ tìm thấy nơi Thiên Chúa. Nơi sự đau buồn của họ, họ khám phá ra rằng niềm vui thật chỉ cảm nghiệm được ở nơi Thiên Chúa. Nơi sự thấp hèn, họ hiểu rằng chỉ có Thiên Chúa mới có thể nâng họ lên sống xứng đáng một con người. Trong sự đói khát, họ thấy giá trị của Thánh Thể, bởi Minh và Máu Chúa sẽ dẫn chúng ta tới bữa tiệc vĩnh cửu trên quê trời. Họ bày tỏ lòng thương xót mà không báo thù, họ đem đến sự an bình chứ không oán ghét, bởi vì họ biết rằng Thiên Chúa là nguồn mạch sự thương xót và bình an. Họ sẵn lòng chịu bắt bớ, bách hại bởi vì họ cảm thấy đặc ân được đau khổ và ngay cả cái chết chỉ là làm chứng cho sự thật.

Vì người có lòng trong sạch đặt trọng tâm vào Thiên Chúa nên họ nhận biết Chúa Giêsu đã thực hiện những gì Người đã rao giảng. Chúa Giêsu là người nghèo, người phải chịu nhiều đau buồn trong cuộc thương khó của Người. Người đã trở nên thấp hèn, bị khinh khi như là một tội nhân trên thập giá. Họ thấy Chúa Giêsu đã trải qua đói khát trong hoang địa để chuần bị cho sứ vụ của Người, Người đã chuyển giao sự trống rỗng của người đến cạn kiệt để rồi làm sung mãn chúng

ta bằng sự sống và tình yêu của Người. Chúa Giêsu đã biểu lộ lòng thương xót đối với những người tội lỗi và Người đã hiến dâng mọi sự như là đặc ân sự bình an của Người.

Mặc dù không có mỗi phúc nào là một lề luật, chúng ta tự mình cũng phải thực hiện cho tốt: “Hãy trở nên giống Chúa Giêsu. Hãy có lòng trong sạch. Hãy tập trung toàn bộ đời sống của bạn ở nơi Thiên Chúa”. Đó sẽ là lời khuyên tốt cho chính chúng ta. Trong việc thực hành, chúng ta có thể làm trọn vẹn một điều mà Chúa Giêsu hôm nay bảo chúng ta làm: “Hãy sung sướng và vui mừng vì phần thưởng của các con ở trên trời thì rất lớn lao”.

12. Đường hẹp – Radio Veritas Asia

(Trích từ ‘Sống Tin Mừng’)

Khi Mẹ Têrêsa thành Calcutta còn sống, người ta kể lại rằng, một lần Mẹ đang rửa những vết ghẻ lở của người bị bệnh cùi thì có một thương gia giàu có đến thăm nhà, thấy Mẹ đang làm việc ấy, ông phát biểu ý kiến như sau: - Nếu có ai cho tôi một triệu bạc để làm công việc như Mẹ đang làm thì tôi cũng không dám làm.

Mẹ Têrêsa vui vẻ trả lời: - Tôi cũng vậy, nếu có ai cho tôi một triệu bạc tôi cũng không thể làm điều ông làm.

Tiền của vật chất không phải là yếu tố chính và chúng ta cũng không thể nào đo lường giá trị tinh thần của hành động con người bằng tiền của vật chất, nhưng đây là điều mà thường tình mỗi người chúng ta cũng dễ bị cám dỗ suy nghĩ và hành động như vậy, đó là hành động theo sự khôn ngoan của xác thịt, theo như bài đọc hai của thánh Phaolô Tông đồ nhắc lại cho chúng ta.

Bài Phúc âm hôm nay trình bày cho chúng ta một căn bản, một hiến chương cho đời sống đức tin của mình, đời sống đức tin của người môn đệ Chúa qua mọi thế hệ, trong mọi hoàn cảnh và chúng ta không thể nào hiểu được, cũng như không thể nào sống thực hành những điều phúc.

Tám mối phúc thật được ghi lại trong Phúc Âm hôm nay, trong một kiểu nói phàm trần với tâm thức tự nhiên con người, với lẽ khôn ngoan xác thịt như cách nói của thánh Phaolô Tông đồ. Chìa khoá để hiểu và sống những điều Phúc âm mà chính Chúa Giêsu Kitô đã dạy chúng ta là chính Ngài là Chúa. Chúa đã sống trọn vẹn những điều phúc này, nhất là trên núi Sọ khi để mình bị treo trên thập giá trong một hành động dâng hiến tuyệt đỉnh chính mình cho Thiên Chúa Cha, và chỉ khi nào chúng ta như Chúa Giêsu trên thập giá, bắt

chước Chúa Giêsu trên thập giá chúng ta mới hiểu và mới sống như Chúa đã sống.

Không phải vì tiền của, vì danh vọng mà Mẹ Têrêsa có thể thực hiện những gì Mẹ đã làm cho những anh chị em thấp cùng nhất trong xã hội, nhưng chính là tình yêu Chúa tràn đầy nơi Mẹ, không phải nhờ tiền của mà con người có thể sống thánh thiện, sống thương xót, sống hòa bình, sống công bằng, sống mỗi phúc thật như Chúa Giêsu đã dạy, nhưng chính là tình yêu Chúa, nhờ Chúa biến đổi, nhờ sống kết hiệp mật thiết với Chúa, chúng ta mới có đủ can đảm để sống những gì Chúa mời gọi chúng ta sống: "Phúc cho những ai có tinh thần nghèo khó, phúc cho những ai hiền lành, phúc cho những ai đau buồn, phúc cho những ai đói khát điều công chính, phúc cho những ai hay thương xót, phúc cho những ai có lòng trong sạch, phúc cho những ai ăn ở thuận hòa, phúc cho những ai bị bách hại vì lẽ công chính".

Xin Chúa giúp mỗi người chúng ta được sống như Chúa, được sống kết hiệp với Chúa mỗi ngày một hơn để chúng ta có thể hiểu và sống tất cả phúc thật như Chúa đã sống. Xin Chúa giúp mỗi người chúng ta được trung thành với đức tin. Amen.

13. Phúc thay

Trong Kinh Thánh, "Hạnh phúc" là tiếng ca tụng người biết làm cho ơn Chúa ban sinh lợi, nên họ cảm thấy hạnh phúc ngay từ bây giờ, và nếu họ luôn trung thành với con đường đã chọn, họ sẽ được nhìn nhận là người công chính trong giờ phán xét."(Tin Mừng thánh Matthêu, Centurion, 1991, tr.58)

1. Bốn mối phúc đầu của Matthêu: ca tụng người biết hướng về Thiên Chúa và từ chối bạo lực.

* "Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ". Sự nghèo khó mà mỗi phúc này nhắm tới không phải là sự nghèo khó về vật chất; nhưng là thái độ của một người nghèo tự nhận mình không có quyền đòi hỏi gì trước mặt Chúa, trái lại mọi sự mình có đều do bàn tay nhân từ của Thiên Chúa.

J. Potel chú giải: "Người Kitô hữu phải nhìn nhận mình đã lãnh nhận sự sống nơi Thiên Chúa; mà Đức Giêsu dạy rằng phải nhận ra và yêu mến Ngài như một người Cha. Sự nghèo khó tinh thần chính là chấp nhận từ thăm sâu lòng mình rằng sự sống là quà tặng thường xuyên của người Cha này. Thiên Chúa không cần lời khen ngợi, Ngài tự hiến một cách vô vị lợi: đó chính là nguồn mạch sự khiêm nhường Kitô giáo. Sự khiêm nhường triệt để này tạo nên phẩm giá của một con người và của tất cả mọi người. Thật vậy, phẩm giá này không dựa trên sự giàu có cũng như những đức tính nhân bản, nhưng dựa trên tình yêu mà Thiên Chúa dành cho mỗi người, nhất là người nghèo. Chính đây là trọng tâm của Tin Mừng vĩnh cửu".

* "Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được đất hứa làm gia nghiệp". Mỗi phúc thứ hai này nối dài mỗi phúc trên từ một câu Thánh Vịnh 36: "Những ai hiền lành sẽ chiếm hữu trái đất và sẽ hưởng một nền hòa bình sung mãn". J. Potel nói

tiếp: "Sự hiền lành là hoa trái của sự khó nghèo. Người nghèo thì không có phương tiện thể lý hay pháp lý bảo vệ mình. Vậy phải chăng người nghèo hoàn toàn trợ trợ trước những người không nhìn nhận quyền của mình? Không, vũ khí của họ chính là sự hiền lành, sự nhẫn nại, sự tín nhiệm vào Thiên Chúa. Sự chiến thắng vĩnh viễn không đến từ võ lực. Ngày nay người ta gọi nó là kết quả của sự không dùng bạo lực".

* "Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an". Tận đáy sâu của nỗi tuyệt vọng, người tín hữu vẫn thấy ánh lên một niềm hy vọng: "Tia hy vọng này là khuôn mặt của Thiên Chúa. Ngài đến gần để an ủi người đắm chìm trong cơn thử thách".

* "Phúc thay ai khao khát nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thoả lòng". Rảo qua toàn bộ Kinh Thánh, Sự công chính ở mỗi phúc thứ bốn được hiểu là "tự điều chỉnh" tâm hồn và thái độ theo cách thế Thiên Chúa đã làm. Thiên Chúa ở đây là Đấng đã đến để gặp gỡ con người và nối kết với họ bằng giao ước. Như vậy 'trọn đời mình, người Kitô hữu tìm cách đáp ứng những đòi hỏi tinh thần và luân lý do giao ước này đề ra bằng cách thực hiện "sự công chính" đối với Thiên Chúa và đối với đồng loại'.

2. Bốn mối phúc sau hướng đến thái độ đặc trưng của người môn đệ Đức Kitô

* "Phúc thay ai xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương". Khi chiêm ngắm cách Thiên Chúa, Đấng nhân từ và xót thương cư xử với ta, người môn đệ của Đức Kitô học biết tha thứ những xúc phạm và trợ giúp anh em mình sống trong cảnh tuyệt vọng.

* "Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa". Sự trong sạch ở đây không có liên quan trực tiếp đến tình dục. Nó cũng không phải là sự chính trực,

sự không giả dối, sự đi đôi giữa nói và làm. Sự trong sạch đây là con đường hợp nhất với Thiên Chúa.

* "Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa". Jean Potel giải thích: "Đối với Đức Giêsu, sống hòa bình bằng cách rèn luyện một đời sống hòa hợp và an lành không đủ, Ngài đòi một đức ái tích cực, nhất là khi không có hòa bình trong gia đình, nơi cộng đoàn Kitô hữu. Hòa bình sẽ được gọi không có biên giới cũng như tình yêu Thiên Chúa không có giới hạn. Những người xây dựng hoà bình là con Thiên Chúa: dĩ nhiên nhiệm vụ của con là tiếp tục công việc của Cha mình, mà điều Cha trên trời muốn là đem hoà bình đến cho con người".

* "Phúc thay ai bị bách hại vì sự công chính, vì Nước Trời là của họ". Trung thành tuân giữ giáo huấn của Đức Kitô như trong các mối phúc không phải là không có những hiểu lầm, những đối nghịch, những bách hại, vì những giá trị Nước Trời đi ngược lại với những giá trị thường được đề cao như những tiêu chuẩn cuộc sống. Đối với Đức Giêsu, những môn đệ bị bách hại của Ngài là những người nghèo thật sự của mỗi phúc thứ nhất. Họ chỉ có lời hứa Nước Trời cho những khổ đau họ gánh chịu.

Tất cả các mối phúc đều vẽ lên một khuôn mặt, đó là khuôn mặt của Đức Giêsu. Jean Potel kết luận: "Đức Giêsu hân hoan đón nhận Nước Trời mà Ngài hết lòng chờ đợi và đã hoàn toàn hiến thân vì Nước Trời ấy. Cuộc đời, lời nói, hành vi của Ngài đều biểu lộ nơi Ngài một con người nghèo hèn, hiền lành, thương xót, trong sạch, kiến tạo hòa bình; một người chỉ sống vì Nước Trời đang đến, vì triều đại của Đấng mà các môn đệ Ngài sẽ cầu khẩn khi gọi là Cha".

14. Suy niệm của Lm. Thiện Cẩm

PHÚC THAY AI CÓ TÂM HỒN NGHÈO KHỔ

Phật Thích Ca mở đầu bài thuyết pháp đầu tiên tại Bê-na-rét bằng câu: "Vạn sự sự vô thường, vạn sự khổ", nghĩa là mọi sự đổi thay không ngừng, nên mọi sự chỉ là khổ. Sinh, lão, bệnh, tử: Con người sinh ra để rồi già yếu, bệnh tật, và cuối phải chết. Rõ thật cuộc đời chỉ là bề khổ!

Năm trăm năm sau, Đức Kitô xuất hiện bên đất Pa-lét-tin, đồng đạc tuyên bố trong bài giảng đầu tiên: "Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khổ, vì Nước Trời là của họ!" (Mt 5,3)

Một người mang tiếng là bi quan yếm thế, người kia lại bị coi như không tưởng, lạc quan quá cỡ. Một bên coi đời là bề khổ, còn một bên lại nhìn thấy màu hồng trong cái thanh bạch trống trơn.

Người ta đã tốn khá nhiều giấy mực và thời giờ sức lực để nghiên cứu, suy tư, bàn cãi về hai bài giảng đầu tiên của Đức Phật và của Đức Giêsu.. Đã có cả những luận án trình bày và so sánh hai bài giảng đó. Tuy nhiên có lẽ chẳng mấy ai hiểu được chính xác nội dung ý nghĩa của hai bài giảng có tính cách ngôn sứ ấy. Vì thực ra, cả Đức Phật lẫn Đức Kitô, đều không có chủ ý đề ra một lý thuyết về vấn đề hạnh phúc và đau khổ, mà chỉ chia sẻ cho anh em nhân loại của các Ngài chính kinh nghiệm sống của mình. Kinh nghiệm của Đức Phật là kinh nghiệm của một người đã đạt tới Chân Như, vượt ra ngoài thế giới vô thường của những đam mê mù quáng, của sự phân chia đối kháng; còn kinh nghiệm của Đức Kitô, là kinh nghiệm của một người thấy được sự tồn tại trong cái mất (x. Mt 10,39), và sự sống trong cái chết (x. Ga 12,24-25)

Đức Phật chỉ nói lên cái lý do, cái nguyên nhân làm cho người ta khổ, nhưng Người không bao giờ lên án cuộc đời, cho nó chỉ là bề khổ. Đức Kitô cũng không bảo rằng muốn

hạnh phúc thì phải là kẻ khổ rách áo ôm. Do đó, Matthêu đã có lý khi thêm ba chữ "có tâm hồn" vào trong câu nói của Chúa, để xác định cho rõ cái nghèo hèn nào mới thực sự đem lại hạnh phúc cho con người.

Trong cuộc đời, xưa cũng như ngày nay, vào thời con người còn ăn lông ở lỗ, cũng như trong thời ở khách sạn 5 sao, vẫn luôn luôn diễn ra những cảnh trái khoáy: nhiều người có đủ mọi điều kiện để hạnh phúc, mà thực tế lại đau khổ khôn lường, còn những kẻ xem ra bần cùng tăm tối, lại tràn trề hạnh phúc.

Thật ra ai cũng biết rằng nghèo khó không đương nhiên là khổ, đã đành rằng nghèo và khổ thường đi đôi với nhau. Trái lại, giàu có cũng không tất nhiên đem lại hạnh phúc cho con người. Vấn đề hạnh phúc chủ yếu ở cái TÂM. Bởi thế các bậc thánh hiền, bằng những ngôn ngữ khác nhau, nhưng hầu như đều luôn luôn nhất trí trong việc đề cao đời sống tâm linh.

Chính đó là lý do tại sao Đức Giêsu đề cao tâm hồn nghèo khó, hiền hậu, dám chấp nhận khổ đau, yêu thích sự chính trực, thương xót đồng loại, trong sạch, và biết xây dựng hòa bình. Thực ra tất cả những đức tính trên đây là những đức tính của "người nghèo của Thiên Chúa", của một anawim, theo truyền thống Kinh thánh. Người nghèo của Thiên Chúa, không phải là người có đời sống vật chất khó khăn túng quẫn, mà là kẻ trước hết hoàn toàn tin tưởng phó thác cậy trông nơi Chúa, biết sống cho Người và cho anh em đồng loại của mình, lấy Chúa làm gia nghiệp, và luôn luôn sống trong tình liên đới với anh em đồng loại, thực thi điều răn trọng nhất là mến Chúa yêu Người.

Nói theo Đông phương chúng ta, thì hạnh phúc chủ yếu ở chỗ thực hiện được sự hòa điệu giữa lòng mình với lòng Trời, giữa lòng mình với lòng người, nghĩa là sống sao cho hợp

lòng Trời và lấy lòng của trăm họ làm lòng mình, "đĩ bách tánh tâm vi tâm" (ĐĐK XLIX,1).

Theo truyền thống Ấn Độ nói chung và Phật giáo nói riêng, hạnh phúc là sukha, đó là tình trạng giống như tình trạng của một bánh xe, mà trong đó mọi sự ăn khớp với nhau: vành xe, ổ trục và các đũa xe đều tốt và nằm đúng vị trí, hòa hợp với các thành phần khác, do đó mà bánh xe chạy trơn tru. Còn đau khổ là dukha, đó là tình trạng một bánh xe trục trặc, vì có những thành phần hư hỏng hay không ăn khớp với những thành phần khác.

Nói tóm lại, không ai sướng khổ một mình hay chỉ tại mình, mà tất cả chúng ta liên đới và chịu trách nhiệm về hạnh phúc cũng như đau khổ của nhau. Vì thế mà trong Tám mối phúc thật, Đức Giêsu cho thấy hạnh phúc của chúng ta tùy thuộc vào mối tương quan ba chiều giữa chúng ta với Thiên Chúa, và giữa chúng ta với anh em đồng loại.

15. Hạnh phúc – Lm. Nguyễn Ngọc Long

Hạnh phúc cần thiết cho đời sống mỗi người từ khi mở mắt chào đời cho tới khi nhắm mắt từ giã cuộc sống trần thế, ai cũng mong muốn có hạnh phúc và ra công gắng sức để tìm hạnh phúc. Nhưng nếu hỏi hạnh phúc là gì, và làm thế nào để có được hạnh phúc? Có lẽ không mấy ai có thể cắt nghĩa cho rõ ràng được! Vì hạnh phúc không là điều đơn giản có thể thu tóm trong một định nghĩa hay một công thức, hay một bài viết. Hạnh phúc cũng không giống như chiếc áo, chiếc xe, hay cái nhà mà có thể vẽ ra thành hình hài có màu sắc, hay có thể mua sắm làm ra được.

Hạnh phúc là điều cảm thấy trong tâm hồn, trong cuộc sống, khi một biến cố, một lời nói cử chỉ mang lại niềm vui, mà họ chờ đợi từ lâu. Thí dụ, khi thi đỗ hay lam ăn phát đạt gặp dịp may, con cháu khỏe mạnh mau lớn, học hành giỏi giang, được người hằng mong ước, sang đoàn tụ với gia đình, được khen tặng tán thưởng, được khích lệ an ủi, thoát khỏi tai bay vạ gió, bình phục khỏe mạnh trở lại sau cơn bạo bệnh...

Trong Phúc âm, những người được Chúa chúc phúc, những người được gọi là hạnh phúc, lại có đời sống trái ngược. Họ phải gánh chịu cuộc sống đau có gì sáng sửa mang lại hạnh phúc như chúng ta hiểu. Trái lại họ phải chịu phần thiệt thòi, sống hy sinh chịu đựng nhiều hơn là đàng khác! Tại sao Chúa lại gọi họ là những người có hạnh phúc? Phải chăng đó chỉ là những lời an ủi để họ bằng lòng với số phận "chịu vậy" cho xong?

"Phúc thay cho những ai có tâm hồn nghèo khó, vì nước trời là của họ" (Mt 5,3). Tất cả mọi người ai cũng cần có cuộc sống no đủ cơm ăn áo mặc, nhà ở, việc làm, cơ hội học hành thăng tiến cuộc sống cho xứng đáng nhân vị đời sống con người. Nhưng đời sống con người đâu chỉ gói trọn trong

phạm vi bốn bức tường nhà ở của mình. Nó còn liên đới lan rộng và tùy thuộc với môi trường, với mọi người xung quanh nữa. Và đời sống con người đâu phải chỉ có nhu cầu cho thể xác, cho bao tử, cho sức khỏe, nhưng còn có nhu cầu thiêng liêng tinh thần nữa: Lòng tin tưởng biết ơn Đấng Tạo Hóa.

Người nghèo khó trong tâm hồn là người nhìn nhận Chúa là Cha đời mình và sống bác ái, chia sẻ với người xung quanh mình. Chính tình liên đới đó làm cho cuộc sống có ý nghĩa, có hạnh phúc.

Dưới con mắt của mọi người, những ai lâm cảnh hoạn nạn buồn sầu tủi khổ, họ là những người bất hạnh - Thử lòng trong đời đã có ai chưa một lần nào lâm cảnh này? - Nhưng đức tin dạy chúng ta: Thiên Chúa không bỏ họ một mình trong lúc sầu khổ, như Ngài đã hứa: "Con đừng sợ, trong cơn sầu khổ, Ta sẽ cứu độ con" (Is 43,1). Và trong hoàn cảnh bước đường cùng vẫn có những người anh chị em đồng loại sẵn sàng an ủi, giúp đỡ nhau. Điều này rất cần cho con người. Và chính điều này mang lại hạnh phúc cho cuộc sống.

Trong lúc gặp bước đường cùng khổ gian nan, mà biết có người cùng chia sẻ, cùng đồng hành với, sẽ cảm thấy được an ủi. Đời sống được an ủi, là đời sống có hạnh phúc.

Chúa chúc phúc cho những người có lòng nhân từ, lòng thông cảm với người khác (Mt 3,7-8). Có thể họ bị người đời cho là khờ dại hay "ăn cơm nhà, vác gà voi hàng xóm". Nhưng đâu phải như thế. Họ là những người kiến tạo hoà bình. Vì họ không lợi dụng người anh chị em mình lúc yếu thế sa cơ để kiếm lợi cho riêng mình như cảnh "dậu đỗ bìm bịp leo!", nhưng tìm cách tương trợ lẫn nhau "chị ngã em nâng".

Họ là những người không tìm cách, tìm dịp xa gần nhục mạ bôi nhọ danh dự người khác. Lòng đạo đức nhân bản là

nền tảng đời sống đức tin của họ, như lời Chúa dạy: Yêu thương, tha thứ cả kẻ bách hại các con (Mt 5,44).

Và trong đời sống, thiết tưởng ai cũng đã có kinh nghiệm quý báu này: Ngày hôm nay người này có thể là người thù địch, hay người không đồng ý kiến, tư tưởng với ta, nhưng ngày mai họ có thể sẽ trở thành bạn, người làm ơn cho ta! Nhà chí sĩ Nguyễn Trãi thuở xưa trên bình diện quốc gia dân tộc trong hịch Bình Ngô Đại Cáo đã kêu gọi: "Lấy chí nhân thay cường bạo!" làm nền móng xây dựng hòa bình cho xã hội, kiến tạo tình người, bắc chiếc cầu thông cảm tha thứ làm hoà với nhau.

Những người được Chúa chúc phúc, được Chúa hứa cho đời sống hạnh phúc là những ai? Họ là những người tin theo Chúa, sống rao giảng tình yêu Chúa, tình yêu bác ái tha thứ, thấp sáng niềm hy vọng cho mọi người bằng chính đời sống mình trong môi trường họ sinh sống.

Qua đời sống như thế "Danh Chúa được cả sáng và Nước Chúa trị đến". Và người khác tìm thấy niềm vui hạnh phúc cho tâm hồn khi nhận ra tình yêu thương, tương trợ nhau.

16. Tám Mối Phúc

Khi còn bé tôi nghĩ rằng nếu đào một cái lỗ xuống đất và cứ tiếp tục đào, đào mãi, tôi có thể làm thành một con đường hầm từ Việt Nam xuyên qua trái đất sang đến Hoa Kỳ. Tất cả mọi người Mỹ, nhà cửa, ruộng vườn... là thế giới lộn ngược!

Đó là lý luận của trẻ con. Nhưng một thế giới lộn ngược đối với Chúa Giêsu không phải là một tư tưởng quá điên rồ. Chúa Giêsu trong bài giảng trên núi hôm nay, thánh Matthêu đã đưa ra Tám Mối Phúc làm đảo lộn những giá trị và sự khôn ngoan của con người. Những phúc lành của Chúa Giêsu là những giá trị bị lộn ngược.

Đang khi người ta chúc “Phúc cho những ai giàu có” thì Đức Giêsu lại nói “Phúc cho những ai có tinh thần nghèo khó”. Đang khi người ta chúc “Phúc cho những ai lanh lợi” thì Đức Giêsu nói “Phúc cho những ai hiền lành”. Đang khi người ta chúc phúc “Phúc cho những ai vui vẻ” thì Đức Giêsu nói “Phúc cho những ai đau buồn”. Người ta chúc “Phúc cho những ai tiệc tùng linh đình”. Đức Giêsu nói “Phúc cho những ai đói khát điều công chính”. Người ta ước ao “Phúc cho những ai có quyền hành”. Đức Giêsu nói “Phúc cho những ai hay thương xót người”. Người ta muốn “Phúc cho những ai có thân hình đẹp đẽ thon thả”. Đức Giêsu nói “Phúc cho những ai có lòng trong sạch”. Người ta muốn “Phúc cho những ai gây tin giật gân”. Đức Giêsu nói “Phúc cho những ai ăn ở thuận hòa”. Đang khi người ta muốn “Phúc cho những ai có đủ tiền mướn luật sư giỏi” thì Đức Giêsu nói “Phúc cho những ai bị bách hại vì lẽ công chính”. Lý do của sự đảo ngược giá trị này vì Chúa Giêsu rao giảng với tiêu chuẩn và uy quyền của thần linh. Chúa tập trung vào việc yêu mến Thiên Chúa và thương yêu tha nhân, còn người

trần gian lại tập trung vào sự hưởng thụ ích kỷ và thỏa mãn khoái lạc.

Triết gia Aristốt xưa kia đã nói: “Hạnh phúc (happiness) là cái mà tất cả mọi người tìm kiếm”. Đó là điều tự nhiên của con người. Sự ao ước này có nguồn gốc thần linh: Thiên Chúa đã đặt nó trong trái tim con người để lôi kéo con người lại với Người. Do đó những điều con người nghĩ là hạnh phúc, nhưng không đưa họ về với Thiên Chúa, đều là hạnh phúc giả tạo, khoái cảm mau qua, và không phải là phúc lành thực sự.

Người nghiện rượu tin rằng hạnh phúc nằm trong chai bia, chai rượu. Một chai chưa đủ, rồi hai, ba chai. Sau đó lái xe về nhà, vượt đèn đỏ, gây tai nạn. Sáng sớm tỉnh dậy thấy mình mảy băng bó đầy những thương tích. Từ đó anh học biết rằng hạnh phúc hứa ban bởi rượu là giả tạo, hoàn toàn không phải là phúc lành tí nào!

Thế gian có thể tìm kiếm được khoái cảm mà họ muốn, nhưng cũng có thể mất. Một sự thay đổi về tài sản của cải, một sự suy sụp về sức khỏe, một kế hoạch bị thất bại, một tham vọng không đạt được, và ngay cả một sự thay đổi của thời tiết... cũng có thể lấy đi cái hạnh phúc mong manh do thế gian mang lại.

Phúc lành của người Kitô hữu hoàn toàn khác biệt. Không một yếu tố ngoại giới nào có thể ảnh hưởng đến, hay hủy diệt nó được. “Và niềm vui của các con”, Đức Giêsu đã nói “không ai lấy mất được”. “Các mối phúc thật cho thấy một trật tự của hạnh phúc và ân sủng, của vẻ đẹp và bình an”

17. Phúc Tám Môi

Vào năm 258, hoàng đế Valerian ban lệnh bắt tất cả các giám mục, linh mục và thầy sáu vào tù. Đức Giáo Hoàng Sixtus II là người bị bắt đầu tiên. Ngài liền tin tưởng trao lại tài sản của Giáo Hội cho thầy sáu Laurensô với những lời hướng dẫn phải phân phát cho các bà góa và trẻ mồ côi. Thầy sáu Laurensô đã làm đúng như lời dặn của Đức Giáo Hoàng Sixtus II.

Khi Đức Giáo Hoàng Sixtus II bị đem đi hành quyết, Laurensô đã đi theo ngài khóc lóc thảm thiết: “Thưa Đức Thánh Cha, ngài vội vàng đi đâu vậy? Và con phải làm gì đây? Tại sao ngài lại đi đến nơi hiểm tể mà không có thầy sáu, người phụ giúp bàn thờ của ngài? Con đã thi hành lệnh truyền của ngài về tài sản của Giáo Hội”. Đức Giáo Hoàng đáp: “Con yêu dấu, ta sẽ không bỏ rơi con đâu. Con sẽ theo ta trong ba ngày nữa”.

Ngay sau đó, Laurensô đã bị bắt. Ông quận trưởng đã yêu cầu Laurensô phải trao nộp tài sản của Giáo Hội. “Giáo Hội thực sự rất giàu có”, Laurensô trả lời “Tôi sẽ chỉ cho ông thấy những tài sản đó, nhưng hãy cho tôi một thời gian ngắn để gom góp lại. Thời gian đã được ban, và Laurensô đã đi đến với các bà góa, trẻ mồ côi, những người què quặt, và già yếu mà Giáo Hội đã giúp đỡ. Ngài đã qui tụ họ lại xếp thành hàng dài đứng trước cửa nhà thờ, rồi mời ông quận trưởng đến và nói: “Thưa ông, đây là những tài sản của Giáo Hội!” Viên quận trưởng nổi giận và hứa sẽ ban cho Laurensô một cái chết đặc biệt: từ từ và đau đớn.

Sau đó Laurensô đã bị xích vào vĩ sắt nướng thịt, nằm trên ngọn lửa cháy riu riu. Tuy chịu cực hình, nhưng lòng khát khao của ngài hướng về Thiên Chúa quá lớn lao đến độ ngài không còn cảm thấy đau đớn. Nằm trên vĩ sắt một lúc, ngài nói với ông quận trưởng: “Xin ông hãy lật sang mặt bên kia,

bên này đã chín đủ rồi”. Quân lính đã làm y như vậy. Sau đó ngài lại nói: “Bây giờ cả hai bên đã chín, tất cả đã sẵn sàng, hãy đem ra phục vụ!” Rồi ngài cầu nguyện cho tòa thánh Rôma, để nhờ đó, thế giới có thể đón nhận được đức tin. Đang khi ngược mắt hướng lên trời, ngài đã tắt hơi thở cuối cùng trong niềm vui hân hoan được trở về với Thiên Chúa hằng sống.

Nơi Thiên Chúa, người nghèo khổ đặt tất cả sự phó thác tin cậy, người đau buồn tìm sự ủi an, người tội lỗi xin ơn tha thứ, người ốm đau được ơn chữa lành, kẻ bị bách hại có sức mạnh và lòng can đảm phi thường... Họ hoàn toàn tùy thuộc nơi Ngài. Vì thế tất cả phúc lành được trao ban cho họ.

Mẹ Têrêsa Calcutta là một người phụ nữ sống cho tha nhân. Suốt đời của mẹ sống với Phúc Tám Mối của Chúa Giêsu. Mẹ phục vụ những người nghèo khó nhất trần gian là để bắt chước lòng nhân từ của Chúa Giêsu. Ngay cả những người không phải là Kitô hữu đã nhìn vào mẹ Têrêsa và thấy mẹ có một điều gì đó giống như Thiên Chúa và có thể nói kết với Ngài. Một người ăn xin đang hấp hối bên vệ đường thành phố Calcutta, sau khi được cứu sống đã hỏi mẹ Têrêsa: “Trên trần gian này, có điều gì giống với Thiên Chúa không?” Mẹ trả lời: “Không, tôi đang cố gắng là một cái gì đó giống như Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa”.

Cha Henri Nouwen, tác giả nổi danh của nhiều tác phẩm tu đức, khi ngài còn sống đã gặp mẹ Têrêsa ở Rôma. Ngài nói rằng điều đáng chú ý nhất nơi mẹ Têrêsa, là mẹ thường xuyên tập trung vào Đức Giêsu. Dân chúng bu quanh lấy mẹ và đặt biết bao nhiêu câu hỏi. Mẹ đã trả lời với một nguyên tắc duy nhất: tập trung tất cả nơi Đức Giêsu. Những câu trả lời của mẹ, mới nghe có vẻ “đỏ mặt” vì đơn sơ và ngây thơ, phản ánh những thói quen của một người sống hoàn toàn tùy thuộc vào Thiên Chúa. Chính cha Nouwen cũng đã cảm nhận

được một sức mạnh dịu dàng và êm đềm phát ra từ những câu trả lời đó.

Phúc Tám Mối là những con đường dẫn ta về Nước Trời theo gương Chúa Giêsu đã đi. Đó không phải là tám con người khác nhau, nhưng là tám bức hình chụp từ những góc cạnh khác nhau của cùng một người, người đặt hoàn toàn tin tưởng và tùy thuộc vào Chúa Giêsu Kitô, người sống theo giảng thuyết và trở nên giống như Ngài.

Ở Hoa Kỳ hằng năm những hãng xăng dầu thường phát hành miễn phí những tấm bản đồ chỉ đường. Lịch sử của những tấm bản đồ chỉ đường này bắt đầu vào năm 1895, khi tờ báo “Chicago Times Herald” vẽ ra lộ trình của cuộc đua xe hơi từ Chicago tới Waukegan cho các độc giả theo dõi. Từ đó trở đi những người lái xe đã bắt đầu đòi hỏi những bản đồ chỉ đường giữa các thành phố. Những tấm bản đồ vẽ ra những con đường tốt nhất, những chỗ phải đi đường vòng, những điều kiện của xa lộ, những chỗ nghỉ ngơi, đồ xăng và những điểm cần phải chú ý dọc theo bên đường...

Sách Giáo lý Công giáo giải thích rằng: “Trong suốt cuộc đời của Chúa Giêsu, Ngài luôn tỏ mình là “khuôn mẫu của chúng ta”. Ngài là “Con người hoàn hảo” và Ngài mời gọi chúng ta đến làm môn đệ Ngài, bước theo Ngài: trong sự hạ mình của Ngài. Ngài đã để lại cho ta một gương để noi theo; bằng lời cầu nguyện của Ngài, Ngài thu hút ta vào việc cầu nguyện; bằng sự khó nghèo của Ngài, Ngài kêu gọi chúng ta hãy tự ý chấp nhận cảnh thiếu thốn và những cuộc bách hại”.

Phúc Tám Mối là tất cả những gì Chúa Kitô đã sống, Ngài muốn chúng ta sống những điều đó trong Ngài, để Ngài sống trong chúng ta như Công đồng Vatican II đã nói: “Do sự Nhập Thể của Ngài, một cách nào đó Con Thiên Chúa đã kết hiệp với mỗi người chúng ta”.

LỄ DÂNG CHÚA GIÊSU TRONG ĐÈN THÁNH

1. Tiên dâng cho Chúa

Suy Niệm

Sống là chấp nhận thuộc về. Mở mắt chào đời là thuộc về một gia đình, một đất nước. Càng sống con người càng thấy mình thuộc về nhiều hơn. Thuộc về một nhóm, một giáo xứ, một nơi làm việc...

Khi đôi bạn trẻ yêu nhau, họ muốn trái tim của họ thuộc về nhau. Thuộc về nhau là nền tảng của sự chung thủy.

Đối với Do thái giáo, bé trai đầu lòng mới sinh ra thì thuộc về Chúa, được thánh hiến dành riêng cho Chúa. Cha mẹ cậu phải bỏ ra một món tiền tượng trưng để chuộc cậu về cho mình (x. Ds 18,15-16; Xh 13,13)

Bài Tin Mừng hôm nay không nói đến chuyện chuộc con, nhưng lại nói đến việc bà Maria và ông Giuse tiến dâng con trai đầu lòng cho Chúa.

Đức Giêsu đã sống nghiêm túc sự tiến dâng này suốt đời. Ngài thuộc về Thiên Chúa Cha một cách trọn vẹn. Từ khi vào đời làm người, Ngài đã nói: "Này tôi xin đến để thực thi ý Chúa." (Dt 10, 9)

Năm 12 tuổi, cậu Giêsu đã cố ý ở lại Đền Thờ, mà cậu gọi là nhà Cha của cậu (x. Lc 2, 49).

Khi chịu phép rửa ở sông Giođan, Đức Giêsu ý thức rõ hơn mình là Con, thuộc về Cha, được Cha sai vào giữa lòng nhân loại (x. Mc 1,11).

Có biết bao cám dỗ trong những năm rao giảng, cám dỗ từ ma quỷ, từ đám đông, từ môn đệ. Cám dỗ lôi kéo Ngài sống cho mình, và không muốn thuộc về Cha, Đấng sai Ngài đi.

"Các lời Thầy nói với anh em, Thầy không tự mình nói ra" (Ga 14,10).

"Con không thể tự mình làm bất cứ điều gì ngoại trừ điều Con thấy Chúa Cha làm" (Ga 5,19).

Đức Giêsu không tự mình nói, tự mình làm, vì Ngài đã vượt qua được cái tôi, và để cho Cha chiếm hữu toàn bộ cuộc sống.

Nếu chúng ta dám nói và làm theo ý Cha, chúng ta sẽ giống Đức Giêsu: thuộc trọn về Thiên Chúa.

Thuộc về Thiên Chúa phải là nền tảng chi phối mọi tương quan của ta với thụ tạo khác.

Cậu bé Giêsu được đưa lên Đền Thờ lần đầu tiên.

Chúng ta thấy một đôi vợ chồng nghèo với đứa con nhỏ, đứng lẫn trong đám đông, chờ đến phiên mình. Ai có mắt để thấy được sự lớn lao của mầu nhiệm?

Si-mê-on: một người công chính và mộ đạo, một người đầy Thánh Thần và sống trong chờ đợi. An-na: một góa phụ già nua phụng thờ Chúa đêm ngày, trong ăn chay và cầu nguyện.

Để thấy Chúa trong cái đều đặn, bình thường, buồn tẻ, cần có một đời sống đạo đức sâu xa.

Chúa có thể gặp ta như một sự tình cờ, nhưng thật ra lại là kết quả của những năm dài chuẩn bị.

Gợi Ý Chia Sẻ

Bạn hãy chia sẻ cho biết hiện nay bạn đang thấy mình "thuộc về" những người nào hay những tập thể nào. Sự thuộc về mạnh nhất của bạn hiện nay đặt ở đâu? Bạn thấy có nguy hiểm gì không?

Thuộc về Thiên Chúa, thuộc về tha nhân: có khi nào bạn cảm nghiệm điều đó một cách mãnh liệt không? Xin chia sẻ.

Cầu Nguyện

Lạy Chúa Giêsu,

Sống cho Chúa thật là điều khó. Thuộc về Chúa thật là một thách đố cho con.

Chúa đòi con cho Chúa tất cả để chẳng có gì trong con lại không là của Chúa.

Chúa thích lấy đi những gì con cậy dựa để con thực sự tựa nương vào một mình Chúa.

Chúa thích cắt tĩa con khỏi những cái rườm rà để cây đời con sinh thêm hoa trái.

Chúa cương quyết chinh phục con cho đến khi con thuộc trọn về Chúa.

Xin cho con dám ra khỏi mình, ra khỏi những bận tâm và tính toán khôn ngoan để sống theo những đòi hỏi bất ngờ của Chúa, dù phải chịu mất mát và thua thiệt.

Ước gì con cảm nghiệm được rằng trước khi con tập sống cho Chúa và thuộc về Chúa thì Chúa đã sống cho con và thuộc về con từ lâu. Amen.

2. Tiến dâng Đức Giêsu cho Thiên Chúa - JKN

Câu hỏi gợi ý:

1. Gia đình của Đức Giê-su tôn trọng lề luật như thế nào? Tại sao phải tôn trọng lề luật?

2. Các kinh sư Do Thái là những người giữ các luật tôn giáo một cách rất nhiệm nhặt. Họ có vì thế mà trở nên công chính trước mặt Thiên Chúa không? Tại sao? Bạn rút ra được bài học gì cho việc giữ luật của bạn?

3. Tình yêu và lề luật, cái nào là mục đích, cái nào là phương tiện? Cái nào làm cho bạn trở nên công chính, thánh thiện?

Suy tư gợi ý:

1. Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se tôn trọng lề luật

Bài Tin Mừng cho thấy Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se đã chu toàn những tập tục của luật Mô-sê liên quan đến việc hạ sinh Đức Giê-su. Luật Mô-sê qui định tất cả các trẻ nam đều phải cắt bì và đặt tên vào ngày thứ 8 sau khi chào đời (x. Lv 12,3; Lc 1,59-60; 2,21). Khi được 1 tháng tuổi, trẻ phải được đem tới đền thờ để làm lễ chuộc lại con, vì mọi con đầu lòng - dù là người hay là thú vật - đều phải tiến dâng cho Thiên Chúa, vì nó thuộc về Ngài, rồi phải chuộc nó lại từ Thiên Chúa (x. Xh 13,2.12-13; Ds 18,15-16). Nếu sinh con trai thì khi nó được 40 ngày, hoặc nếu sinh con gái thì khi nó được 80 ngày, người mẹ phải làm lễ tẩy uế, và phải dâng lễ toàn thiêu bằng một con chiên con, người nghèo có thể thay thế bằng một đôi chim gáy hay một cặp bồ câu non như Đức Ma-ri-a đã làm (x. Lv 5,7; 12,8). - Mặc dù biết Đức Giê-su, con của mình, là Con Thiên Chúa, Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se vẫn tuân thủ tất cả những gì lề luật đòi buộc. Đó là một gương mẫu cho chúng ta.

2. Vấn đề: có nên giữ luật như các kinh sư Do Thái không?

Như vậy là chúng ta phải nghiêm chỉnh tuân giữ lề luật. Nhưng một vấn đề rất cụ thể và hết sức thiết thực đặt ra cho chúng ta là: các kinh sư Do Thái, những người Pha-ri-sêu, nổi tiếng là giữ luật một cách nhiệm nhặt, nhưng lại bị Đức Giê-su chê trách rằng họ chẳng hề tuân giữ lề luật. Thật vậy, Đức Giê-su đã từng tuyên bố với các kinh sư Do Thái rằng: « Ông Mô-sê đã chẳng ban Lề Luật cho các ông sao? Thế mà không một ai trong các ông tuân giữ Lề Luật!» (Ga 7,19). Stê-pha-nô cũng nói với các kinh sư Do Thái tương tự như thế trước khi bị họ ném đá chết: «Các ông là những người đã lãnh nhận Lề Luật do các thiên sứ công bố, nhưng lại chẳng tuân giữ» (Cv 7,53). - Vậy phải giữ luật như thế nào mới được gọi là thật sự giữ luật? mới đẹp lòng Thiên Chúa? mới trở nên thánh thiện đích thực?

3. Cần phân biệt luật tổng quát và luật chi tiết

Trong tôn giáo, lề luật là những điều mà mọi tín đồ phải thực hiện hay tuân giữ để thực hiện tinh thần hay mục đích của tôn giáo: nên trọn lành, được cứu rỗi. Luật lệ gồm hai phần mà chúng ta cần phân biệt:

- Phần tinh thần, mang tính tổng quát, phát xuất từ Thiên Chúa. Phần này - tương tự như hiến pháp trong một quốc gia - là những nguyên tắc mang tính tổng quát, nhưng hết sức quan trọng. Có thực hiện được những nguyên tắc tổng quát này thì mới đạt được mục đích của tôn giáo. Trong Ki-tô giáo, có hai nguyên tắc tổng quát nhất là: «Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, và hết trí khôn người, và yêu mến người thân cận như chính mình» (Lc 10,27); «Tất cả Luật Mô-sê và các sách ngôn sứ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy» (Mt 22,40).

Hai nguyên tắc này đã được thánh Phao-lô và Gia-cô-bê tổng hợp lại thành một nguyên tắc duy nhất: «Ai yêu người,

thì đã chu toàn Lê Luật (...) Yêu thương là chu toàn Lê Luật» (Rm 13,8.10); «Anh em hãy mang gánh nặng cho nhau, như vậy là anh em chu toàn luật Đức Ki-tô» (Gl 6,2); «Luật Kinh Thánh được đưa lên hàng đầu là: Người phải yêu người thân cận như chính mình» (Gc 2,8). Chính Đức Giê-su cũng tuyên bố rất rõ ràng: «Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau; anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em» (Ga 13,35).

• Phần cụ thể, mang tính chi tiết, thường do con người lập nên bằng cách suy diễn từ những điều luật tổng quát trên cách áp dụng cụ thể những điều luật ấy trong mọi tình huống của đời sống con người. Phần này - tương tự như luật pháp trong một quốc gia - gồm những điều luật cụ thể giúp thể hiện một cách chi tiết những điều luật tổng quát (trong quốc gia là hiến pháp). Ki-tô giáo có vô số điều luật - trong giáo luật cũng như trong từng lãnh vực của tôn giáo - nhằm cụ thể hóa và chi tiết hóa hai nguyên tắc tổng quát «mến Chúa, yêu người» nói trên. Mọi Ki-tô hữu đều phải cố gắng thực hiện những qui định mang tính chi tiết này, để nhờ đó thực hiện cách hoàn hảo hai nguyên tắc tổng quát trên.

4. Giá trị của hai thứ luật trên

Những điều luật căn bản, mang tính tổng quát thì có giá trị tuyệt đối, con người phải thực hiện trong bất kỳ tình huống nào, và không hề có luật trừ. Đó là luật phát xuất từ Thiên Chúa. Theo tinh thần của đoạn Tin Mừng Mt 25,31-46 thì Thiên Chúa chỉ phán xét con người theo điều luật tổng quát này của Ngài mà thôi.

Những điều luật mang tính chi tiết đều phải nhằm giúp con người thực hiện điều luật tổng quát trên trong những tình huống cụ thể hơn. Do đó, chúng chỉ có giá trị khi nhằm mục đích thực hiện hoàn hảo những nguyên tắc tổng quát trên và khi phù hợp với mục đích ấy. Do đó, bất cứ điều luật chi tiết

nào nếu đem áp dụng trong những hoàn cảnh cụ thể mà phản ảnh đúng hay phù hợp với những nguyên tắc tổng quát trên, thì người tín hữu buộc phải tuân giữ. Trái lại, nếu trong một hoàn cảnh cụ thể nào đó, việc áp dụng những luật cụ thể này lại đi ngược với tinh thần của điều luật tổng quát trên, thì trong hoàn cảnh cụ thể ấy, người tín hữu không buộc phải tuân theo. Chính Đức Giê-su đã sẵn sàng lỗi luật ngày sa-bát khi mà nếu giữ luật chi tiết này trong những trường hợp cụ thể Ngài gặp thì hóa ra lại vi phạm một luật tổng quát hơn, là luật yêu thương (x. Mt 12,1-8; 9-14; Lc 13,10-17; 14,1-6; Ga 5,1-18; 9,1-41). Vì khi soạn ra những điều luật chi tiết này, không ai có thể nghĩ ra hết tất cả những trường hợp luật trừ, là những trường hợp mà tuân hành những luật này sẽ trở nên vi phạm những lẽ luật cao hơn hay tổng quát hơn.

Trong hiến pháp của một quốc gia thường có một khoản qui định rằng bất cứ một điều khoản nào trong luật pháp mà đi ngược lại tinh thần của bất kỳ một điều khoản nào trong hiến pháp, thì điều khoản trong luật pháp ấy trở thành vô giá trị, không phải tuân giữ. Hiến pháp mới là căn bản, luật pháp chỉ là công cụ hay phương tiện để thể hiện hay thực hiện hiến pháp mà thôi. Vậy chúng ta cần phải tập trung quan tâm vào việc thực hiện điều luật tổng quát của Ki-tô giáo là «mến Chúa, yêu người», mà tóm gọn hơn nữa là «yêu người», hơn là chú tâm thực hiện những chi tiết của lẽ luật thành văn. Nói thế không có nghĩa là không cần thực hiện những điều luật chi tiết, vì theo Đức Giê-su thì: «Các điều này vẫn cứ phải làm, mà các điều kia thì không được bỏ» (Mt 23,23b).

5. Một cám dỗ thường xảy ra đối với việc thực hiện lẽ luật

Người tín hữu không được giáo dục đức tin đầy đủ thường bị cám dỗ chỉ quan tâm thực hiện những điều luật chi tiết, cụ thể, thậm chí quan trọng hóa cả những chi tiết của luật lệ, mà

không hề quan tâm tới tinh thần tổng quát của lề luật. Do đó, thường xảy ra tình trạng như sau: có những tín hữu giữ những luật lệ tôn giáo một cách hết sức chi tiết, tỉ mỉ, được mọi người coi là đạo đức, thánh thiện. Nhưng nếu những người ấy tự xét mình một cách nghiêm túc xem mình đã thật sự mến Chúa yêu người chưa, thì họ phải tự nhìn nhận là chưa, hoặc còn thiếu sót hơn cả những người bình thường khác.

Điều chúng ta phải lấy làm lạ và phải suy nghĩ thật nghiêm túc là: các kinh sư Do Thái giữ luật nhiệm nhặt như vậy, thế mà Đức Giê-su lại đánh giá rằng «không một ai trong các ông tuân giữ Lề Luật!» (Ga 7,19), tại sao? Vì tuy họ quan tâm giữ nhiệm nhặt nhiều điều khoản của tôn giáo, nhưng họ lại «bỏ những điều quan trọng nhất trong Lề Luật là công lý, tình thương và lòng chân thành » (Mt 23,23). Và những khoản luật mà họ tuân giữ nhiệm nhặt ấy nghĩ cho cùng cũng «chỉ là giới luật của phàm nhân» (Mt 15,9). Nên việc giữ luật nhiệm nhặt ấy cuối cùng lại trở thành «sôi hồng bông không», hay như «công dã tràng»!

Còn cách giữ Luật Chúa của chúng ta thì sao? Liệu Thiên Chúa có đánh giá chúng ta, những người đang tự hào là giữ luật một cách nghiêm nhặt, tương tự như thế không? Rất có thể, vì chúng ta chỉ chú ý tới cái «xác của lề luật», là những điều khoản thành văn, mà không chú ý tới cái «hồn của lề luật», tức tinh thần của lề luật. Xác mà không có hồn thì chỉ là xác chết, vô giá trị! Chắc chắn tới ngày phán xét, rất nhiều người đã giữ luật một cách nhiệm nhặt không kém gì các kinh sư Do Thái, nhưng lại đứng vào hàng ngũ «quân bị nguyên rửa » (Mt 25,41), chỉ vì "xưa Ta đói, các ngươi đã không cho ăn; Ta khát, các ngươi đã không cho uống, v.v..." (25,42tt). Tội nghiệp cho họ là những kẻ mà Luật Chúa thì không thêm giữ chỉ toàn lo giữ «luật của phàm nhân»!

Cầu nguyện

Lạy Cha, xin cho con biết tôn trọng Luật Cha là luật yêu thương. Xin ban cho con tinh thần của thánh Âu-Tinh: «Cứ yêu đi, rồi làm gì thì làm!» Con nhận ra rằng con chỉ chu toàn được Luật của Cha khi con thật sự yêu thương mà thôi. Vì thế, xin Cha cho con biết yêu thương!

3. Thấp lên một ngọn nến

Thế giới hôm nay có những kẻ thù địch với Kitô giáo. Họ hăng say tuyên truyền cho tội ác và tìm mọi cách để thu hút, lôi cuốn đám đông đi theo đường hướng của họ.

Trước sự kiện này, một số các tín hữu nhiệt thành đã thiết lập phong trào thánh Christôphô-rô. Những người gia nhập phong trào này không cần phải ghi tên hay đóng góp chi cả, miễn là cố gắng làm thế nào chứng minh cho kẻ khác biết được rằng : tất cả chúng ta đều được Chúa yêu thương và chăm sóc. Chính vì thế mà phải sống một cuộc sống chan hòa tình người, tôn trọng những quyền lợi của nhau, cũng như sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau. Điều mà phong trào này tâm niệm đó là :

- Thà thấp lên một ngọn nến, còn hơn là ngồi đó mà rửa xả bóng đêm.

Đọc lại Phúc âm, chúng ta ghi nhận điều này : Đức Kitô là ánh sáng muôn dân.

Thực vậy, hôm nay trước cửa đền thờ, ông già Simêon đã nói tiên tri về Hài nhi Giêsu như sau :

- Lạy Chúa, xin để tôi tớ này được ra đi bình an, vì mắt tôi đã nhìn thấy ơn cứu độ, Chúa dọn ra trước mặt nhân trần, làm ánh sáng rạng soi dân ngoại, còn Israen dân Chúa được vinh quang.

Rồi trong cuộc sống công khai, chính Đức Kitô cũng đã từng công bố :

- Ta là ánh sáng thế gian, ai theo Ta sẽ không còn ngồi trong đêm tối.

Hay như thánh Gioan đã xác quyết :

- Nơi Ngài có sự sống. Và sự sống là ánh sáng cho muôn dân. Anh sáng đã chiếu soi trong u tối.

Một khi Đức Kitô đã là ánh sáng, thì Mẹ Maria chính là chiếc đèn, bởi vì Mẹ mang trong mình ánh sáng và từ đó tỏa

lan khắp nơi. Hôm nay nơi đèn thờ Giêrusalem, Mẹ bồng ẵm trong vòng tay của mình Hài nhi Giêsu, ánh sáng muôn dân. Không phải Mẹ chỉ bồng ẵm Chúa trên đôi tay của mình, mà hơn thế nữa, tâm hồn Mẹ hoàn toàn được ánh sáng Chúa chiếu soi và biến đổi. Mẹ chính là tấm gương trung thực nhất phản ảnh mọi nhân đức của Chúa.

Trên trời cũng như dưới đất, không một tạo vật nào giống Chúa cho bằng Mẹ. Mẹ chính là người môn đệ đầu tiên đã đi trên dấu chân của Chúa, qua đau khổ và thập giá để tiến đến vinh quang. Mẹ hoàn toàn tin tưởng và phó thác để được trọn vẹn trung thành với thánh ý của Chúa.

Còn chúng ta thì sao ?

Tôi xin thưa :

- Chúng ta cũng phải trở nên ánh sáng như Đức Kitô, chúng ta cũng phải trở nên đèn cháy như Mẹ. Thực vậy, thánh Phaolô đã khuyên nhủ :

- Trước kia anh em là tối tăm, nhưng hiện nay anh em là ánh sáng trong Đức Kitô.

Phải chăng đây cũng chính là điều Đức Kitô mong ước nơi mỗi người chúng ta, khi Ngài phán :

- Các con là ánh sáng thế gian. Một thành xây trên núi, không thể giấu được. Và người ta cũng không tắt đèn rồi để dưới gầm giường, nhưng sẽ đặt trên giá, để nó chiếu sáng cho mọi người trong nhà.

Là người Kitô hữu, chúng ta phải mang Đức Kitô, hay nói cách khác, phải mang ánh sáng của Ngài trong tâm hồn, rồi từ đó chiếu tỏa ánh sáng ấy cho những người chung quanh.

Là người tín hữu, chúng ta phải trở thành ngọn đèn cháy sáng, để những người còn ngồi trong tối tăm lầm lạc, nhờ chúng ta, sẽ tìm thấy đường ngay nẻo chính. Muốn được như thế, thì tâm hồn và cuộc đời chúng ta phải trong suốt như pha lê, cho ánh sáng Chúa chiếu qua.

Thế nhưng có kẻ lại nghĩ rằng :

- Ánh sáng của tôi còn quá yếu ớt, làm sao có thể chọc thủng được đêm đen ?

Trong một buổi thuyết trình, vị linh mục được mời nói chuyện, đã bắt đầu bằng cách tắt hết các bóng điện, khiến cho tăm tối phủ kín khắp phòng. Rồi ngài đánh một que diêm và thắp lên một ngọn nến. Ánh sáng của ngọn nến tuy yếu ớt, nhưng cũng đủ để họ nhìn thấy được khuôn mặt của người bên cạnh. Và nếu người nào cũng thắp lên một ngọn nến như thế, thì hẳn căn phòng sẽ rực rỡ, sẽ chan hòa ánh sáng.

Đừng nói rằng :

- Mình chẳng làm gì được.

Trái lại, thay vì ngồi phê bình và chỉ trích, thờ dài và bi quan, chúng ta hãy góp phần nhỏ bé của chúng ta vào công cuộc đẩy lui ảnh hưởng của đêm tối, của tội ác.

Nếu hoạt động của đêm tối là âm mưu, là thù oán, là tham vọng bất chính, thì hoạt động của ánh sáng phải là nhân hậu, phải là tha thứ, phải là khiêm cung.

Nếu một con én không làm nổi mùa xuân thì ít nữa nó cũng góp phần báo tin mùa xuân đang đến.

Chúng ta cũng vậy, thà thắp lên một ngọn nến, còn hơn là ngồi đó mà rửa xả bóng đêm.

4. Mẫu gương của bậc cha mẹ - Lm. Gioan Trần Khả

Tổng Thống George Washington một trong những nhà anh hùng của nền độc lập Hoa Kỳ, thường được đề cao như một người con hiếu thảo đối với mẹ. Sau những trận chiến cam go nơi sa trường, sau những cuộc họp căng thẳng với các chính khách, sau những công việc bẽ bộn của một nguyên thủ quốc gia, ông vẫn dành cả tiếng đồng hồ để về nhà thăm người mẹ hiền và trò chuyện với bà nhiều giờ liền. Một hôm thấy con đã vất vả công việc quốc gia, lại còn mất nhiều thời giờ thăm viếng, an ủi mình, bà mẹ mới hỏi ông:

"Tại sao con lại chịu khó và mất thời giờ như vậy để ngồi bên cạnh mẹ?"

Vị Tổng thống vĩ đại của nước Mỹ đã trả lời, "Thưa mẹ, ngồi bên cạnh để lắng nghe mẹ nói, không phải là một việc mất giờ. Bởi vì, sự thanh thản và lòng nhân hậu của mẹ đã giúp con vui sống" (Trích trong Thiên Phúc: Maria Mẹ Tuyệt Mỹ, Tr. 27-28).

Vai Trò Của Cha Mẹ

Làm cha mẹ, khi thấy con cái treo những bức hình của những ca sĩ, những tài tử, diễn viên kịch ảnh, những anh hùng thể thao... và khi thấy chúng lúc nào cũng mê man nghe nhạc, nghe khi vừa thức dậy, khi ăn, khi đi học, khi ngồi làm bài, khi làm việc vặt trong nhà, thì chúng ta e ngại là con cái chúng ta sẽ bị ảnh hưởng quá nhiều bởi những mẫu người đó. Tuy nhiên, khảo cứu tâm lý cho chúng ta biết, khi tuổi trẻ trưởng thành hơn thì chúng sẽ ít bị ảnh hưởng bởi những mô phạm nhất thời đó. Người có ảnh hưởng nhiều nhất nơi con cái là cha mẹ. Cha mẹ cần dạy và sống những giá trị đạo đức và luân lý để con cái noi theo khi chúng còn sống chung dưới mái ấm gia đình. Một bà mẹ nhận xét, "Cái quan trọng trong đời sống của gia đình không phải là những món ăn sang trọng, cái bếp sạch sẽ ngăn nắp, hay biết sắp xếp liệt kê

những việc phải làm trong nhà. Không gì có thể thay thế việc cho con cái chúng ta nhìn thấy tình thương và sự tận tụy hy sinh của chúng ta đối với chúng. Đồ chơi, quần áo mới, đĩa nhạc, đồ trang sức sẽ không thể thay thế tấm lòng hy sinh và tình thương của cha mẹ tỏ ra đối với con cái."

Những Tấm Gương

Khi chúng ta mừng lễ kính Đức Mẹ Dâng Chúa Giêsu vào đền thánh, phúc âm thánh Luca giới thiệu cho chúng ta hình ảnh những con người tội trung của Thiên Chúa: Giuse, Maria, Simeon và Anna. Là bậc cha mẹ gương mẫu, là đôi vợ chồng đạo đức, đầy lòng tin tưởng nơi Thiên Chúa. Khi vừa đủ ngày, Giuse và Maria đem con lên đền thờ để hiến dâng cho Thiên Chúa. Hành động Hiến Dâng của các ngài biểu lộ một đức tin sâu đậm, và lòng xác tín yêu mến lẽ luật của Chúa. Các ngài dâng Con không phải chỉ bằng môi miệng hay lời kinh suông, nhưng còn kèm với của lễ tuy đơn sơ nhưng gói gọn cả tấm lòng đối với Thiên Chúa trong khả năng của các ngài. Hơn nữa, cho dù được tiên báo là con mình sẽ như một Luối Gươm Đâm Thấu Tâm Hồn, các Ngài vẫn can đảm lãnh nhận và chu toàn trách nhiệm dạy dỗ con. Con trẻ lớn lên thêm mạnh mẽ, đầy khôn ngoan và ơn nghĩa Thiên Chúa ở cùng Người. Được như thế là do bởi cha mẹ Ngài là những người công chính và đạo hạnh.

Hầu hết những người làm cha mẹ đều có tình thương yêu đối với con cái. Tuy nhiên không phải ai cũng biết cách tỏ tình thương yêu và phương cách dạy dỗ giáo dục con cái cho đúng. Việt Nam chúng ta có câu, "Cha mẹ sanh con, Trời sanh tánh." Câu này chỉ trúng một phần nhỏ. Để chu toàn trọng trách làm cha mẹ, bậc cha mẹ còn có bổn phận tìm hiểu và học hỏi đào sâu về đức tin, về tâm lý và luân lý để huấn luyện dạy dỗ con mình lớn lên trong đường lối của Thiên Chúa.

Nhận Ra Đấng Cứu Thế

Khi đến đền thờ, các ngài gặp hai Nhân Vật cao niên Simeon và Anna. Con trẻ Giêsu mới chỉ được có 40 ngày. Ông Simeon và bà Anna chưa hề gặp con trẻ và cha mẹ của con trẻ. Nhưng tại sao họ đã nhận ra con trẻ Giêsu là Đấng Cứu Thế? Sở dĩ họ nhận ra con trẻ Giêsu là Đấng Cứu Thế bởi vì Simeon là Người công chính biết kính sợ Thiên Chúa, cho nên lòng trí của ông luôn tỉnh thức. Ông đã nghe và nhận ra tiếng thúc đẩy của Thần Khí và ông đã nhận ra Đấng Cứu Thế. Khi ông đã được nhìn thấy Chúa Giêsu và ẵm bồng Ngài thì ông mãn nguyện sung sướng. Ông Simeon đã nhìn ra giá trị đích thực và không còn luyến tiếc sự đời. Do đó, ông xin bằng lòng xuôi thác, "Lạy chúa bây giờ Chúa để cho tôi tớ Chúa đi bình an theo như lời Chúa, vì chính mắt tôi đã thấy ơn cứu độ mà Chúa đã sắm sẵn cho muôn dân." Cũng thế, bà Anna, sau khi chồng chết, đã thủ tiết và dành cuộc đời của bà sống ăn chay cầu nguyện trong đền thờ trông chờ Đấng Cứu Thế. Vì có tấm lòng thành kính và sống trong tinh thần chuẩn bị và mong chờ Đấng Cứu Thế cho nên bà cũng đã được diễm phúc gặp Ngài và nhận ra Ngài để công bố và xác nhận cho những người khác về Đấng Cứu Thế.

Tuy nghèo túng nhưng Giuse và Maria vẫn có thể tìm được của lễ để dâng cho Thiên Chúa và chu toàn trách nhiệm làm cha làm mẹ. Phần chúng ta, chúng ta có thể liệu được những gì để dâng cho Thiên Chúa và làm những gì để nói lên tinh thần của bậc làm cha làm mẹ đối với con cái? Trong tuổi già lưng còng mắt kém, nhưng ông Simeon và bà Anna vẫn có thể nhìn và nhận ra Đấng Cứu Thế. Phần chúng ta, chúng ta có nhận ra Chúa Giêsu trong hoàn cảnh sống hàng ngày không?

5. Lễ Đức Mẹ dâng Con trong đền thờ

Bài Tin Mừng anh chị em vừa nghe là một trong những bài Tin Mừng có những hình ảnh đẹp nhất trong thời thơ ấu của Chúa Giêsu. Có thể nói cuộc gặp gỡ của những người được nói đến trong bài Tin Mừng hôm nay là cuộc gặp gỡ của những người đại diện cho đến ba thế hệ.

Tiên tri Simêon và Anna thuộc thế hệ cao niên. Đức Mẹ và thánh Giuse thuộc thế hệ đương thời và Chúa Giêsu thuộc thế hệ mai sau. Cả ba thế hệ hội tụ lại trong khung cảnh của đền để thực hiện cho Lễ Đức Mẹ Dâng Con

NHỮNG LƯỖI GUOM SÀU KHỔ.

Đang khi thăm viếng bệnh viện, một cha sở dừng lại nhìn một giáo dân trẻ, có đưa con đầu lòng mới được 4 ngày. Mặc dầu vẻ bề ngoài thật dễ thương, nhưng người mẹ trẻ đó lại đầm đìa nước mắt. Cha sở hỏi: “Sao con lại khóc vậy hử Rosie?”. Để đáp lại, Rosie chỉ ngược nhìn lên Đức Mẹ bỗng ẵm Chúa Giêsu Hài Đồng mà mắt đẫm lệ. Đó là một bức họa của một phần bài Tin Mừng hôm nay: “Khi ông già Simeon được Chúa Thánh Thần linh hứng, đã nói với Đức Mẹ rằng: Một lười guom sẽ đâm thấu tâm hồn bà”. Rosie đã nhỏ lệ vì chị cảm thương Đức Mẹ, vì Mẹ biết rằng: Chúa Kitô Con Mẹ sẽ phải đau khổ, và cũng vì chị cảm thấy nỗi lo âu của người mẹ sợ rằng con nhỏ của mình sẽ phải đau khổ, cha sở giải thích cho chị rằng Thiên Chúa đã ban cho Đức Mẹ sức mạnh phi thường để đón lấy lời báo tin đấng cay ấy, để nhận lấy lười guom sâu khổ ấy.

Các bà mẹ ngày nay cũng có thể nhìn thấy vô vàn những nguy hiểm đe dọa con mình. Những đe dọa thể xác: như bệnh tật đủ loại, tai nạn mất sự sống và tàn tật, những kẻ hung ác, ngược đãi trẻ nhỏ, những thứ ma túy hủy hoại thể xác và cả tâm hồn, ăn uống say sưa quá độ, lái xe ẩu. Và còn biết bao tệ hại làm tan nát thể xác giới trẻ. Rồi những nguy hiểm cho

linh hồn đưa trẻ lại càng tệ hại: những bạn bè xấu làm mất cả đức tin, mất phán đoán về sự chân thực và sự sai lầm, những bạn bè say sưa, những bạn bè nghiện ngập, những phim ảnh và tạp chí khêu gợi dục vọng, những sách vở và thầy dạy làm sai lạc điều chân thật, và tinh thần của ma quỷ ngày nay gào thét lên rằng: mọi sự đều tốt, bao lâu bạn có thể chiếm được chúng.

Thực vậy, các bà mẹ có nhiều điều lo lắng, nhưng tình trạng vẫn còn hy vọng. Một người có ảnh hưởng giúp đỡ. Một người mẹ gương mẫu, hoàn toàn vô tội, rất mực tinh tuyền, biết chắc rằng: con trẻ bà bỗng ẵm trong tay rồi một ngày kia sẽ được đặt lại vào tay bà. Mà lúc ấy con bà đã bị thương tích, đầy máu me và hết sống. Người mẹ trên trời này nóng lòng giúp đỡ người mẹ ngày nay.

Như Đức Maria, các bà mẹ có những niềm vui và nỗi sầu. Chúng ta hãy tạ ơn Thiên Chúa về niềm vui, như Đức Maria đã làm. Sự lo sợ của Đức Mẹ về tương lai, thay vì làm cho Người lia xa Thiên Chúa, hay là làm cho Người quên Thiên Chúa, thì lại làm cho Người hướng mắt về Cha trên trời đầy thông suốt và quyền năng.

Như thánh Phaolô viết cho tín hữu Do thái: “Chúa Giêsu đã phải nên giống anh em mình về mọi phương diện, để trở thành Vị Thượng Tế nhân từ và trung tín trong mọi việc phụng thờ Thiên Chúa, hầu đền tội cho dân (B. đ.2; Dt 2,17).

Hôm nay Thánh lễ này thể hiện điều đó cho chúng ta. Lễ hiến tế làm sống lại những biến cố vui buồn trong cuộc đời Đấng cứu thế, Ngài sinh lại; chết và lại phục sinh. Từ sự làm mới lại cuộc thương khó và tử nạn của Ngài, mọi bà mẹ, mọi Kitô hữu, có thể lấy lại được sức mạnh để mang lấy sự lo lắng về tương lai, và đón nhận đau khổ khi nó xảy đến.

Xin Chúa chúc lành cho các bạn.

6. Dâng Chúa Giêsu trong đền thánh

Ý NGHĨA CỦA NGÀY LỄ

Bốn mươi ngày trước đây, chúng ta đã mừng lễ Chúa Giáng Sinh. Theo luật Môsê, Sau khi sinh con trai đầu lòng được 40 ngày, người mẹ phải đến Đền Thờ Giêrusalem để làm lễ thanh tẩy cho mình và hiến dâng con trẻ cho Thiên Chúa, rồi chuộc lại bằng lễ vật một con chiên hay một cặp bồ câu: vì mọi con trai đầu lòng đều thuộc về Thiên Chúa. Ý nghĩa này nhắc cho dân Do Thái cảm tạ Thiên Chúa vì Ngài đã tha không giết các con trai đầu lòng của họ, đang khi các con trai đầu lòng của dân Ai Cập đều bị giết chết, trong đêm Thiên Chúa giải phóng họ khỏi ách nô lệ Ai Cập đưa về Đất Hứa (x. Xh 13,1-3a.11-16).

Đức Maria và thánh Giuse cũng tuân giữ điều luật này. Hai ông bà đem Hài nhi Giêsu lên đền Thờ hiến dâng cho Thiên Chúa và gặp ở đây hai vị tiên tri già lão: Simêon và Anna. Hai vị được Thánh Thần linh ứng đã nhận ra Chúa Cứu Thế. ông Simêon đã mãn nguyện vì được tận mắt chiêm ngưỡng Đấng muôn dân trông đợi. Ông đã lớn tiếng chúc tụng Thiên Chúa và nói tiên tri về Hài nhi Giêsu: Hài nhi này sẽ là ánh sáng của muôn dân nhưng lại là đối tượng cho người ta chống đối.

Sự kiện dâng Chúa Giêsu vào Đền Thờ cho thấy Người là con đầu lòng thuộc về Thiên Chúa. Ông Simêon và bà Anna tượng trưng cho tất cả sự trông đợi của Ít-ra-en, họ đã tới gặp Cứu Chúa của mình. Đức Giêsu được nhìn nhận là Đấng Mêsia người ta trông đợi từ lâu, là ánh sáng của muôn dân và là vinh quang của Ít-ra-en, nhưng Người cũng là dấu hiệu của sự chống đối. Thanh gươm của đau khổ được báo cho Mẹ Maria đã loan báo một sự hiến dâng toàn hảo và độc nhất của thập giá. Sự hiến dâng sẽ mang lại ơn cứu độ mà Thiên Chúa đã chuẩn bị trước mặt tất cả mọi dân tộc

Lễ của ánh sáng

Lễ hôm nay còn được gọi là Lễ Nến, vì có cuộc rước nến vào Nhà thờ như cuộc đón rước Chúa GIÊSU là ánh sáng của muôn dân. Thánh Xốp-rô-ni-ô, Giám Mục Giêrusalem đã nói: "Đây là ý nghĩa của mầu nhiệm: chúng ta tiến bước, đèn sáng trong tay, chúng ta hăm hở đi tới, mang theo đèn sáng để nói lên rằng ánh sáng đã chiếu soi chúng ta và ánh sáng đó sẽ làm cho chúng ta nên rạng ngời. Nào mau lên, tất cả chúng ta cùng nhau ra đón Chúa. Người là ánh sáng thật đã đến, ánh sáng chiếu soi mọi người sinh ra trên thế gian. Vậy, thưa anh em, mọi người chúng ta hãy đón nhận ánh sáng và hãy tỏa sáng" (x. Kinh Sách, các bài đọc ngày 2/2)..

Công đồng Vaticanô II đã lấy lại lời tiên tri của ông Simêon để mời gọi mọi người Ki tô hữu ý thức sứ mạng và ơn gọi của mình là phải làm cho mọi người được nhận biết Chúa Ki tô, phải đem ánh sáng Tin Mừng của Ngài chiếu soi hướng dẫn mọi người trên thế giới. Chính Chúa Giêsu đã tuyên bố. "Thầy là ánh sáng trần gian. Ai đi theo Thầy sẽ không bước đi trong tối tăm, nhưng sẽ có ánh sáng ban sự sống" (x.Ga 12, 34-50). Bao lâu con người chưa nhận biết Chúa Ki tô và ánh sáng Tin Mừng của Ngài, thì bấy lâu con người còn dò dẫm trong tăm tối và dễ bị lầm lạc.

Tuy nhiên, Chúa Ki tô đã trở nên đối tượng chống đối của con người. Có những người biết Chúa để sống theo Ngài. Có những người khác lại chống đối Ngài. Chúng ta lấy làm đau xót với thánh Giuse và Mẹ Maria khi nghe tiên tri Simêon tiên báo điều đó ngay trong ngày vui của Chúa Giêsu: "Cháu còn là dấu hiệu bị người đời chống báng, còn chính Bà (Đức Ma ria) thì một lưỡi gươm sẽ đâm sâu tâm hồn Bà, ngõ hầu những ý nghĩ từ thâm tâm nhiều người phải lộ ra". Lời tiên tri đó đã ứng nghiệm ngay từ lúc Chúa Giêsu mới sinh ra cho đến khi bắt đầu cuộc đời rao giảng Tin Mừng Nước Trời.

Cuộc chống đối đó ngày càng lan rộng và quyết liệt cho đến khi giết được Ngài treo lên Thập giá. Nhưng Ngài đã Phục Sinh và đã trở thành ánh sáng của muôn dân, nguồn sống cho nhân loại.

HÃY SỐNG TRONG ÁNH SÁNG

Từ nay, ai đã tin Chúa Giêsu Ki tô và lãnh nhận Bí tích Thánh Tẩy đều đón nhận sự sống của Thiên Chúa và được ánh sáng của đức Ki tô chiếu soi, hướng dẫn cuộc sống. Thật vậy, nhờ Bí tích Thánh Tẩy, chúng ta được thánh hiến cho Thiên Chúa và được trở nên con của Ngài trong Đức Giesu Ki tô. Thiên Chúa đã thương gọi chúng ta từ tối tăm vào ánh sáng huyền diệu của Ngài. Xưa kia, chúng ta là tối tăm, nhưng nay trong Chúa Ki tô, chúng ta là "con cái của sự sáng là ánh sáng của trần gian" (x. Ga 12,85-36). Do đó chúng ta phải sống như con cái của sự sáng, phải chiếu sáng trước mặt mọi người, để "người ta nhận thấy việc tốt chúng ta làm mà ngợi khen Cha chúng ta trên trời" (Mt 5.14-16).

Thánh Phao lô nhắn nhủ những người đã được thánh hiến cho Thiên Chúa qua Bí tích Thánh Tẩy: Hãy bước đi trong ánh sáng của Chúa, Hãy vất bỏ những việc tối tăm, Hãy mang khí giới ánh sáng, Hãy hành động đàng hoàng như giữa ban ngày, để luôn được hiệp thông với Chúa Ki tô và ánh sáng muôn dân" (x. Ep 6,8-14).

Chúa Giêsu hôm nay đang tiến vào Đền Thờ của Ngài. Chúng ta hãy tiếp đón Ngài vào tâm hồn, vào cuộc sống của ta, để ánh sáng của Ngài biến đổi chúng ta thành những ngọn nến chiếu sáng như những vì sao trong đêm tối của trần gian, hầu dẫn đưa những ai còn ngồi nơi tăm tối đến gặp gỡ Đức Giêsu Ki tô, 'đấng Cứu Độ mà Thiên Chúa đã dọn sẵn trước mặt muôn dân" và đã bày tỏ cho mọi người.

7. Dâng Chúa trong đền thờ

(Suy niệm của Lm. Đaminh Nguyễn Thành Tiên)

Một bà lão gặp vị linh mục và nói: “Thưa cha, con đã cầu nguyện rất nhiều, con chỉ mong thấy Chúa một lần là đủ cho con, nhưng Chúa chưa nhận lời”.

Ước mong đơn sơ của bà thật sự gói trọn niềm hy vọng của người Kitô hữu; bởi cùng đích của cuộc đời chúng ta là gặp gỡ và kết hợp trọn vẹn với Chúa. (x. Phút Lắng Động Mỗi Ngày – tháng 12).

Bài Tin Mừng hôm nay thuật lại việc ông già Simêon được diễm phúc gặp Chúa Hài Đồng, được bông ẵm Chúa khi Chúa được Mẹ Maria và Thánh Giuse dâng tiến trong đền thờ.

Việc Chúa Giêsu được dâng tiến trong đền thờ và thái độ của cụ già Simêon cho chúng ta nhiều bài học:

- Đức Giêsu được dâng tiến trong đền thờ: Nghi thức dâng con trai đầu lòng cho Thiên Chúa là nghi thức Do thái nhắc nhở rằng mọi con trai đầu lòng thuộc về Thiên Chúa. Đức Giêsu -Ngôi Hai Thiên Chúa nhập thể- là Con Chúa Cha từ thuở đời đời. Tuy nhiên, đi vào lịch sử nhân loại trong văn hóa Do thái giáo, Ngài được cha mẹ dâng tiến cho Thiên Chúa theo như luật định. Qua đó, Ngài nêu gương cho chúng ta về việc tuân giữ lề luật và dâng mình cho Thiên Chúa.

Mỗi người Kitô hữu chúng ta, từ khi còn tấm bé, đã được cha mẹ dâng cho Thiên Chúa trong ngày chịu phép rửa. Nhờ phép rửa, chúng ta trở nên con Thiên Chúa, thuộc về Thiên Chúa và được gọi Thiên Chúa là Cha. Chúng ta hãy ý thức và sống xứng đáng với hồng ân này.

- Tiếp theo là thái độ của cụ Simêon: Sau cả một đời chờ mong, giờ đây, cụ sung sướng thỏa mãn; bởi vì cụ đã thấy, đã được bông ẵm Đấng Cứu Thế trên tay mình.

Ông cụ Simêon mới được thấy Chúa, được ẵm Chúa trên tay mà đã sung sướng và tạ ơn Thiên Chúa như vậy, huống cho chúng ta được rước Chúa Giêsu vào tâm hồn mỗi ngày! Chúng ta có nhận ra hồng ân cao trọng này mà ca tụng Chúa hay không?

Cầu nguyện:

Lạy Chúa Giêsu Hài Đồng, ông già Simeon -được Thánh Thần thúc đẩy- đã lên đền thờ và gặp được Chúa -Đấng Cứu độ- mà lâu nay ông hằng mong ước. Ước gì chúng con năng đến nhà thờ tham dự thánh lễ mỗi ngày; để nhờ vậy, chúng con không chỉ gặp được Chúa mà còn được rước Chúa ngự trong tâm hồn. Amen.

8. Dâng Chúa Giêsu trong đền thánh

(Suy niệm của Lm PX Vũ Phan Long)

1.- Ngữ cảnh

Chương 1–2 của Tin Mừng Luca có ý tưởng chủ đạo là sự hoàn tất lời Thiên Chúa hứa ban Đấng Mêsia. Các truyện kết cấu nhịp nhàng và đạt tới đỉnh điểm khi Đức Giêsu được dâng trong Đền Thờ. Trong biến cố này, tác giả đã nhìn thấy Đức Giêsu tỏ mình công khai. Ngài diễn tả được điều đó khi dùng Đanien 9–10 trong các lời loan báo cho Đức Maria và Dacaria, cũng như khi dùng Malakhi 3 trong lời loan báo cho Dacaria, trong bài ca “Chúc tụng” (Benedictus) và trong truyện Dâng con trong Đền Thờ. Được quy tụ lại quanh khái niệm “sự hoàn tất các ngày” (= đã mãn: 1,23.57; 2,6.21-22), các bản văn thiên sai này nêu bật ý tưởng là thời thiên sai đã đến. Vậy các chương này thuộc lịch sử tôn giáo được viết theo ngôn ngữ Kinh thánh.

Lc 1,5–2,22 là một chuỗi các thời điểm. Tác giả đã muốn nối kết biến cố sứ thần Gabriel hiện ra ở Đền Thờ với việc Đức Giêsu tỏ mình ra cũng tại đây bằng một con số huyền bí (70 tuần 7 ngày):

- 6 tháng (Lc 1,26.36) kể từ khi Dacaria được báo tin tới khi Đức Maria được báo tin: $30 \text{ ngày} \times 6 = 180 \text{ ngày}$

- 9 tháng kể từ khi Đức Maria được truyền tin đến khi Đức Giêsu chào đời: $30 \text{ ngày} \times 9 = 270 \text{ ngày}$

- 40 ngày kể từ khi Đức Giêsu chào đời cho đến khi được tiến dâng: = 40 ngày

Tổng cộng: = 490 ngày = 70 tuần 7 ngày

Thế mà theo lời sấm Đn 9,21-24, sau 70 tuần, Israel sẽ được thanh tẩy khỏi các tội và Đền Thờ Giêrusalem sẽ được tái cung hiến (thời vua Antiôkhô IV Êpiphanê / Giuđa Macabê). Tác giả Lc muốn cho thấy rằng việc Đức Giêsu được tiến dâng trong Đền Thờ đã khởi sự việc “Vinh quang”

của Thiên Chúa (x. cụ Simêôn gọi Đức Giêsu là “vinh quang của Israel”) đến cư ngụ vào thời cánh chung để thanh tẩy Đền Thờ và Israel. Việc này cũng làm ứng nghiệm lời ngôn sứ Ml (3,1).

2.- Bô cục

Nên đọc bản văn này từ câu 21, để duy trì được sự song đối giữa Gioan và Đức Giêsu. Do đó, chúng tôi xác định bô cục có cả c. 21. Đoạn này gồm hai phần chính và một kết luận:

1) Hai khúc dạo đầu (2,21-24):

- cắt bì và đặt tên (c. 21),
- thanh tẩy Đức Maria và dâng Đức Giêsu (cc. 22-24).

2) Hai cuộc tỏ mình (2,25-38):

- tỏ mình cho cụ Simêôn (cc. 25-35),
- tỏ mình cho bà Anna (cc. 36-38).

3) Kết: Nhắc lại điệp khúc của bài tường thuật về Thời thơ ấu (2,39-40).

3.- Vài ghi chú về chú giải

- **Khi đã đến ngày lễ thanh tẩy của các ngài** (22): “Các ngài” là Đức Maria và Giuse? hay là Đức Maria và Đức Giêsu? Luật không buộc thanh tẩy người chồng hoặc đứa con trai sơ sinh. Tuy vậy, “các ngài” phải được hiểu là quy về Giuse và Đức Maria, bởi vì các ngài là chủ từ của động từ “đem [con] lên”. Các nhà chú giải nhìn nhận rằng tác giả Lc, vì không phải là một Kitô hữu gốc Do Thái Paléttina, nên đã không được hiểu biết chính xác về tập tục thanh tẩy một phụ nữ sau khi sinh con. Và đây cũng là một dấu cho thấy rằng thông tin ngài có được không phát xuất từ những kỷ niệm hay ghi nhớ của Đức Maria.

- **theo Luật Môsê**(22): Theo Lêvi 12,2-8, một phụ nữ sinh một con trai bị coi là ô uế trong vòng 40 ngày: sau 7 ngày, đứa bé phải được cắt bì (vào ngày thứ tám), và người mẹ còn

phải chờ ở nhà 33 ngày nữa, “cho đến khi mãn thời gian thanh tẩy của bà” (Lv 12,4), trước khi bà được đụng chạm vào bất cứ vật thánh nào hoặc đi vào các sân Đền Thờ. Sau ngày thứ bốn mươi (hoặc thứ tám mươi), bà phải đem đến cho vị tư tế phục dịch tuần ấy tại Lều Hội Ngộ hay Đền Thờ một con chiên một tuổi làm lễ toàn thiêu và một bồ câu non hay một chim gáy làm lễ tạ tội. Nếu không thể dâng con chiên, bà phải dâng hai chim gáy hoặc hai bồ câu non.

- **để tiến dâng cho Chúa** (22): Chi tiết này mô phỏng truyện bà Anna dâng Samuen ở 1 Sm 1,22-24. Tuy vậy, đến câu sau, tác giả Lc nối kết việc dâng Đức Giêsu với luật về đưa con đầu lòng. Đức Giêsu được gọi là “con trai đầu lòng” ở 2,7, và việc chuộc lại Người là nhiệm vụ của cha mẹ Người. Trong Xh 13,1-2, chúng ta đọc: “Đức Chúa phán với ông Môsê: ‘Hãy thánh hiến cho Ta mọi con so, mọi con đầu lòng trong số con cái Israel, dù là người hay là thú vật: nó thuộc về Ta’. Sự thánh hiến này sẽ bảo đảm phúc lành cho những đứa con đến sau. Đứa con đầu lòng được chuộc lại bằng cách trả năm sê-ken (= mười lăm chỉ bạc), tính theo đơn vị đo lường của thánh điện (Ds 3,47-48; 18,15-16), nộp cho một thành viên của gia đình tư tế, khi đứa bé đã được một tháng. Tác giả Lc không nhắc gì đến việc trả số bạc; thay vào đó, ngài diễn tả việc chuộc con như là việc dâng con vào Đền Thờ Giêrusalem, một tập tục không có chỗ nào trong Cựu Ước hoặc sách Mishnah nói cả.

- **để dâng của lễ theo Luật Chúa truyền** (24): Hy lễ không phải là cho việc chuộc con đầu lòng, nhưng là cho việc thanh tẩy bà mẹ.

- **công chính và sùng đạo** (25): Các chi tiết mô tả cụ Simêôn đã đặt ông cùng với Dacaria và Êlisabét, Giuse và Đức Maria, và bà Anna, vào số những đại diện của những

người Do Thái trung thành đang sống tại Palétina vào thời gian sát ngay trước khi Đức Giêsu chào đời.

- **niềm an ủi của Ít-ra-en** (25): Ta hiểu đây là niềm hy vọng hậu Lưu đày: dân trông chờ Thiên Chúa khôi phục lại chế độ thần quyền tại Israel (x. Is 40,1; 61,2).

- **ra đi** (29): Ông Simêôn dùng ngôn ngữ của người canh đêm, sau khi đã hoàn tất công việc, xin được nghỉ ngơi.

- **một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn bà** (35): Có những tác giả cho rằng “thanh gươm” đây là nỗi ngờ vực về chân tính sâu xa của Con mà Đức Maria sẽ cảm nghiệm khi nhìn Đức Giêsu bị đóng đinh (chẳng hạn Origienê, Reuss, Bleek...). Cách giải thích này không tương ứng với TM Lc, và có vẻ là một cách giải thích theo tâm lý không có cơ sở. Cách giải thích truyền thống (kể từ Paulin de Nole và thánh Áutinh) đã coi “thanh gươm” này là nỗi đau đớn đồng cảm Đức Maria cảm nhận khi chứng kiến Con mình bị đóng đinh. Tuy nhiên, cách giải thích này cũng không phù hợp với TM Lc, bởi vì Đức Maria chỉ xuất hiện dưới chân thập giá trong TM Ga mà thôi (Ga 19,25-27) và cũng chỉ trong Ga, cạnh sườn của Đức Giêsu mới bị một ngọn giáo đâm thấu (Ga 19,34). TM Lc không bao giờ nói rằng Đức Maria ở trong số các phụ nữ đã đi theo Người từ Galilê (Lc 23,49.55; 24,10). Cách giải thích này lại cản ngang chuyển động của bản văn và dường như đưa vào đó một ngoặc đơn (x. bản dịch Bible de Jérusalem, CGKPV) hơi lạ. Cách giải thích này cũng giới hạn quá đáng vào cá nhân Đức Maria, điều này dường như trái với cái nhìn của tác giả Lc: đối với ngài cũng như đối với tất cả các tác giả Tân Ước, tâm lý của các nhân vật không đáng kể bằng vai trò của họ trong Lịch sử cứu độ (ta thấy điều này trong các bản văn về Thời thơ ấu: Đức Maria chỉ luôn đóng một vai trò lệ thuộc vào vai trò của Đức Giêsu). Đã thế, lối giải thích này lại chỉ ưu tiên chú ý đến Núi Sọ. Cần phải tìm

ý nghĩa của lời này của ông Simêôn trong nhãn quan của tác giả Lc về Đức Maria.

(1) Ở trong Cựu Ước, hình ảnh “thanh gươm” là biểu tượng của sự “chia rẽ” và “mâu thuẫn” (x. Ed 12; 14;...). Ở Is 49,2, Thiên Chúa đã làm cho miệng lưỡi Người Tôi Trung nên như một “lưỡi gươm sắc bén”. Sách Khải huyền đã lấy lại hình ảnh này và áp dụng cho Đức Kitô (1,16; 2,12.16; 19,15.21). Khi ta thấy rằng viên Kỵ sĩ trong Kh được gọi là “Lời của Thiên Chúa” và “từ miệng Người phóng ra một thanh gươm sắc bén” (Kh 19,13.15), đàng khác, ta lại nhận thấy rằng Is 49,2 chỉ đi trước Is 49,6 một chút, trong đó Người Tôi Trung được gọi là “ánh sáng muôn dân”, tức khắc ta nghĩ rằng hai câu này hiện diện trong tâm trí tác giả Lc khi ngài viết cc. 32.35a, và thanh gươm phân rẽ giữa lòng Israel chính là Lời mạc khải của Thiên Chúa là chính Đức Giêsu, Lời mang lại ơn cứu độ, nhưng cũng là Lời sẽ phán xét (x. Dt 4,12). Thế mà dọc theo hai chương đầu, ta thấy tác giả Lc giới thiệu Đức Maria như là Thiều nữ Sion, nghĩa là Israel được nhân-cách-hóa (đọc Lc 1,28 dưới ánh sáng của Xp 3,14-15 và Dcr 2,14). Theo hướng này, ta hiểu tác giả đang vận dụng một kiểu nhân-cách-hóa tiên trưng để trình bày hoạt cảnh Dâng Con trong Đền Thờ, và như vậy, ngài đã đặt vào miệng ông Simêôn c. 35a để ngỏ lời với Đức Maria trong tư cách là Thiều nữ Sion: nơi Mẹ, chính là Israel sẽ bị thanh gươm của Đức Chúa đâm thấu.

Cách giải thích này (được gợi ý bởi Sahlin, Black, Laurentin, Boismard, Benoýt...) có điểm thuận lợi là làm cho c. 35a ăn khớp hài hòa với ngữ cảnh. Thay vì đưa vào đó một ngoặc đơn, chỉ câu này trở thành một mắt xích của một phần triển khai, trong đó tư tưởng trước được nối tiếp và tư tưởng sau được chuẩn bị. Các câu 34 và 35a mô tả cuộc khủng hoảng gây ra nơi Israel bởi “dấu hiệu gây chống báng” được

ngôn sứ Êdêkien coi như một thanh gươm của Thiên Chúa đâm sâu tâm hồn dân Chúa; còn c. 35b là kết luận: sự thử thách gây ra bởi việc Đức Giêsu đến, do việc đòi hỏi phải chọn lựa theo hay chống Người, sẽ đưa tới chỗ thâm tâm của người ta phải lộ ra.

Hiểu như thế, cc. 34-35 hoàn toàn di theo và minh họa cc. 30-32. Lời sấm của ông Simêôn được phân phối thành hai cánh của một bức tranh bộ đôi: một cánh thì cho thấy Dân Ngoại được ánh sáng soi đường và muôn dân được cứu độ, và đây phải là vinh quang cho Israel; cánh kia cho thấy khủng hoảng của chính Israel này, khiến nhiều con cái của Dân Chúa chọn phải vấp ngã. Vậy đây chính là toàn thể tấn bi kịch của Lịch sử cứu độ được ông Simêôn trình bày cô đọng, và sẽ được tác giả Luca tiếp tục trình bày trong Tin Mừng cũng như trong Công vụ.

(2) Có một cách giải thích khác cũng có thể chấp nhận như một tầng ý nghĩa khác của câu này, và như một cách chứng minh kiểu tiêu cực cho cách trên đây. Trong Ed 14,17 (Hy Lạp), có nổi kết “thanh gươm” với “đâm sâu (= xuyên qua)”. Theo hình ảnh này, thanh gươm phân biệt ra (chọn ra) một số người để bị tiêu diệt và một số người để được cứu độ (x. Ed 5,1-2; 6,8-9). Trong ngữ cảnh của Lc, hình ảnh này phát xuất từ ý tưởng nói rằng vai trò của Đức Giêsu là làm duyên cớ cho nhiều người Israel phải vấp ngã hay được chỗi dậy. Đức Maria, là thành viên của Israel, cũng sẽ phải chịu ảnh hưởng. Trong Lc, chính Đức Giêsu sẽ được mô tả như một người gây chia rẽ trong các gia đình (12,51-53). Như vậy, với hình ảnh thanh gươm đâm sâu Đức Maria, ông Simêôn gọi đến khó khăn mà Mẹ sẽ gặp thì mới học ra rằng việc vâng phục Lời Thiên Chúa phải vượt lên trên cả những dây liên hệ gia đình (x. 8,21; 11,27-28).

4.- Ý nghĩa bản văn

*** Hai khúc dạo đầu (21-24)**

Cũng như việc cắt bì và đặt tên cho Gioan là cơ hội để con trẻ tỏ mình ra và để Dacaria nói lên một lời sấm, ở đây cũng vậy, việc cắt bì và đặt tên cho Đức Giêsu là cơ hội để Người tỏ mình ra. Cũng như Gioan, Đức Giêsu được ghi dấu ấn là dấu chỉ của giao ước (St 17,11) và tháp nhập vào Israel (x. Gs 5,2-9). Ngài cũng được đặt tên là Giêsu, một tên được chính Thiên Chúa ban cho. Bản văn nhấn mạnh trên việc đặt tên hơn là trên việc cắt bì.

Trong cc. 22-24, có hai biến cố được kể lại nhân dịp Đức Giêsu tỏ mình ra: (a) việc thanh tẩy Đức Maria, 40 ngày sau khi sinh Đức Giêsu (cc. 22a.24); và (b) việc chuộc lại Đức Giêsu, một tháng sau khi sinh (cc. 22b.23). Dường như Luca đã mô phỏng truyện dâng Samuel (1 Sm 1,22-24) mà tả cảnh này. Bản văn nhấn mạnh trên sự trung thành của Đức Maria và ông Giuse, như là những người Do Thái đạo đức, khi thi hành những điều buộc của Luật Môsê. Trong các câu này, Luật được nhắc đến 3 lần (cc. 22a.23a.24a) và trong truyện tỏ mình ra cho ông Simêôn (c. 27) và trong phần kết (c. 39). Hình thái cứu độ mới của Thiên Chúa đến với việc vâng phục Luật này.

*** Hai cuộc tỏ mình (25-38)**

Hình ảnh ông Simêôn gợi nhớ đến tư tế Êli trong 1 Sm 1–2 cũng như Dacaria trong truyện Gioan Tẩy Giả. Cũng như Dacaria đã tiên báo sự cao cả của Gioan Tẩy Giả trong bài ca “Chúc tụng”, nay sự cao cả của Đức Giêsu được ông Simêôn ca tụng. Do có sự song đối như thế, đến đây ông Simêôn nói hai lời tuyên bố, một là bài thánh ca ở cc. 29-32 và một là lời sấm ở cc. 34-35. Bài thánh ca công bố hình thái cứu độ mới của Thiên Chúa. Lời sấm được ngỏ với Đức Maria để nói về sứ mạng của Đức Giêsu và thân phận của Mẹ.

Tác giả luôn luôn viết một truyện về phái nam đi song song với một truyện về phái nữ, ở đây cũng vậy: bà Anna song đôi với ông Simêôn. Sự cao cả của Gioan được Dacaria công bố trong bài ca của ông; nhưng sự cao cả của Đức Giêsu lại không chỉ được ông Simêôn công bố mà được cả bà Anna giới thiệu nữa. Tuy nhiên, bà Anna không nói một tuyên bố nào; vai trò của bà là phổ biến tin mừng về hài nhi mà ông Simêôn đã nhận biết.

** Nhắc lại điệp khúc của bài tường thuật về Thời thơ ấu (39-40)*

Hai câu kết làm vọng lại điệp khúc đã có trong bài tường thuật về Thời thơ ấu (1,80; 2,52). Câu này nhắc lại từng chữ bản mô tả Gioan (1,80). Toàn c. 40 gọi lại truyện Samuen, nhất là 1 Sm 2,21c.26.

+ Kết luận

Câu truyện này là một lễ mừng các cuộc gặp gỡ trong niềm vui. Truyện được kể cho chúng ta ở đây cho thấy nhiều tương quan khác nhau. Chúng ta thấy Đức Giêsu trong dây liên hệ có một không hai với Thiên Chúa. Chúng ta cũng thấy cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu và ông Simêôn, Đức Maria và bà Anna. Gặp gỡ Đức Giêsu đưa lại niềm vui vô biên, nhưng cũng tạo nên một quan hệ buộc người ta phải rảo qua trọn con đường với Người và phải luôn luôn ở gần kề với Người.

5.- Bài học

1. Hôm nay, trong bản thân hài nhi Giêsu, chính Thiên Chúa trở lại với thánh điện của Ngài lâu nay bị bỏ hoang. Cho dù tội lỗi của Israel có thể nào, Thiên Chúa vẫn trung thành giữ những lời đã hứa. Vào dịp chúng ta chịu phép rửa tội, Thiên Chúa đã nhận chúng ta làm con. Cho dù chúng ta có bất trung thế nào, Người vẫn không bao giờ bỏ rơi chúng ta. Cho dù các tội lỗi của chúng ta đã xua đuổi Người ra khỏi thánh điện là trái tim chúng ta, Người vẫn tìm mọi cách để

đưa chúng ta đến chỗ hoán cải. Hãy mở rộng thánh điện tâm hồn mà đón Đức Kitô.

2. Chúa Thánh Thần luôn luôn có mặt và làm việc. Chúng ta cũng có thể sống thường xuyên dưới tác động của Người nếu chúng ta ở trong ơn nghĩa với Thiên Chúa và chăm chú đi theo những gợi ý của Người trong lòng. Khi đó, Chúa Thánh Thần có thể trở thành một nguồn ánh sáng giúp chúng ta hiểu niềm tin của chúng ta rõ hơn cũng như hiểu bản phận của chúng ta chính xác hơn, một nguồn sức mạnh thiêng liêng giúp chúng ta can đảm sống đời môn đệ của Đức Kitô, một nguồn gợi hứng trong khi chúng ta cầu nguyện cũng như sống nếp sống hằng ngày.

3. Ông Simêôn và bà Anna là gương mẫu cho chúng ta về cách sống hy vọng và trung thành. Sự trung thành của họ đã được ban thưởng. Mỗi khi chúng ta rước lễ, chúng ta cũng được nhận ân huệ ấy. Do đó, cần chuẩn bị với thái độ chờ đợi trung thành và nhận Thánh Thể với những tâm tình biết ơn.

4. Tất cả cuộc sống của Đức Maria và ông Giuse tập trung vào Đức Giêsu, trong khi Người lớn lên bình thường như mọi trẻ em khác. Nhưng “ơn nghĩa của Thiên Chúa vẫn ở trên Đức Giêsu” (c. 40) đã tạo nên trong gia đình này một bầu khí hiệp nhất, êm đềm, yêu thương. Bí quyết của hạnh phúc đơn giản và siêu nhiên ấy, chính là sự hiện diện phong phú của Đức Giêsu. Đây là điển hình hoàn hảo cho mọi gia đình Kitô hữu. Nếu Đức Kitô thật là trung tâm của gia đình, thì mặc dù có những thử thách của cuộc đời, chúng ta vẫn sẽ cảm nhận được hạnh phúc lớn lao là được yêu thương người khác và được người khác yêu thương, dưới cái nhìn của Thiên Chúa.

5. Nơi Đức Giêsu, Thiên Chúa đã đi vào Đền Thờ của Người. “Đó mãi mãi là cách Thiên Chúa đến viếng thăm...: sự thinh lặng, sự bất ngờ dưới mắt thế gian, mặc dù có những lời tiên báo mà mọi người đều biết ... Không thể khác được.

Các lưu ý của Thiên Chúa thì rõ ràng, nhưng thế giới vẫn tiếp tục dòng lưu chuyển của nó; khi đã dấn thân vào các hoạt động của họ, loài người không biết biện phân ra ý nghĩa của lịch sử. Họ coi các biến cố lớn là những sự kiện không quan trọng và do lường giá trị các thực tại theo một tầm nhìn hoàn toàn loài người... Thế giới vẫn mù lòa, nhưng sự Quan phòng ẩn tàng của Thiên Chúa thì tự thể hiện ngày qua ngày” (Hông Y John Henry Newman, 1801-1890).

9. Dâng Con trong đền thờ

(Suy niệm của Lm Đaminh Nguyễn Ngọc Long)

Lần chuỗi kinh mân côi chục thứ bốn có lời ngắm nguyện:
“Đức Bà dâng Chúa Giêsu trong đền thánh”.

Tập tục đạo đức dâng con cho Thiên Chúa có ý nghĩa gì trong đời sống đức tin?

Đức tin nói với chúng ta:

Con cái là hoa quả phúc lộc Trời cao ban cho cha mẹ. Tuy cha mẹ là người sinh thành nuôi dưỡng con mình.

Con cái không là sản phẩm do cha mẹ chế biến tạo thành. Nhưng sự sống, tính tình cùng hình hài thân xác của con cái là do Thiên Chúa sáng tạo thành.

Con cái tuy là giọt máu tình yêu thương của cha mẹ. Nhưng mầm sự sống trong dòng máu tình yêu thương của cha mẹ lại là hình ảnh giọt máu tình yêu thương của Thiên Chúa, Đấng là nguồn sự sống của con người.

Đức Mẹ Maria và Thánh Giuse ngày xưa đã không nhìn Chúa Giêsu là con riêng do mình tạo ra. Nên đã đem con mình vào đền thờ khẩn nguyện tạ ơn dâng cho Thiên Chúa. Cử chỉ đạo đức này của Đức Mẹ nói lên lòng tin tưởng phó thác vào bàn tay Thiên Chúa. Vì đã nhận được ân đức quà tặng từ nơi Thiên Chúa, cùng coi làm việc đạo đức này là bổn phận tất yếu của người đã lãnh nhận được ân phúc.

Lần thứ nhất, Thiên Thần Gabriel hiện đến truyền tin cho Đức Mẹ: Chúa Giêsu xuống thế làm người trong cung lòng Đức Mẹ. Và nói cùng Đức Mẹ: người con trong cung lòng bà sinh ra là Đấng thánh cao cả.

Lúc đem con vào đền thờ dâng cho Thiên Chúa, Đức Mẹ lại nghe lời truyền tin thứ hai của Tiên Tri Simeon: Thiên Chúa đã đặt cháu bé này làm duyên cớ cho nhiều người Israel vấp ngã hay được vực dậy đứng lên. Cháu là dấu hiệu cho

người đời chống báng. Còn chính bà một lưỡi gươm sẽ đâm thấu qua lòng bà!

Lòng vui mừng vì người con đã chào đời. Nhưng cũng có nhiều lo âu bối rối, nhất là khi nghe những lời truyền tin thứ hai về con mình và về đời mình.

Tuy vậy Đức Mẹ qua tập tục đạo đức đem dâng con cho Thiên Chúa trong đền thờ, thậm chí nói lên tâm tình phó thác vào bàn tay quan phòng của Thiên Chúa không chỉ riêng cho đời con mình, mà cho cả chính mình nữa.

Là cha mẹ, người Công giáo chúng ta, ai cũng vui mừng khi hay tin có con. Và mừng rỡ hơn nữa khi người con mở mắt chào đời mạnh khỏe. Nhưng ngay từ khi hay tin sự sống hình hài thân xác người con bắt đầu thành hình trong cung lòng mẹ cha, ai cũng đọc kinh khẩn nguyện xin ơn phù hộ cho người con tương lai. Đến khi người con ra đời, cha mẹ nào cũng hằng dâng lời tạ ơn cùng kêu xin khẩn nguyện cho con mình trong suốt cả đời sống.

Ngày xưa khi còn thơ bé, chúng ta đã được cha mẹ bồng ẵm vào thánh đường xin cho được nhận lãnh Bí tích rửa tội, ánh sáng đức tin vào Thiên Chúa là hướng đi cho đời sống.

Ngày nay lớn lên trưởng thành lập gia đình, cha mẹ trẻ có con, họ cũng làm việc nối lửa đức tin cho con mình như thế.

Nếp sống đức tin này gói ghém tâm tình tạ ơn cùng phó thác vào bàn tay quan phòng Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh của đời sống gia đình.

Tâm tình tạ ơn dâng hiến hòa lẫn trong làn khói ánh nến lung linh và lời cầu xin thoát ra từ đáy tâm hồn niềm tin: *“Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời cầu cho chúng con khi nay và trong giờ lâm tử. Amen.”*

10. Các con là ánh sáng thế gian

Anh chị em thân mến!

Tối hôm thứ bảy 30.1.1993 là tối đánh dấu 65 năm ngày Hitler lên cầm quyền tại Đức, đã gây ra không biết bao nhiêu tang tóc đau thương cho cả nhân loại. Tại khắp nơi trên nước Đức đã có hàng trăm ngàn người xuống đường tuần hành, nhiều ánh sáng rực rỡ nhóm lên, nhiều nến cháy trên tay của mỗi người tham dự cuộc tuần hành. Ánh nến ấy là biểu trưng của một chút ánh sáng mà nhiều người dân Đức muốn thắp lên để xoá tan màn đêm dày đặc của hận thù, ích kỷ, bại hoại do những người theo tân Đức Quốc Xã.

Hôm nay, tại nhiều nhà thờ trên khắp thế giới, người tín hữu Kitô cũng cầm nến cháy sáng trong tay để tưởng niệm một biến cố quan trọng trong cuộc đời của Chúa Giêsu. Đó là việc Ngài được cha mẹ dâng vào đền thờ Giêrusalem. Cũng như mọi bé trai đầu lòng Do Thái khác, Chúa Giêsu cũng được cha mẹ mang đến đền thờ Giêrusalem để dâng hiến cho Thiên Chúa theo đúng quy định của luật Môisê. Nhưng theo chương trình của Thiên Chúa, đây không chỉ là một lễ luật có sẵn, nhưng điều chính yếu là việc tỏ mình của Con Thiên Chúa như ánh sáng của muôn dân.

Thật thế, như chúng ta đã nghe trong bài Tin Mừng hôm nay, lời chúc tụng của cụ già Simêon là một kỷ niệm về lời tiên báo của tiên tri Isaia: “Ta đã đặt ngươi làm ánh sáng muôn dân để mở mắt những người mù loà, để đưa tù nhân ra khỏi lao tù, để đưa dân riêng ra khỏi bóng tối” (Is 42,6). Và chính Chúa Giêsu đã từng tuyên bố: “Ta là ánh sáng thế gian”.

Thật vậy, qua cuộc sống và cái chết cùng sự Phục Sinh của Ngài, Chúa Giêsu đã chiếu giải ánh sáng cho những bí ẩn của cuộc sống con người. Trong ánh sáng của Ngài, chúng ta biết được mình bởi đâu mà ra và mình sẽ đi về đâu. Đồng thời

ánh sáng của Ngài cũng xoá tan mọi tăm tối tội lỗi của thế gian. Nơi đâu ánh sáng của Chúa Giêsu được chiếu toả, nơi đó bóng đêm của tội lỗi, của ích kỷ, của hận thù sẽ tan biến đi. Chúa Giêsu đã mang ánh sáng đến trên trần gian và Ngài muốn ánh sáng đó được chiếu toả trong mọi hang cùng ngõ hẻm của trần gian.

Nhiệm vụ mang ánh sáng của Ngài đi khắp nơi đã được Chúa Giêsu uỷ thác cho Giáo Hội, Ngài đã nói với các môn đệ: “Các con là ánh sáng thế gian”. Giáo Hội và một cách cụ thể là mỗi người Kitô hữu đều là ánh sáng của Chúa Kitô được thắp lên để soi sáng cho trần gian.

Theo một truyền thống đã có từ lâu trong Giáo Hội, ngày hôm nay các tu sĩ cầm nến cháy trên tay để cùng với Chúa Kitô tự hiến cho Chúa Cha và cùng với Ngài trở thành ánh sáng cho mọi người. Nhưng ngày lễ nến hôm nay không chỉ là ngày lập lại lời tuyên khấn của các tu sĩ, mà còn là lễ của mỗi người Kitô hữu.

Ngày hôm nay mỗi người Kitô hữu chúng ta được mời gọi để đốt lên ngọn nến mà chúng ta đã lãnh nhận trong ngày chịu phép Rửa tội. Họ được mời gọi để cùng với toàn thể Giáo Hội lập lại những lời cam kết chống lại sức mạnh của tăm tối trong cuộc sống của họ. Những ngọn nến đã được đốt lên trên toàn nước Đức biểu hiện của một ý chí muốn xoá tan những bóng tối riêng tư của hận thù, ích kỷ, bạo động... và đồng thời khơi dậy nguồn ánh sáng của sự tha thứ, yêu thương, quảng đại và cảm thông.

Ngày hôm nay, những ngọn nến mà mỗi người Kitô hữu thắp sáng lên cũng nhắc nhở cho họ về sứ mệnh cao cả là trở thành ánh sáng cho mọi người. Trong đêm tối của một xã hội dày đặc những hận thù, ích kỷ, lừa lọc... mỗi người tín hữu Kitô đều có thể nói: “Thà đốt lên một ánh nến còn hơn ngồi đó mà nguyên rửa bóng tối”. Một cuộc sống tin tưởng, hân

hoan, phó thác và yêu thương, phục vụ quên mình, đó là một chút ánh sáng mà mỗi người tín hữu Kitô đều có thể đốt lên để soi sáng cho một góc trời nào đó, để từ đó người khác có thể nhận ra ánh sáng đích thực của Chúa Kitô.

11. Bảo vệ ánh sáng – Lc 2, 22-40

(Suy niệm của ĐTGM. Giuse Ngô Quang Kiệt)

Khi dâng Đức Giêsu trong đền thờ, Đức Mẹ tự nhận mình không có quyền trên Đức Giêsu. Đức Giêsu thuộc về Thiên Chúa. Thiên Chúa trao cho Đức Mẹ để Đức Mẹ chăm sóc dưỡng nuôi. Đức Mẹ dâng Đức Giê-su trong đền thờ không chỉ nhằm chu toàn lễ luật, nhưng là công nhận quyền của Thiên Chúa và cũng là để cầu xin Chúa chúc phúc cho Hài Nhi Giê-su.

Lễ Đức Mẹ dâng Con cũng được gọi là lễ Nén. Việc làm phép nén nói lên Đức Giê-su là ánh sáng soi trần gian.

Cụ Si-mê-on đã nhận biết Đức Giêsu là ánh sáng. Nhưng ánh sáng khởi đầu còn non nớt. Mà chung quanh thì bóng đêm và cuồng phong đang thét gào, hăm hè huỷ diệt làn ánh sáng run rẩy yếu ớt vừa ló dạng.

Có bóng tối căm dỗ của loài ma quỷ thâm độc lúc nào cũng rình chờ phá hoại chương trình của Thiên Chúa. Có bóng tối ác của Vua Hêrôđê ghen ghét vì sợ mất quyền hành. Có bóng tối chán nản do những thất bại trong công cuộc rao giảng. Có bóng tối u mê của đám đông không hiểu những mầu nhiệm Nước Trời. Có bóng tối nhút nhát của các môn đồ mau chóng bỏ cuộc. Có cuồng phong ganh ghét của các thượng tế, luật sĩ. Có bóng tối vô tình của quân lính hành hình. Có bóng tối của cái chết đau đớn tủi nhục.

Đức Mẹ đã là người che chở làn ánh sáng, chống lại mọi bóng tối vây bọc. Đức Mẹ đã ấp ủ làn ánh sáng chống lại bão gió cuồng phong. Vì thế Đức Mẹ đã bị một lưỡi gươm đâm thấu tâm hồn.

Hôm nay các bà mẹ trong xứ noi gương Đức Mẹ, đến nhà thờ dâng con cho Chúa. Khi dâng con các bà công nhận con cái là hồng ân Chúa ban tặng. Khi dâng con các bà cũng cầu mong Chúa chúc phúc cho tương lai của con cái.

Nhìn những đôi má, những bàn tay trắng hồng của các em nhỏ đang vây quanh bàn thờ, tôi tưởng như đang thấy những mầm cây non mơn mớn vừa mới lú lên khỏi mặt đất.

Nhìn những đôi mắt long lanh, trong sáng, tôi thấy hiển hiện những làn ánh sáng xinh tươi vừa hé.

Đó là ánh sáng đức tin mà các em đã lãnh nhận ngày chịu phép rửa tội. Đó là ánh sáng trí tuệ trình nguyên như một tờ giấy trắng. Đó là ánh sáng nhân đức của một linh hồn chưa vương tội lỗi.

Thế nhưng chung quanh các em có biết bao hiểm nguy rình rập. Những cơn nắng cháy khô hạn tình người rình chực thiêu rụi mầm cây vừa hé. Những lớp bóng tối vật chất đang tìm vây bủa ánh sáng đức tin. Những cơn gió lười biếng đang kéo màn mây ngu muội dập tắt ánh sáng trí tuệ. Những cơn cuồng phong sự dữ đang huy động lực lượng dập tắt ánh sáng nhân đức của linh hồn.

Các bà mẹ đang dâng con cho Chúa. Các bà hãy bảo vệ kho tàng quý giá Chúa trao cho các bà gìn giữ chắc chắn. Khi đương đầu với sự dữ để bảo vệ ánh sáng nơi con cái, các bà sẽ phải chịu những thương tích như Đức Mẹ. Hãy học nơi Đức Mẹ nghệ thuật nuôi dạy con cái, để các cháu bé hôm nay được Chúa chúc phúc sẽ "càng thêm tuổi, càng thêm khôn ngoan, càng được Thiên Chúa cũng như mọi người thương mến".

Lạy Đức Ki-tô là ánh sáng soi trần gian, xin chiếu ánh sáng ân sủng vào các em nhỏ đang chờ được Chúa chúc phúc, để làn ánh sáng đức tin, ánh sáng nhân đức và ánh sáng trí tuệ Chúa đã nhóm lên trong các em ngày càng vươn cao và lan rộng.

Lạy Mẹ Maria, xin giúp các bà mẹ can đảm bảo vệ ánh sáng của con cái, để ánh sáng của chúng vẫn còn sáng mãi cho đến ngày ra đón rước Chúa.

12. Lễ dâng Chúa Giêsu vào đền thờ

(Suy niệm của Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy)

Mẹ Maria và thánh cả Giuse biết rằng mọi sự đều từ Chúa mà đến và mọi sự đều phải trở về với Chúa. Trẻ Giêsu là một quà tặng bởi Chúa mà đến, và do đó hai ngài lên Giêrusalem để dâng lại cho Chúa. Các gia đình, nhất là các bà mẹ, hôm nay cũng mang con đến nhà thờ dâng cho Chúa, cảm tạ Chúa, vì sự sống Chúa đã ban cho nơi con cái.

Chúng ta hết lòng quý trọng quà tặng sự sống này. Không bao giờ đối xử với sự sống như một sở hữu hay như một cái gì chúng ta chế tạo ra, để rồi tưởng mình có quyền muốn giữ thì giữ, muốn bỏ thì bỏ. Chúa là Đấng Tạo Hóa đã ban sự sống cho chúng ta và đang nâng đỡ cho mọi sự được tồn tại. Ngài ban quà tặng sự sống ấy cho chúng ta, chúng ta phải làm cho nó được phát triển và kiện toàn. Trẻ Giêsu mà Mẹ Maria ẵm trong lòng và Simêon bồng trên đôi cánh tay già nua, tuy bé bỏng nhưng là Đấng Cứu độ muôn loài.

Như Mẹ Maria ẵm trẻ Giêsu trong lòng, và như Simêon bồng Người trong đôi cánh tay già nua, là Chúa cả trời đất. Chúng ta cũng hãy trân trọng và chăm lo cho những đứa con bé bỏng của chúng ta. Biết đâu những đứa trẻ bé bỏng hôm nay mai kia sẽ thành những người lãnh đạo Giáo Hội và đất nước.

Ngoài ra, chúng ta phải làm hết sức mình có thể để Chúa Kitô trở nên sự sống của chúng ta, và qua chúng ta, Chúa cũng trở nên sự sống cho mọi người chung quanh chúng ta, nhờ các hoạt động từ thiện truyền giáo của chúng ta.

Chúng ta nghe ông Simêon nói với Đức Mẹ rằng Chúa Kitô là dấu hiệu cho người ta chống đối: có những người nhờ Ngài mà đứng lên, có những kẻ vì Ngài mà phải ngã xuống, có những người hân hoan đón nhận sự sống Chúa mang lại,

có những người lại tìm cách tiêu diệt sự sống ấy từ trong trứng nước.

Trẻ Giêsu được dâng trong đền thờ khiến chúng ta nghĩ đến bao nhiêu em bé sinh ra đời. Chúng ta nức lòng nghĩ đến những em bé được chờ đợi và chào đón, nhưng cũng đau lòng nghĩ đến những trẻ sơ sinh không được đón nhận, những trẻ em bị bỏ rơi không thể sống sót vì thiếu sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ và người thân. Nhìn thánh gia thất, chúng ta nôn nao nghĩ đến những gia đình sum vầy cha mẹ con cái đầm ấm hạnh phúc, nhưng cũng nặng lòng nghĩ đến những đôi vợ chồng khao khát niềm vui có con cái mà hy vọng ấy dường như mỗi lúc một vô vọng và chúng ta thành tâm cầu nguyện cho họ.

Nhìn Chúa Hài Đồng được dâng lên, chúng ta cũng nghĩ đến bao nhiêu thai nhi không được phép đón nhận ngày sinh, cuộc sống và ánh sáng mà Thiên Chúa làm người mang đến cho mọi người, vì sự yếu đuối của con người, vì những toan tính và kế hoạch ích kỷ của những con người khác, cũng như của các cơ cấu xã hội, ngay cả bởi những cha mẹ vô trách nhiệm và gia đình của các thai nhi ấy.

Nghĩ đến những trẻ em bị giết chết ngay trong lòng mẹ không được sống đến lúc mở mắt chào đời, chúng ta cũng nghĩ đến những bà mẹ phải bị ám ảnh dằn vặt vì phá thai, dưới bất cứ lý do gì (vì yếu đuối, bị lừa gạt, bị lạm dụng hay vì khó khăn kinh tế, vì công ăn việc làm). Ý nghĩ phá thai là giết người, và giết chính con mình sẽ làm cho những người mẹ ấy phải đau khổ tâm lý trong suốt cả cuộc sống. Quả thế, một số các mẹ và các chị đã âm ức khóc hay nước mắt lưng tròng khi liên tưởng đến nỗi khổ tâm của mình hay con cái của mình vì hoàn cảnh đã phá thai. Nhiều nghiên cứu tâm lý và xã hội kết luận rằng đa số người phá thai có nguy cơ mắc

bệnh tâm thần và ung thư cao vì những nỗi ân hận ray rứt kéo dài triền miên trong cuộc sống.

Chúng ta cũng đau thương nghĩ đến nhiều trẻ nít và vị thành niên bị lạm dụng tình dục và hãm hiếp, hay sống thử phóng túng buông thả luân lý để rồi phải phá thai hay phải làm mẹ khi tuổi đời còn quá non nớt, không đủ khả năng hay không thể nuôi con, đành phải bỏ rơi con trong thùng rác, trên vỉa hè bệnh viện hay xó chợ, cho ruồi bâu, kiến rúc... Một số em được may mắn sống sót và lớn lên trong các cô nhi viện, một số khác gặp hoàn cảnh tệ hơn sống lầy lắt bụi đời, gánh chịu không biết bao nhiêu cơ cực cay đắng trên tâm hồn và trên thân xác, vì không có được một mái ấm gia đình, không biết cha mình là ai, mẹ mình là ai và đang ở nơi đâu!

Nghĩ tới những em bé bất hạnh bị bỏ rơi vô thừa nhận ấy, chúng ta tuy thông cảm và tôn trọng, nhưng cũng bất bình chua xót nghĩ đến những đôi vợ chồng ích kỷ chỉ nghĩ đến tự ái, đau khổ hay vui sướng của bản thân mà không nghĩ đến những hậu quả đau thương cho con cái, làm cho gia đình đổ vỡ, ly dị khiến các em trở nên mồ côi cha mẹ, dù cha mẹ các em đang còn sống cả đó, và nhiều em bị đẩy ra đường tự kiếm sống, làm cho bao nhiêu em bị hành hạ và giết chết hằng ngày trên khắp nẻo đường đời, dưới đủ mọi hình thức nghèo đói, bệnh tật, mại dâm, ma túy, HIV. Các em không chỉ bị giết chết về thân xác, mà còn bị giết chết dần mòn về tâm hồn và đức tin: những lạm dụng và tội lỗi đã giết chết lòng trong trắng của các em, đã đánh mất tình thương, niềm tin và hy vọng của các em vào con người, vào cuộc đời, lấm khi cả vào Thiên Chúa nữa.

Ngôi Lời nhập thể và được tiến dâng hôm nay nâng đỡ chúng ta. Ngài là Thiên Chúa đã mặc lấy thịt xương máu huyết để trở nên con người và để ở với chúng ta, chia sẻ thân phận con người chúng ta, đau khổ với chúng ta, đau khổ vì

chúng ta và đau khổ cho chúng ta, cho đến chết và chết tất tưởi trên thập giá. Ngài hiến ban mạng sống của Ngài để cho chúng ta được sống, được cứu độ. Đó là sứ điệp thúc đẩy chúng ta tìm lại những giá trị của mầu nhiệm Thiên Chúa nhập thể làm người. Chúa không đến cắt đi đau khổ. Ngài cũng không đến để giải thích đau khổ. Ngài đến để chia sẻ đau khổ với con người, nâng đỡ con người và mời gọi con người chia sẻ phận người với những con người khác, vốn là đồng bào, đồng loại và anh chị em của mình.

Chúng ta nghiêng mình cảm phục và ca ngợi những tấm lòng từ thiện, những đôi vợ chồng son sẻ đã mở rộng lòng nhân ái đón nhận các trẻ em mồ côi hay bị bỏ rơi, tàn tật để cho các em có cha có mẹ và một mái ấm gia đình. Nhưng chúng ta cũng nghiêm khắc thức tỉnh lương tâm và kêu gọi những con người đã gây ra những mảnh đời đau khổ cho đồng loại qua việc lạm dụng tình dục, sử dụng, cưỡng hiếp..., hãy thôi đi các việc thất đức đó, hãy kính trọng Thiên Chúa, tự trọng, tôn trọng phẩm giá và tình yêu con người. Chúng ta hãy cùng nhau kiến tạo cộng đồng xã hội và gia đình thành thiên đường mà hưởng, đừng biến chúng thành địa ngục mà phải chịu đựng.

Lễ dâng Chúa hôm nay mở ra cho chúng ta những cái nhìn mới, những con đường mới để suy tư và hành động, để cảm nghĩ và nói năng, để sống và yêu thương, để trao ban và lãnh nhận. Chúng ta tin, chúng ta hy vọng và chúng ta quyết tâm làm một cái gì cho những người kém may mắn hơn chúng ta: cô nhi, quả phụ, khuyết tật, nghiện ngập, HIV... Chúng ta cố gắng hết sức mình để mang hy vọng và tình thương cho kẻ khác, để làm cho Chúa Giêsu được sinh ra trong tâm hồn và cuộc đời của những người chưa biết Chúa, cũng như để làm cho Chúa Giêsu được sinh ra lại và lớn lên trong tâm hồn và cuộc đời của những ai đã từ khước Chúa vì tội lỗi của họ.

Nhưng thưa quý ông bà và anh chị em, Mình Máu Thánh Chúa Giêsu mà chúng ta sắp rước lấy, quyền năng của Chúa đã biến thể từ bánh rượu là lương thực hằng ngày của con người chúng ta. Vậy nếu chúng ta dâng lên Ngài bản thân chúng ta, cuộc đời đời chúng ta, giáo xứ chúng ta, gia đình chúng ta, mọi người chúng ta thương mến, công việc làm ăn, học hành, kinh nguyện của chúng ta, những niềm vui và hạnh phúc, những nỗi buồn phiền và gánh nặng vất vả của chúng ta; cả những kẻ thù nghịch, những người chúng ta không thương hoặc những người ghét bỏ chúng ta, cả những tính xấu và tội lỗi của chúng ta... thì quyền năng của Chúa cũng sẽ biến đổi thành cái gì tốt đẹp hơn cho chúng ta. Chúng ta hãy tin tưởng điều đó, vì tình yêu của Chúa thì lớn hơn tất cả.

Lạy Chúa Giêsu, Chúa luôn luôn dùng gương sáng hướng dẫn chúng con, và hôm nay Chúa được dâng lên cho Chúa Cha. Chúng con xin Chúa ban cho chúng con ơn chân thành dâng chính mình chúng con cho Chúa mỗi ngày. Mỗi buổi mai khi vừa thức dậy, chúng con sẽ dâng mình lại cho Chúa. Chúng con nài xin Chúa ơn luôn có Chúa hiện diện trong cuộc sống chúng con, luôn lắng nghe tiếng Chúa Thánh Thần dạy bảo, thúc giục, để tất cả chúng con sống hiệp nhất yêu thương hầu làm chứng tá cho Nước Chúa ở giữa trần gian. Xin Chúa cho chúng ta cảm nhận được Chúa yêu thương chúng ta và giúp chúng ta làm cho người khác cũng cảm nhận được Chúa yêu thương họ, ban bình an và niềm vui cho họ, bất chấp tất cả những gì có thể xảy ra. Amen.

13. Đàng Chúa Giêsu vào đền thánh

(Suy niệm của Lm Giuse Đinh Lập Liễm)

I. LỊCH SỬ NGÀY LỄ.

Thánh lễ 40 ngày sau lễ Giáng Sinh đã xuất hiện từ đầu thế kỷ thứ V tại Giêrusalem và được “mừng một cách trọng thể như lễ Phục Sinh vậy” (tường trình của thánh nữ hành hương Aetheria). Mãi đến năm 650, thánh lễ này mới du nhập vào Rôma. Nội dung Thánh lễ được triển khai theo đoạn Phúc âm thánh Luca 2,22-40.

Giáo hội Đông phương hiểu Thánh lễ này như lễ gặp gỡ của Chúa: Đấng Mê-si bước vào Đền thờ và gặp dân Thiên Chúa của Cựu ước qua ông Simêon và bà tiên tri Anna; Giáo hội Tây phương lại coi đây là Thánh lễ mừng kính Đức Maria: thanh tẩy theo luật Do thái (Lv 12).

Khi du nhập vào Phụng vụ Rôma, Đức Thánh Cha Sergiô I (678-701) lại thêm vào nghi thức rước nến, vì thế, từ thế kỷ thứ VIII, thánh lễ được gọi là Lễ Nến. Trong cuộc rước nến này, Đức Thánh Cha và cả đoàn đồng tế mặc phẩm phục tím, ám chỉ sự chưa thanh tẩy của Đức Maria khi lên Giêrusalem; khi đoàn đồng tế đến đại thánh đường Đức Bà Cả, liền thay phẩm phục trắng, chỉ sự tinh tuyền đã được thanh tẩy của Đức Maria.

Từ cuộc canh tân Phụng vụ năm 1960, ngay cả trong phụng vụ Rôma, thánh lễ này cũng qui hướng về Chúa, hơn là Đức Mẹ dâng Chúa Giêsu trong Đền thờ.

Thánh lễ này chấm dứt chu kỳ Giáng Sinh.

(Lm Nguyễn văn Trinh, Phụng vụ chư thánh, tập 1, tr 68).

II. Ý NGHĨA NGÀY LỄ

1. Theo tập tục của luật Maisen.

Bài Tin mừng cho thấy Đức Maria và thánh Giuse đã chu toàn những tập tục của luật Maisen liên quan đến việc hạ sinh Đức Giêsu. Luật Maisen qui định tất cả các trẻ nam đều phải

cất bì và đặt tên vào ngày thứ 8 sau khi chào đời (x. Lv 12,3; Lc 1,59-60; 2,21).

Khi được một tháng tuổi, trẻ phải được đưa tới Đền thờ để làm lễ chuộc lại con, vì mọi con đầu lòng – dù là người hay là thú vật – đều phải tiến dâng cho Thiên Chúa, vì nó thuộc về Người, rồi phải chuộc nó lại từ Thiên Chúa (x. Xh 13, 2.12-13; Ds 18,15-16).

Nếu sinh con trai thì khi nó được 40 ngày, hoặc nếu sinh con gái thì khi nó được 80 ngày, người mẹ phải làm lễ tẩy ứ, và phải dâng lễ toàn thiêu bằng một con chiên, người nghèo có thể thay thế bằng một đôi chim gáy hay một cặp bò cừu non như Đức Maria đã làm (x. Lv 5,7; 12,8).

Mặc dù biết Đức Giêsu con của mình, là Thiên Chúa, Đức Maria và thánh Giuse vẫn tuân thủ tất cả những gì luật đòi buộc. Đó là một gương mẫu cho chúng ta.

Sách Xuất hành qui định: “Giavê phán cùng Maisen rằng: Hãy hiến thánh cho Ta mọi con đầu lòng: vật gì bất cứ, khi thông dạ mẹ, thì thuộc về Ta”. Điều luật này tưởng nhớ sự kiện Thiên Chúa giải thoát dân Israel khỏi cảnh nô lệ Ai cập. Vì thế, mọi con trai đầu lòng đều thuộc về Thiên Chúa và phải dành riêng cho Người. Tuy nhiên, sau khi việc phụng tự được dành riêng cho chi tộc Lêvi, thì con trai đầu lòng thuộc các chi tộc khác không phải lo việc phụng tự nữa.

Nhưng để tỏ ra chúng vẫn thuộc sở hữu của Thiên Chúa, nên người ta thực hiện một nghi thức chuộc lại. Sách luật qui định con dân Israel phải hiến dâng một lễ vật tượng trưng để chuộc lại con trai.

2. Đức Maria dâng con theo lễ luật.

Theo luật Maisen cũng là tục lệ của người Do thái, những người con trai được sinh ra, nhất là con đầu lòng, sau 40 ngày bà mẹ phải đưa đến Đền thờ, trước là dâng con cho Chúa, sau là chính mình làm lễ tẩy ứ.

Vậy sau khi Chúa Giêsu sinh ra được 40 ngày, Đức Maria đem con lên Đền thờ dâng cho Thiên Chúa theo luật Do thái. Mẹ Ngài hoàn toàn thanh sạch, không cần phải giữ luật ấy, nhưng Mẹ cũng thi hành đầy đủ lễ nghi, trước là vâng theo ý Chúa, sau là để người ta khỏi sai lầm mắc phải.

Hôm ấy, ông già Simêon là người hằng mong đợi được trông thấy Đấng Cứu Thế, lên Đền thờ cũng là ngày cha mẹ dâng Hài Nhi Giêsu trong Đền thờ. Vừa trông thấy Hài Nhi, được ơn trên soi sáng chỉ dẫn, ông rất vui mừng, vội đưa tay ẵm kính Hài Nhi và chúc tụng Thiên Chúa: "Lạy Chúa, giờ đây theo lời Ngài đã hứa, xin để tôi tớ này được an bình ra đi. Vì chính mắt con được thấy ơn cứu độ Chúa đã dành cho muôn dân: Đó là ánh sáng soi đường cho dân ngoại, là vinh quang của Israel dân Ngài" (Lc 2,29-32).

Hai Ông Bà thấy và nghe như thế thì lấy làm lạ, chưa kịp hỏi han gì thì cụ già Simêon nhìn lên Đức Mẹ mà thưa: "Thiên Chúa đã đặt cháu bé này làm duyên có cho nhiều người Israel ngã xuống hay đứng lên. Cháu còn là dấu hiệu cho người ta chống báng; và như vậy, những ý nghĩ từ thâm tâm nhiều người sẽ lộ ra. Còn chính bà, một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn bà" (Lc 2,34-35).

Đồng thời, nữ tiên tri Anna trông thấy Chúa Hài Nhi, bà cũng nói lên lời chúc tụng Thiên Chúa và nói lại cho người ta biết rằng chính Ngài là Vị Cứu Thế muôn dân đang chờ đợi.

Mặc dầu biết Đức Giêsu, con mình, là Con Thiên Chúa, Đức Maria và thánh Giuse vẫn tuân thủ tất cả những gì luật đòi buộc. Và sau cùng, để chuộc lại con mình, hai Ông Bà vì nghèo nàn chỉ dâng lên Thiên Chúa một đôi chim gáy với tất cả tấm lòng thành.

3. Lễ hôm nay cũng là Lễ Nén

Khi lễ này được du nhập vào phụng vụ Rôma, Đức Thánh Cha Sergiô I lại thêm vào nghi thức rước nến, vì vậy lễ dâng

Chúa Giêsu vào Đền thờ hôm nay cũng được gọi là Lễ Nến, vì trước Thánh lễ có nghi thức làm phép nến và kiệu nến vào nhà thờ như cuộc đón rước Chúa Giêsu là Ánh Sáng của muôn dân.

Chính cây nến được làm phép và thắp sáng trong ngày lễ này, tượng trưng cho ánh sáng và vinh quang của Chúa Giêsu. Thánh Xôprôniô, Giám mục Giêrusalem đã nói: "Đây là ý nghĩa của màu nhiệm: chúng ta tiến bước, đèn sáng trong tay, chúng ta hăm hở đi tới, mang theo đèn sáng để nói lên rằng ánh sáng đã chiếu soi chúng ta và ánh sáng đó sẽ làm cho chúng ta nên rạng ngời. Nào mau lên, tất cả chúng ta cùng nhau ra đón Chúa. Người là Ánh Sáng thật đã đến, Ánh Sáng chiếu soi mọi người sinh ra trên thế gian. Vậy, thưa anh em, mọi người chúng ta hãy đón nhận ánh sáng và hãy tỏa sáng" (Kinh Sách, các bài đọc ngày 02.02).

Cuộc rước trong phụng vụ hôm nay nói lên đời sống của mỗi tín hữu phải giải chiếu ánh sáng cho người khác. Chúa Kitô là ánh sáng cho trần gian. "Ánh Sáng" là một từ thường được dùng để chỉ về sự sống và chân lý. Thiếu ánh sáng là cô đơn, nghi nan và lầm lạc. Chúa Kitô là Sự Sống cho thế gian và cho mọi người, Là Ánh Sáng chiếu soi, là Chân Lý giải thoát, Là tình Yêu viên mãn... Mỗi khi cảm nên đi trong đoàn kiệu, chúng ta thông phần vào ánh sáng của Chúa Kitô.

III. BƯỚC THEO MẸ MARIA.

Trong Thánh lễ hôm nay, chúng ta hãy xin Mẹ Maria giúp chúng ta biết theo gương Mẹ để biết khiêm nhường phục vụ Chúa và tha nhân trong mọi công việc của cuộc sống.

Trước hết, Lễ này dạy chúng ta bài học khiêm nhường vâng giữ luật Chúa và Hội thánh. Thật ra luật Cựu ước không buộc Đức Maria và Chúa Giêsu, vì Đức Maria không thụ thai cách bình thường như người đời. Ngài mang thai là do quyền

năng Chúa Thánh Thần, nên Ngài không bị ô uế theo luật Maisen và không buộc phải thanh tẩy.

Đức Giêsu cũng không buộc phải được hiến dâng cho Thiên Chúa theo luật dạy, vì rồi đây chính Ngài sẽ bị sát tế và dâng hiến lên Chúa Cha trên thánh giá để làm của lễ chuộc tội loài người. Việc hiến dâng các trẻ em Do thái theo luật Maisen chỉ là hình bóng việc tự hiến của Ngài mà thôi. Thế nhưng chỉ vì khiêm tốn vâng phục mà Đức Maria và thánh Giuse đã chu toàn luật Cựu ước cho Chúa Giêsu để nêu gương cho chúng ta.

Thứ đến, Đức Maria sẵn lòng dâng hiến Con mình cho Thiên Chúa. Qua đó, Mẹ lặp lại lời Fiat, và một lần nữa, trao phó trọn đời mình cho Thiên Chúa an bài sử dụng. Chúa Giêsu được hiến dâng lên Chúa Cha trên tay của Mẹ Maria. Đây là cuộc hiến dâng đặc biệt nhất tại Đền thờ, và không bao giờ được lặp lại. Hơn ba mươi năm sau, Chúa Giêsu đã dâng chính thân Người, nhưng ngoài thành, ở trên đồi Calvê.

Mẹ Maria đã trở nên một dụng cụ tuyệt vời để Chúa sử dụng trong cuộc việc cứu chuộc loài người. Mẹ không từ chối Chúa một sự gì. Tiếng Fiat luôn chiếm hữu tâm trí Mẹ để mọi việc được diễn tiến theo thánh ý Chúa, cho dù thân xác Ngài phải bị hao mòn.

Truyện: Ngụ ngôn về cây bút chì.

Người thợ làm bút chì nâng niu sản phẩm của mình trước khi cho nó vào hộp. Ông nói với bút chì: “Có 5 điều mà bạn cần phải nhớ trước khi tao để mày bước vào thế giới hỗn độn ngoài kia. Lúc nào mày cũng phải nhớ và không bao giờ được quên những điều ấy, khi đó, mày mới trở nên một cây bút chì đẹp nhất, hiểu không?”

Thứ nhất, mày luôn có thể tạo ra những thứ rất vĩ đại, nhưng chỉ khi nào mày nằm trong tay một ai đó.

Thứ hai, mày phải liên tục chịu đựng những sự gọt giũa rất đau đớn, nhưng hãy nhớ, tất cả đau đớn ấy chẳng qua để làm cho mày đẹp hơn mà thôi.

Tiếp theo, mày phải nhớ lúc nào mày cũng có thể sửa chữa những lỗi mà mày ghi ra.

Và một điều nữa, hãy biết phân quan trọng nhất trên cơ thể của mày chính là phần ruột, phần bên trong chứ không phải là lớp vỏ ngoài.

Cuối cùng,, mày, bút chì, phải để lại vết chì của mày trên bất cứ bề mặt nào mà mày được sử dụng để viết, và phải liên tục viết, bất kể chuyện khó khăn gì, được không?

Cây bút chì hiểu rõ những lời người thợ nói và nó tự hứa sẽ nhớ tất cả những điều ấy, và rồi, nó vào nằm trong hộp để bước ra thế giới với những mục đích riêng mà nó đã định.

Qua câu truyện ngụ ngôn về cây bút chì, bạn hãy thử đặt chính bạn vào vị trí cây bút chì xem. Lúc nào bạn cũng phải nhớ và không bao giờ được quên những điều này, khi đó, bạn sẽ trở thành một con người vĩ đại cho mà xem.

Bạn hãy cố thực hành:

Thứ nhất, bạn có thể làm nên những chuyện vĩ đại, nhưng chỉ khi nào bạn biết đặt mình vào trong vòng tay của Thiên Chúa, hãy để cho mọi người được sử dụng những món quà mà Thiên Chúa ban cho bạn.

Thứ hai, bạn sẽ phải liên tục nếm trải những đau đớn và thất bại trong cuộc sống, nhưng có trải qua ngàn ấy đau khổ, bạn mới có thể mạnh mẽ hơn được.

Cũng cần phải nhớ lúc nào bạn cũng có thể khắc phục những sai lầm trong quá khứ.

Tiếp theo đó, bạn phải biết phân quan trọng nhất của cơ thể bạn không phải là ngoại hình mà là tâm lòng bên trong của bạn

Còn điều cuối cùng, trên mọi nẻo đường mà bạn đi qua, bạn hãy để lại những dấu ấn riêng của bạn và trong bất cứ trường hợp nào, bạn cũng phải hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Hãy làm theo ngụ ngôn về bút chì, nó sẽ giúp cho bạn cảm thấy bạn đúng là một con người đặc biệt và chỉ có bạn mới có thể hoàn thành được những trách nhiệm mà ngay từ khi sinh ra, bạn đã được giao phó.

Đừng bao giờ để mình bị quan và cũng đừng bao giờ cho rằng cuộc đời bạn thật tầm thường và rằng bạn không thể thay đổi bất cứ thứ gì cả.

Trong Thánh Lễ hôm nay, cùng với lễ dâng trọn hảo là chính Chúa Giêsu, được Đức Maria và thánh Giuse tiến dâng trong Đền thờ, chúng ta cũng xin hiến dâng tuổi xuân và cả cuộc sống của chúng ta làm lễ dâng lên Thiên Chúa. Xin Ngài chúc phúc và hướng dẫn đường đời chúng ta trong thánh ý Ngài, hầu cả cuộc sống chúng ta trở nên lễ dâng tình yêu trong Tình Yêu Thiên Chúa.

14. Lễ Nén – Lm. Nguyễn Ngọc Long.

A. Lịch sử

Lịch sử Ngày này trong Hội thánh công giáo là ngày lễ mừng, vẫn quen gọi là lễ Nén hay lễ Đức Mẹ dâng Chúa Giêsu vào đền thờ. Tại sao lại có lễ này và gọi như vậy? Theo luật Maisen trong kinh thánh cựu ước (Xh 13,11-16; Lv 12,1-8; Is 88,14f;42,6) ghi chép:

1. Trẻ em sơ sinh trong thời hạn luật định phải mang đến đền thờ dâng hiến cho Thiên Chúa.

2. Một người phụ nữ sau khi sinh con được 40 ngày phải mang vào đền thờ Thiên Chúa lễ vật, để được thanh tẩy. Vì thời đó người ta hiểu là sau khi sinh con, người phụ nữ không còn được thanh sạch. Thanh sạch về thể xác hay tâm hồn? Trong sách luật không nói rõ.

3. Người con đầu lòng là tài sản của Thiên Chúa. Vì thế có tục lệ dâng con và lễ vật cho Thiên Chúa để chuộc.

Sau khi hạ sinh Chúa Giêsu được 40 ngày Đức Mẹ và Thánh Giuse cũng làm theo luật đã ghi chép trong đạo thời đó. Nhưng lễ dâng Chúa Giêsu trong đền thánh theo luật định lại trở nên cuộc gặp gỡ: Hai người đạo đức Ông già Simeon và Bà Hanna được hạnh phúc bông bế hài nhi Giêsu trên tay mình. Qua cuộc gặp gỡ này họ đã nhận ra hài nhi Giêsu là "ánh sáng cho mọi dân tộc" (Lc 2,22-40).

Bên Hội thánh Đông phương lễ này gọi là Lễ gặp Đấng Cứu Thế: Chúa Giêsu, vị Cứu thế vào đền thờ và gặp hai vị đại diện cho thời đạo cũ: Simeon và Hanna. Tục lệ này trở thành lễ mừng kính trong hội thánh bên Giêrusalem từ đầu thế kỷ thứ tư: 40 ngày sau khi Đức Mẹ hạ sinh Chúa Giêsu.

Bên Hội thánh tây phương lễ này là lễ kính Đức Mẹ: Đức Mẹ Maria cũng như bao người phụ nữ khác, sau khi sinh hạ con, mang lễ vật vào đền thờ, để được thanh tẩy như luật định. Bên Roma mừng kính ngày lễ này cũng vào thế kỷ thứ

tu trong các thánh đường. Sau này, vào ngày lễ này nên được làm phép và mọi người rước nến cháy sáng trong nhà thờ. Vì thế lễ có tên là Lễ Nến.

Từ năm 1969 lễ ngày mừng Hai tháng Hai không còn thuần ý nghĩa lễ dành kính Đức Mẹ Maria, nhưng được đổi thành lễ dâng Chúa Giêsu vào đền thờ, 40 ngày sau khi Chúa mở mắt chào đời trong hang đá Belem. Nếu lễ Chúa giáng sinh được mừng kính ngày 25. 12., ngày lễ dâng Chúa vào đền thờ, sẽ là ngày 02 tháng hai. Nếu lễ giáng sinh được mừng kính vào ngày 06.01., ngày lễ dâng Chúa vào đền thờ sẽ vào ngày 14. tháng Hai.

B. Ý nghĩa ngày lễ mừng.

Tục lệ đạo đức lễ Nến ăn sâu trong cuộc sống người tín hữu. Ở nhiều nơi, giáo dân tín hữu mang nến đến nhà thờ để được làm phép trong ngày này. Họ mang nến đã làm phép về thấp lên mỗi khi đọc kinh gia đình, khẩn nguyện khi có người ốm đau hoặc trầy đi xa, trong những dịp vui mừng cưới hỏi hay tang chế.

Lễ mừng này nói lên ý nghĩa cuộc gặp gỡ: Chúa Giêsu con Thiên Chúa được đưa vào đền thờ, một biểu hiệu trong công trình thiên nhiên. Ngài đi vào thiên nhiên gặp gỡ đời sống con người: tôn giáo và đời sông gặp gỡ nhau.

Vì thế, sau này trong bước đường rao giảng nước Thiên Chúa, Ngài hay dùng những thí dụ cụ thể trong đời sống để cắt nghĩa về nước đó: on kêu gọi là con Thiên Chúa và nước Thiên Chúa là quê hương của mọi người.

Hai thế hệ con người gặp gỡ nhau. Già trẻ gặp gỡ nhau. Hai vị trưởng lão Simeon và Hanna gặp gỡ trẻ Giêsu. Cuộc gặp gỡ tình người này là cuộc trao đổi. Thế hệ lớn tuổi trao lại cho thế hệ trẻ kinh nghiệm sống đã thu lượm được, những giá trị đời sống, niềm hy vọng cùng lời chúc lành mong chờ

trông đợi của mình. Thế hệ trẻ đón nhận những trời trần của lớp trưởng thượng trao lại.

Thế hệ lớn tuổi qua lời ông Simeon: Giờ đây lạy Chúa, xin để cho tôi tớ Chúa ra đi bình an. Vì mắt tôi đã nhìn thấy ơn cứu chuộc cho muôn dân, biểu lộ lối sống biết nhận lãnh và cũng sẵn sàng cho đi trời lại. Cung cách chuyển giao này gây niềm phấn khởi cho thế trẻ đang lên sẵn sàng nhận lãnh lời trời trần như bảo vật làm nền tảng cho tương lai đời sống cùng niềm tin đạo giáo.

Chúa Giêsu, Đấng là ánh sáng từ trời cao, được đưa vào đền thờ như lời mời gọi mọi người cùng đến gặp gỡ nhau trong tình khoan dung tha thứ cho nhau và mang đến cho nhau niềm hy vọng.

Lễ dâng Chúa vào đền thờ ngày mừng hai tháng hai hằng năm như lời mời gọi mỗi người đón nhận Chúa Giêsu, Đấng là ánh sáng cho tâm hồn mình. Ánh sáng Chúa Giêsu chiếu soi vào đền thờ tâm hồn con người và mang đến niềm vui cùng sự an ủi trong những giờ phút đen tối của cuộc đời.